

895.922 301 080 4

ĐC

CH 305 TR

tác giả

CHIẾN TRƯỜNG

Vũ điệu

Tập truyện



NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ

NHIỀU TÁC GIẢ

Chiến trường vẫy gọi

THƯ VIỆN
TỈNH ĐỒNG NAI

2023#ĐC/VV 001837

NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ

*Các truyện in trong cuốn sách **Chiến trường vẫy gọi** là những tác phẩm có nội dung cảm động, sâu sắc, có sức truyền cảm, nhắc nhở các thế hệ của nhiều tác giả, đã in trên nhiều Báo và Tạp chí khác nhau do Quốc Đại sưu tầm và biên soạn. Hiện nay Quốc Đại đã liên hệ được với một số tác giả, còn một số tác giả chưa liên hệ được do chưa có thông tin chính xác. Vậy mong các tác giả thông cảm và thứ lỗi. Xin kính mời các tác giả liên hệ với Quốc Đại theo số điện thoại **0913 534 604** để nhận nhuận bút. Xin trân trọng cảm ơn.*

Lời giới thiệu

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: *“Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là truyền thống quý báu của dân tộc ta. Từ xưa đến nay mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”*.

Khi Tổ quốc bị lâm nguy, toàn dân tộc Việt Nam không quản gian khổ, hy sinh đã nô nức xung phong lên đường ra chiến trường đánh giặc cứu nước. Bằng bản lĩnh kiên cường, bất khuất, mưu trí, dũng cảm, đoàn kết một lòng, quân và dân ta đã đập tan mọi mưu đồ xâm lược hòng thôn tính đất nước ta. Trong quá trình chiến đấu, chúng ta đã giành được nhiều chiến thắng oanh liệt trước kẻ thù hùng mạnh, đó là những trang sử hào hùng, bất khuất, là

niềm tự hào của dân tộc. Qua các cuộc chiến đấu, đã làm nên những chiến công oanh liệt bằng Chiến dịch Điện Biên Phủ, Chiến dịch Mùa Xuân năm 1975 và cuộc chiến đấu bảo vệ Biên giới phía Bắc và Biên giới Tây Nam đã giành thắng lợi hoàn toàn.

Để đất nước hòa bình, thống nhất như ngày hôm nay, nhiều cán bộ, chiến sỹ đã ngã xuống, được Nhà nước công nhận (truy tặng) liệt sỹ và phong tặng (truy tặng) danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, do có nhiều cống hiến xuất sắc, hy sinh xương máu của mình cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Chúng ta đời đời ghi nhớ và biết ơn những công lao to lớn đó.

Để tri ân và biết ơn những hy sinh và những công lao to lớn đó; Nhà xuất bản Dân Trí cùng với Công ty TNHH DVTM Văn hóa Phương Đông phối hợp xuất bản cuốn sách **Chiến trường vậy gọi.**

Những câu chuyện viết về những tấm gương dũng cảm, mưu trí, chiến đấu với quân thù để bảo vệ giang sơn Tổ quốc có rất nhiều,

rất thú vị, rất cảm động, những câu chuyện nêu trong cuốn sách này chỉ là một số ít câu chuyện mà chúng tôi sưu tầm, tuyển chọn được, nên không có sự so sánh nào đó về những công hiến và những chiến công.

Trong quá trình biên tập, cuốn sách sẽ không tránh khỏi những thiếu sót, do khả năng có hạn, cũng như sự hạn chế về tư liệu của người sưu tầm, tuyển chọn. Chúng tôi rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của các độc giả để cuốn sách sẽ hoàn thiện hơn khi xuất bản lần sau.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn và giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc!

NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ

CHIẾN TRƯỜNG VÃY GỌI

Khi những người nghệ sĩ ra trận, họ đã mang cả mùa xuân đến chiến trường khốc liệt. Nghệ sĩ cổ vũ bộ đội, bộ đội thành nghệ sĩ. Trong cuộc đấu tranh của dân tộc ta đã có biết bao nghệ sĩ trưởng thành trên chiến trường, bao nghệ sĩ trở thành bộ đội, đã cổ vũ cho khí thế hào hùng ra trận, không thể không kể tới hàng nghìn nghệ sĩ - chiến sĩ đã hiên ngang, oanh liệt tiến ra sa trường. Những nghệ sĩ - chiến sĩ đã viết nên bản hùng ca đời đời vang vọng.

Phơi phới, ra chiến trường

“*Lính chiến*” Tây Nguyên vẫn thường nhắc câu chuyện về hai vợ chồng nhạc sĩ Doãn Nho đi chiến trường. Nhiều cựu chiến binh gặp hai vợ chồng nghệ sĩ vẫn dí dỏm trêu: Quả bom

là quả bom to/Nó chui, nó rúc Doãn Nho mất hồn.... Tôi đến nhà thăm vợ chồng nghệ sĩ Doãn Nho - Nguyệt Ánh. Nhạc sĩ Doãn Nho đang đi thu âm trên Đài Tiếng nói Việt Nam. Tiếp tôi chỉ có nghệ sĩ Nguyệt Ánh. Bà trẻ hơn nhiều so với tuổi 72, ánh mắt vẫn tinh tường hồn hậu. Bà vui vẻ hỏi: *"Nhà báo lại đến vì cái chuyện "Quả bom to" phải không? Lĩnh xưa họ tếu lắm. Chuyện nó như thế này..."*.

Năm 1967, hai vợ chồng nghệ sĩ Nguyệt Ánh đang công tác tại Đoàn văn công Quân đội thì được lệnh lên đường đi B3. Lúc đó, chuyện nghệ sĩ ra chiến trường phục vụ là chuyện bình thường, nhưng vào chiến trường B3 (Mặt trận Tây Nguyên) lại kéo dài trong một năm thì lại là chuyện khác. Lo âu xen lẫn háo hức. Đoàn công tác có 13 người, trong đó có nữ. Nhạc sĩ Doãn Nho đi tiền trạm cùng một đoàn xe vận tải vũ khí. Đoàn xe này bị B52 rải thảm, bộ đội hi sinh rất nhiều. Trong số đó cũng có một chiến sĩ lái xe tên là Nho, nên khi báo về mọi người nhầm tưởng Doãn Nho đã hi sinh. Tình thực trước đó, nhạc sĩ "bị" một người bạn là sĩ quan cao cấp giữ chân ở binh trạm để tâm sự, nên may

mẫn thoát chết.

Nghe tin nhạc sĩ Doãn Nho - tác giả của ca khúc Tiến bước dưới quân kỳ đã hi sinh, anh em bộ đội thương lắm. Một đồn mười, mười đồn trăm, rồi cả Mặt trận Tây Nguyên đều biết. Tin đồn bay về với đoàn công tác. Lãnh đạo đoàn quyết định giữ kín thông tin để bà Nguyệt Ánh tiếp tục công tác.

Bà Ánh kể: “Mỗi lần tôi hát bài Nguyễn Viết Xuân, trong đó có câu: Nghe tin chúng giết anh rồi... tim sục sôi... Tất cả mọi người lúc đó đều đã nghe tin đồn anh Nho hi sinh. Họ đều khóc thương tôi. Tôi càng hồn nhiên diễn cảm, mọi người lại càng khóc”.

Thế rồi một hôm, khi 3 chị em trong đoàn tắm dưới suối, chợt nghe cậu “anh nuôi” hét gọi: “*Chị Nguyệt, chị Tân ơi, anh Nho về rồi!*”. Bà Ánh còn ngạc nhiên hỏi: “*Anh Nho về thì làm sao?*”. Hai chị ôm chầm lấy vai bà mà khóc: “*Bọn tao giấu mà y tin đồn anh Nho hi sinh cả tháng nay rồi!*”. Lúc đó, bà Ánh mới tá hỏa, òa lên, quên cả y phục chạy ra tìm chồng. Chuyện đó lại được đồn, lại thành thơ bút tre.

Lính Tây Nguyên ai cũng biết.

“Văn công đi mặt trận có được ưu ái gì không?” - Tôi hỏi. Bà Ánh đáp: “Ưu ái nhiều chứ. Trừ khẩu phần thức ăn, quân trang (nặng khoảng 20kg) thì không phải vác thêm gì nữa. Đôi lúc đến trạm giao liên còn được ngủ lán. Thế là quý rồi, đã hơn bộ đội “thật” rất nhiều rồi”.

Cảm động nhất là những lần gặp đồng hương trên mặt trận. Bà Ánh gặp một “cậu em” hàng xóm, hai chị em ríu rít trao đổi thư từ. Bà bùi ngùi nói: *“Cậu ấy tên là Thái, nhà ở 32 Yết Kiêu, trẻ hơn tôi mấy tuổi. Trước khi đi tôi chỉ kịp gửi cho cậu ấy túi đường. Sau đó ít lâu đã nghe tin cậu ấy hi sinh tại mặt trận phía Nam”.*

Những năm kháng chiến, nghệ sĩ cả nước có một phong trào ra trận. Trong số đó có nhiều người không công tác trong quân đội. Họ ra mặt trận như một nhu cầu tự thân, góp sức phục vụ kháng chiến. Nhiều đoàn nghệ sĩ với chiếc xe đạp, túi bánh mì khô, một tờ giấy giới thiệu lên đường ra vùng “cán chảo”, “túi bom”. Văn nghệ sĩ ra trận đã trở thành nguồn động viên bộ đội, và chính họ đã có nhiều tác

phẩm để đời: Nguyễn Trọng Oánh, Nguyễn Thi, Nguyễn Ngọc, Huy Thục, Thu Bồn, Hữu Mai, Vương Trọng, Nguyễn Đức Mậu... và còn nhiều tên tuổi lớn nữa... Sau mỗi chuyến đi là sự ra đời của hàng loạt những tác phẩm ca ngợi bộ đội, cổ vũ kháng chiến. Chính có những cuộc ra đi đó mà giờ đây trong nhạc Việt có một dòng nhạc được gọi là “nhạc đỏ”.

Trường hợp các nghệ sĩ trưởng thành trên mặt trận không phải hiếm gặp. Họa sĩ Trần Lê An là chiến sĩ Thành cổ. Ông có năng khiếu mỹ thuật nên được tham gia lớp đào tạo mỹ thuật cấp tốc do cán bộ trung đoàn tổ chức. Hiện ông còn giữ được rất nhiều tranh ký họa về những trận phòng ngự Cửa Tùng, Cửa Việt, Quảng Trị...

Nhiều cuộc triển lãm tranh ký họa chiến trường được tổ chức gần đây của các họa sĩ Huỳnh Phương Đông, Phạm Ngọc Liệu, Giang Khích, Lê Thiếu Nhơn, Đinh Rú, Lê Duy Ứng... đã khắc họa được hào khí của một thời gian khổ nhưng rất oai hùng.

Hào khí sa trường cuốn đi nhiều nghệ

sĩ. Bom đạn cũng cướp đi nhiều tài năng: Tô Ngọc Vân, Hoàng Việt, Chu Cẩm Phong, Dương Thị Xuân Quý, Nguyễn Văn Giá...

Xin cảm ơn người nghệ sĩ đã đồng hành cùng bước chân thần tốc của đoàn quân Nam tiến. Họ xứng đáng với danh xưng *"Nghệ sĩ - chiến sĩ"*.

Những tượng đài kỳ vĩ

Tôi như bị ám ảnh bởi những câu thơ *"Chân trời/ Vực thẳm/ Ba lô sắp mặt/ Gió lộng hành quân/ Xơ tước cánh rừng/ Dốc người dựng ngược"* (Trường ca Ngày đang mở sáng - Trần Anh Thái). Quả tình, tôi đã bắt gặp khung cảnh đó trong những câu chuyện mà đêm đêm cha tôi - nghệ sĩ Lê Duy Ứng vẫn rì rầm kể về một thời chiến trận. Cảm nhận thật của ông về chiến tranh là đói, rét, mệt lả, sợ hãi, đêm tối mịt mùng, cái chết cận kề... Giữa đêm, tôi giật mình đạp chân. Cha hỏi, tôi đáp rằng mơ bước hụt một nấc thang mây.

Rồi cha tôi kể, ông đã vượt Trường Sơn bằng hình ảnh của những ánh sáng lung linh trong bài Đêm trên Cha Lo của nhạc sĩ Phạm

Tuyên. Sau chiến trận, cha tôi đã là thương binh, ánh sáng trong mắt đã mất. Một lần cha tôi được gặp nhạc sĩ Phạm Tuyên. Ông kể với nhạc sĩ: *“Ngoài những chớp lửa của đạn pháo trong mắt tôi vẫn còn ánh sáng lung linh trong đêm Cha Lo”*. Nhạc sĩ xúc động tặng cha tôi tập sách in nhạc, trong đó có bài Đêm trên Cha Lo.

Tôi nhiều lần được nghe nhạc sĩ Phạm Tuyên kể về hoàn cảnh sáng tác bài Đêm trên Cha Lo. Tôi biết ông đã viết bài hát đó bằng tình cảm rất thật. Chỉ có những người dám đội bom, vượt dốc, băng qua đêm đen giá buốt giữa mịt mù rừng núi Trường Sơn mới cảm nhận được hơi ấm từ một đốm lửa nhỏ, mới thấy rạng rỡ lung linh ánh sao đêm, ánh sáng từ nụ cười của những em bé Vân Kiều. Tôi bỗng thấy Cha Lo thật gần gũi.

Tôi gặp anh hùng Lê Mã Lương, hỏi vui: *“Nhiều người vẫn bảo vì chú mà họ lên đường ra trận đấy”*. Anh hùng cười giễu dè: *“Vẫn có người trách yêu như vậy. Họ nói vì mình mà họ gắn với cuộc đời binh nghiệp. Có người lên cấp tướng, có người thì trở thành thương binh.*

Nhưng họ đều công nhận rằng đã làm đúng".
Cũng không ít người đã ngã xuống, không một
tấm hình, không một dòng địa chỉ!

Hình tượng nghệ thuật lấy cảm hứng từ
anh hùng Lê Mã Lương đã được các môn nghệ
thuật như sân khấu, hội họa, văn chương, điện
ảnh khai thác rất nhiều trong thời chiến. Câu
nói bất hủ: *"Cuộc đời đẹp nhất là trên trận
tuyến đánh quân thù"* thời ấy đã thôi thúc hàng
vạn thanh niên xếp bút nghiên lên đường ra
trận. Mới đây thôi, ngài đại sứ Hy Lạp Ha - di -
mi - cha - lít khi được nhận món quà là bức
tranh cổ động có hình ảnh anh hùng Lê Mã
Lương đã bày tỏ sự xúc động đặc biệt khi được
gặp nguyên mẫu trong tranh. Ông nói đây là
cuộc hội ngộ thật mà ngỡ trong mơ.

Họa sĩ Dương Ánh là người đã vẽ bức
tranh cổ động có hình ảnh anh hùng Lê Mã
Lương. Hai người gặp nhau lần đầu tiên vào
tháng 2 năm 1971. Lần đó, anh hùng Lê Mã
Lương cùng đoàn anh hùng dũng sĩ miền Nam
ra báo cáo tại Hà Nội. Ông kể: *"Lúc đến Tạp chí
Văn nghệ Quân đội tôi rất hồi hộp. Rồi từ hồi*

hộp chuyển qua xúc động vì có các nhà văn, nhà thơ, nhà báo, họa sĩ nổi tiếng đã ngồi chờ sẵn. Ngày còn đi học mình chỉ biết các nhà văn, nhà thơ qua các bài học trên trong sách. Đâu biết rằng sẽ có ngày được ngồi gần họ đến vậy". Trong lúc Lê Mã Lương kể lại chuyện chiến trường cho các nhà văn, nhà thơ... thì họa sĩ Dương Ánh đã ký họa rất nhiều.

Băng đi sau đó chừng hai tháng, anh hùng Lê Mã Lương lần đầu tiên được thấy hình ảnh của mình trên bức tranh cổ động "*Cuộc đời đẹp nhất là trên trận tuyến đánh quân thù*" trong một hoàn cảnh rất bất ngờ. Đó là lần máy bay Mỹ ném bom kho xăng Đức Giang, khi khói bom tan hết, nhìn sang bên đường vẫn thấy bức tranh đứng vững mà không bị hơi bom hất đổ, ông lặng người đi xúc động, lòng muốn về ngay đơn vị để được chiến đấu với quân thù.

Đại tá, nhà báo Nguyễn Sĩ Bình kể: "*Năm 1971, Đoàn TNCS có phong trào học tập những tấm gương như Lê Mã Lương, Lê Thị Hồng Gấm... Chính họ đã cuốn chúng tôi ra mặt trận. Trên chiến trường, hình ảnh họ giúp chúng tôi có*

**THỦ VIỆN
TỈNH ĐỒNG NAI**

thêm nghị lực, giữ niềm tin chiến thắng”.

Tôi đã gặp những cựu chiến binh Thành cổ, và cả những con người chiến thắng trong ngày 30 - 4 - 1975, họ đã lạc quan tin tưởng ngày chiến thắng và rồi niềm tin đó đã thành hiện thực.

Tôi lại nhớ đến những nhân vật trữ tình trong văn học giai đoạn kháng chiến chống Mỹ đã được học trong trường phổ thông, như: Núp (Đất nước đứng lên - Nguyên Ngọc), Nguyệt (Mảnh trăng cuối rừng - Nguyễn Minh Châu), T'nú (Rừng xà nu - Nguyễn Trung Thành)... Họ là hiện thân cho một lối sống đầy trách nhiệm với đất nước. Họ có chung một niềm tin giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Tâm hồn họ trong lành, yêu ghét rõ ràng, thủy chung son sắt. Tôi và bao thế hệ thanh niên sinh ra và lớn lên trong hòa bình được hòa mình trong lý tưởng sống cao đẹp.

Cảm ơn những nghệ sĩ - chiến sĩ đã lao động nghệ thuật hết mình, đã cho nền văn học nghệ thuật Việt Nam một giai đoạn văn chương

chói ngời, hình ảnh cao đẹp của Bộ đội Cụ Hồ trở thành lý tưởng, là đích đến cho lớp lớp thanh niên, đó cũng là những tượng đài nghệ thuật kỳ vĩ của dân tộc ta trong thế kỷ hai mươi, muôn đời không khuất lấp.

Theo Lê Đông Hà (QĐND)

THẦY HIỆU TRƯỞNG RA CHIẾN TRƯỜNG

Có thể nói thầy giáo Ngô Xuân Tư là người thuộc thế hệ đầu tiên của đội ngũ nhà giáo miền Bắc được chi viện vào chiến trường miền Nam. Dù đứng trên bục giảng hay đi vận động mở lớp và sau cùng là “rẽ ngang” sang tuyên huấn nhưng thầy Hiệu trưởng Trường cấp 3 Ứng Hòa (Hải Dương) không bao giờ ngại khó để cùng với các đồng nghiệp hoàn thành sứ mạng cao cả của người cán bộ trên mặt trận tư tưởng văn hóa.

Năm 1965 khi đang dạy tại huyện nhà Tiên Lữ, tỉnh Hải Hưng (nay thuộc tỉnh Hưng Yên) thầy giáo trẻ Ngô Xuân Tư đã nghe tin nhiều bạn bè cùng lứa lên đường đi bộ đội. Lúc bấy giờ không khí nhập ngũ của trai làng nhộn nhịp khắp nơi. Trong lúc chiến trường miền

Nam đang chìm trong ngút ngàn khói lửa thì ở miền Bắc đế quốc Mỹ bắt đầu điên cuồng leo thang ra bắn phá.

Những lớp học dã chiến

Sau 2 đợt tổng động viên, cuối năm 1965, Bộ Giáo dục lại có thêm đợt thứ 3 gọi tiếp mấy trăm thầy cô giáo nối gót đồng nghiệp bạn bè đi trước trong đó có thầy Hiệu trưởng Trường cấp 3 Ứng Hòa. Ông nhớ lại thời gian cách đây non nửa thế kỷ: “Anh em chúng tôi vừa mới ra trường ai cũng hào hứng, say mê với bục giảng nhất là mỗi khi được tâm tình trò chuyện với các em học sinh ở vùng sơ tán. Thế nhưng vì nhiệm vụ nên không ai được thoái thác, trường nào lớp nào cũng có cảnh từng đoàn học sinh đến sân ga đưa tiễn thầy cô giáo lên đường. Chúng tôi đi không chỉ có người thân mà còn có học trò và đồng nghiệp lưu luyến. Mọi người hẹn ngày chiến thắng sẽ trở về”. Từ đó thầy Xuân Tư bắt đầu cuộc đời của người chiến sĩ gian nan vượt thác ghềnh Trường Sơn để vào với bà con Nam bộ.

Đến Khu 8, ông không chỉ gặp lại được

đồng nghiệp mà còn có thêm đồng chí, đồng hương mới trong Tiểu ban Giáo dục của Ban Tuyên huấn. Tình đồng đội đã nâng bước chân họ vượt qua những ngày khét nắng gian khổ và từng đêm mưa dầm lạnh giá ở vùng căn cứ. Không chỉ dạy học tại các lớp BTVH mà những thầy giáo quê ở miền ngoài vào đây còn làm công tác dân vận. Nếu ở hậu phương luôn có sẵn bục giảng để cho thầy cô lên lớp thì ở đây các thầy cô phải tự đi tìm lớp học. Chỉ cần một gò đất cao hay một ngôi nhà kho rộng rãi là đã có một bục giảng đã chiến dạy được hai mấy ba chục em học sinh. Hết thời gian lên lớp, thầy cô lại chia nhau xuống các xã ấp để gieo mầm tri thức. Chỉ một thời gian ngắn, những lớp học mới ra đời phần nào gánh bớt vất vả cho thầy và trò ở các vùng xa xôi cách trở. Không chỉ tìm bục giảng để dạy mà các thầy cô còn “chạy” theo dân để dạy học nữa. Ông còn nhớ những câu chuyện, hôm nay dạy còn đủ học sinh nhưng sang ngày hôm sau lớp vắng hoe vì không còn một em nào đến lớp. Giặc càn bố dữ làm cho dân sống không yên, cả làng sợ quá phải trốn

đi chỗ khác. Con cái theo cha mẹ, cháu chắt theo ông bà. Thế là chỉ có thầy và lớp học trở lại một mình. Không còn cách nào hơn thầy cô cũng “đuổi theo” học sinh để duy trì lớp.

Duyên nợ với bưng biền

Năm 1968 sau Tết Mậu Thân, cục diện chiến trường thay đổi hẳn. Chủ trương bám vào những vùng ven giải phóng của Ban Tuyên huấn triển khai xuống từng địa bàn để mở thêm lớp học và đặc biệt là đào tạo cấp tốc đội ngũ giáo viên tại chỗ. Vùng đất hoạt động mới của thầy Ngô Xuân Tư và một số thầy cô khác mở rộng sang Kiến Phong (nay là tỉnh Đồng Tháp). Thầy giáo già Ngô Xuân Tư nhớ lại: “Trong vùng chiến khu bạt ngàn lau sậy, một ngôi trường sư phạm ra đời. Trường đào tạo nguồn cán bộ sư phạm nhưng đựng vào cái nào thiếu cái đó. Không có sách và chương trình thì các thầy cô tự soạn lấy. Thầy giáo không cần trình độ cao mà chủ yếu trên tinh thần *“người biết chữ dạy người chưa biết chữ”, “người biết chữ ít học người biết chữ nhiều”*. Ai cũng có thể làm được thầy giáo và có thể vừa đi học lại vừa

đi dạy". Sự năng động nhạy bén trong hoàn cảnh cấp thiết đó đã làm cho giáo dục vùng giải phóng "đổi sắc thay da" và có thể nói lan rộng như một vết dầu loang trên mặt bằng dân trí.

"Giữa vùng Đồng Tháp Mười đầy tôm cá nên "cuộc sống điền dã" của thầy trò cũng dễ thở hơn. Trong 3 tháng tự túc, các lớp học túa xuống ruộng đi cắt lúa, tát đìa. Mùa nước lũ thì đi giăng câu, hái bông điên điển về nấu canh chua. Nhưng đằng sau cảnh thanh bình tạm thời đó là tiếng đại bác nổ ùng oàng khắp nơi, tiếng giày đinh của bọn lính đêm đêm đi càn. Nhiều ngôi trường mọc lên bị giặc đốt cháy thành tro bụi, thầy trò bị bắt đưa về đồn đánh đập tra khảo" - thầy giáo Ngô Xuân Tư kể tiếp. Câu chuyện về một cô giáo và 7 em học sinh ở xã Thanh Mỹ, huyện Cao Lãnh (nay là huyện Tháp Mười) bị giặc giết hại là một nỗi đau tột cùng mà đến bây giờ ông vẫn còn chôn chặt trong tâm trí. Đó là lớp học sát bờ kênh của cô Nguyễn Thị Bích Dung gần chợ Ngã Sáu. Biết là lớp học con em cán bộ nên khi đi ngang trường bọn chúng bắt cô giáo và 7 em học sinh ra sân xếp hàng. Sau một hồi tra hỏi không

được, một loạt đạn vừa dứt, cô giáo Dung và 7 em học sinh nằm bất động trên vũng máu đỏ tươi. Một màu tang tóc nhuộm xám ngôi trường mái lá trong buổi chiều mùa đông hôm đó. Rất may là có vài ba em chạy trốn được nên sống sót. Cái chết đau thương như đốt thêm ngọn lửa căm thù giặc của bà con Thanh Mỹ, để lại niềm thương tiếc khôn nguôi cho các thầy cô giáo và nhân dân vùng đất Kiến Phong.

Thế nhưng bàn tay tội ác của Mỹ - ngụy vẫn không thể nào đàn áp nổi tinh thần cách mạng của người dân. Các em học sinh vẫn bơi xuồng đến lớp dưới làn đại bác của quân thù, những ngôi trường dựng tạm vẫn rộn tiếng đánh vần ê a trong những làng kháng chiến.

Phan Ngọc Quang

CON GÁI BỘ TRƯỞNG XUNG PHONG VÀO CHIẾN TRƯỜNG

“Lá ngọc cành vàng” là từ để ví con cháu vua chúa và nhà quyền quý trong xã hội thời trước. Thời hiện đại, thậm chí thời Cách mạng, con cháu các “quan to”, cỡ như Bộ trưởng trở lên, cũng được ví như *“Lá ngọc cành vàng”*. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, lý tưởng *“Cuộc đời đẹp nhất là trên trận tuyến đánh quân thù đã ăn sâu trong tâm trí một thế hệ thanh niên nước ta, thôi thúc lớp lớp tuổi trẻ lên đường “Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước/ Mà lòng phơi phới dậy tương lai”*.

Trong số hàng vạn thanh niên miền Bắc nhập ngũ, đi TNXP ra tiền tuyến, hoặc trên trận địa chống chiến tranh phá hoại của máy bay, tàu chiến Mỹ ở miền Bắc ấy, có không ít những *“lá ngọc cành vàng”*, con cái của những cán bộ

cao cấp của Đảng và Nhà nước. Sự xuất hiện của họ trên trận tuyến, cũng bộ quần áo bộ đội, TNXP, cũng ba lô con cóc, súng đạn, cuốc xẻng, đã xóa đi cái ấn tượng cho rằng họ chỉ là ... *"lá ngọc cành vàng"*, được nuông chiều không biết làm gì.

Một trong những *"lá ngọc cành vàng"* tỏa sáng nơi tiền tuyến ấy có Nguyễn Kim Nữ Hiếu - con gái của Bộ trưởng Bộ Giáo dục Nguyễn Văn Huyền. Không những thế, chị là người con gái Bộ trưởng đầu tiên tình nguyện vào chiến trường miền Nam đánh Mỹ.

Nguyễn Kim Nữ Hiếu sinh năm 1942 là con gái thứ ba trong 4 người con của Bộ trưởng Bộ Giáo dục - Nhà bác học tài ba Nguyễn Văn Huyền, có chú là Giáo sư danh tiếng Hồ Đắc Di - Hiệu trưởng Trường ĐH Y khoa Hà Nội, có anh họ là Giáo sư nổi tiếng Tôn Thất Tùng. Ngay từ nhỏ, Nữ Hiếu đã nhận được sự quan tâm chăm lo của Bác Hồ, Thủ tướng Phạm Văn Đồng và nhiều Bộ trưởng khác. Năm 11 tuổi, trước khi Nữ Hiếu đi học trường Thiếu sinh quân tại Trường Thiếu nhi Việt Nam bên Quế Lâm

(Trung Quốc), trước ngày lên đường, Nữ Hiếu đã nhận được quà tặng của Bác Hồ - Người gửi cho cô bé sữa uống và mảnh vải ka ki màu vàng để may áo sang Trung Quốc học. Song, chưa bao giờ Nữ Hiếu ỷ thế để đòi hỏi cho riêng mình điều gì khác người và hơn người. Từ một cô bé bị lao xương bó bột, cô tự rèn luyện, năm 1960 trở thành một trong số vận động viên đầu tiên của Đội tàu lượn Thủ đô. Tốt nghiệp cấp III (nay là Trung học phổ thông), với học lực giỏi, không cần cậy thân cậy thế, chị có thể ngẩng cao đầu trên giảng đường của bất cứ trường đại học danh tiếng nào trong phe xã hội chủ nghĩa, nhưng chị đã chọn thi vào Trường Đại học Y khoa Hà Nội - một trường danh tiếng (*"Nhất y, nhì dược, tạm được Bách khoa, bỏ qua Sư phạm,..." như sự bình phẩm, đánh giá không chính thức của xã hội thời ấy*) chỉ với một suy nghĩ đơn giản, là bởi *"mang ơn các bác sĩ"*, muốn học nghề y *"theo anh Tôn Thất Tùng chăm sóc sức khỏe cứu người"*.

Nguyễn Kim Nữ Hiếu nhận bằng Bác sĩ năm 1965, cũng là lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta bước vào thời

kỳ ác liệt, đế quốc Mỹ đã mang máy bay, tàu chiến đánh phá miền Bắc. Nhận tấm bằng Bác sĩ loại ưu, với học lực và thân thế của mình, chị được nhiều người khuyên đi học thêm ở nước ngoài. Song, chị không chọn con đường đó. Chị cũng không nhờ cậy, không chọn cho mình một chỗ làm việc tốt ở Thủ đô để được gần gia đình. Chị ... xung phong đi bộ đội. Gia đình Bộ trưởng Nguyễn Văn Huyền không mấy ngạc nhiên trước quyết định này của con gái. Nữ Hiếu rất yên tâm khi được bố, mẹ và gia đình vui lòng trước quyết định của mình “quân đội cần, thì con cứ đi”. Ngày 24 tháng 5 năm 1965, là một ngày không thể quên trong cuộc đời nữ Bác sĩ trẻ Nữ Hiếu. Cùng 14 nữ bác sĩ trẻ trong số 100 bạn cùng học, chị đã được khoác trên mình bộ quân phục màu xanh của Quân đội nhân dân Việt Nam, thực sự hòa mình trong phong trào “*Ba sẵn sàng*”, “*Ba đảm đang*”, “*Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược*”,... của tuổi trẻ miền Bắc lúc ấy. Lãnh đạo Cục Quân y biết Nữ Hiếu là con gái Bộ trưởng Nguyễn Văn Huyền, đã sắp xếp cho chị về làm việc ở Hà Nội. Các đồng chí ở bên

Không quân, biết Nữ Hiếu khi còn là học sinh đã tham gia Câu lạc bộ Thể thao hàng không, cũng đồng ý nhận chị vào quân y quân chủng. Song, chị một mực xin được trực tiếp phục vụ bộ đội ở chiến trường. Cuối cùng, Hiếu cùng 7 đồng nghiệp được phân công về Viện Quân y 9 đóng tại Vĩnh Phú và trực tiếp làm chuyên môn tại khoa chấn thương.

Năm sau, Nữ Hiếu được điều về làm việc tại Đội điều trị đặc biệt số 11 đặt tại Viện Quân y 108 với nhiệm vụ phục vụ bộ đội chiến đấu bảo vệ Thủ đô. Quân đội là một trường học lớn cho mọi tầng lớp thanh niên. Bác sĩ Nguyễn Kim Nữ Hiếu đã kinh qua nhiều nhiệm vụ chuyên môn, đã trưởng thành qua bao thử thách. Trong

5 năm liền chị đều được bầu là Chiến sĩ thi đua của đơn vị. Cùng với niềm vui về sự nghiệp, chị cũng đạt được hạnh phúc riêng của đời mình. Trong những ngày phục vụ quân đội, chị đã gặp được “một nửa” của mình và xây dựng hạnh phúc với giảng viên trẻ Nguyễn Lâm Dũng ở Khoa Sinh - Trường Đại học Tổng hợp

Hà Nội (anh là con của Giáo sư, Nhà giáo Nhân dân Nguyễn Lân, sau này anh là Giáo sư, Tiến sĩ, đại biểu Quốc hội, một nhà sinh học đã dành nhiều tâm huyết đưa các thành tựu tiến bộ của khoa học phục vụ cho nông nghiệp và nông thôn nước ta). Anh thường đến Viện quân y 108 thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học phục vụ công tác chữa bệnh cho bộ đội. Bố mẹ cả hai gia đình là chỗ thân quen, đồng đội là ông tơ bà nguyệt, và hai người đã tổ chức lễ cưới vào tháng 10 năm 1971.

Sang năm 1972, công cuộc giải phóng miền Nam bước sang giai đoạn phản công, đánh địch ở mọi chiến trường. Cuộc kháng chiến chống xâm lược Mỹ càng gần thắng lợi, càng đòi hỏi miền Bắc chi viện sức người sức của lớn hơn nữa cho miền Nam. Chủ trương của quân đội ta là phải điều trị tốt cho thương bệnh binh để các anh sớm trở lại đơn vị chiến đấu, đồng thời hạn chế việc chuyển thương bệnh binh về tuyến sau hoặc đưa ra miền Bắc điều trị. Thấm nhuần quan điểm đó, đầu năm 1972 Viện quân y 108 tổ chức một đội ngũ cán bộ có trình độ kỹ thuật giỏi để chuẩn bị cho

chiến trường. Đoàn được mang tên Đoàn 730B do BS. Nguyễn Huy Phan phụ trách. Nguyễn Kim Nữ Hiếu nằng nặc xin được tham gia Đoàn 730B vào chiến trường. Nghe tin Nữ Hiếu xung phong đi B, gia đình ai cũng băn khoăn. Bố mẹ chị không ngạc nhiên lắm vì quyết định này của con, song không khỏi lo lắng vì lúc bé, cô bị lao xương bó bột, tuy đã khỏi nhưng làm sao có đủ sức để vượt 9 cung đường Trường Sơn trong điều kiện mang vác nặng, lại phải lo đối phó với máy bay Mỹ ném bom bắn phá?

Lo lắng vì cô mới xây dựng gia đình được 3 tháng, ra trận là đối mặt với bom đạn, Nữ Hiếu bé bỏng sẽ xoay sở ra sao? Đây là cả gia đình chưa biết lúc ấy chị đang mang bầu đứa con trai đầu lòng được 3 tháng. Bởi, như sau này chị kể, chị đã cố tình giấu mọi người tin vui này để được ra mặt trận. Trong khi cả nhà băn khoăn lo lắng thì chị lại hăng hái xông pha, chỉ với một ý nghĩ đi chiến trường, tuy gian khổ đấy nhưng là dịp hiếm có để rèn luyện và cống hiến. Quyết định của chị được anh Nguyễn Lâm Dũng chồng chị động viên khích lệ.

Một sáng tháng giêng năm 1972, Nữ Hiếu nhận quyết định *“về đơn vị bàn giao ngay công tác trong ngày hôm nay để chuẩn bị đi chiến trường”*. Nữ Hiếu được biên chế vào Đội 730B. Nhận tin hôm trước, hôm sau nhận nhiệm vụ ngay. Được ra chiến trường, đó là niềm mong đợi của tất cả các chiến sĩ. Hiếu rất mừng, song lại có phần lo lắng. Tuần lễ trước sang Bệnh viện C (Bệnh viện bảo vệ bà mẹ và trẻ sơ sinh) làm xét nghiệm kiểm tra, Hiếu biết mình đã có thai. Hiếu giấu đơn vị, vì không muốn bỏ qua cơ hội. Trong khi chờ lên đường, hằng ngày, cả đội tập luyện hành quân trên bờ đê và bãi cát sông Hồng ngay phía trước Viện Quân y 108. Tập sử dụng vũ khí, tập đi bộ với ba lô đựng gạch trên vai, cùng các trang bị của cá nhân. Tập luyện được một tháng cả đoàn được lệnh lên đường vào ngày 3/2/1972. Từ sáng sớm, Bố Huyền, chú Di, mẹ và các anh chị, các cháu và tất cả đông đủ gia đình đã có mặt ở nhà. Bố Huyền dặn cả nhà không ai được khóc để không làm cho Hiếu buồn. Ngày hôm ấy, Bà Vũ Kim Ngọc, người mẹ thân yêu của Hiếu đã viết trong nhật ký: *“Ngày 3-2-1972. Hôm nay*

Hiếu lên đường đi B thực rồi, đi đánh Mỹ thực rồi. Một tháng trôi qua, hôm con về báo tin cho mẹ biết con sẽ đi B tuần lễ sau. Thời gian ngắn quá, làm cho mẹ nao nao cả người con ạ! Nửa mừng, nửa lo. Mừng cho con, là một thanh niên rất nhiệt tình với cách mạng, với đồng bào miền Nam hàng giờ, hàng ngày chống chọi với giặc Mỹ và nguy. Nay được vào cùng san sẻ gian nan với mọi người để xứng đáng với thế hệ. Cái đó lớn lắm, phải có ý chí quyết tâm mới có thể làm tròn được nhiệm vụ mới này. Mẹ thấy con rất cứng rắn và đúng mức trong vấn đề quyết định đi chuyến này. Vì vậy mẹ rất tin tưởng con sẽ đạt được những gì con mong muốn. Nhưng Hiếu ơi, mẹ vô cùng thương Hiếu và lo cho Hiếu vô cùng, sức bé nhỏ của con có vượt qua được gian khổ không? Thương con vừa mới cưới, mới quen hơi bén tiếng lại phải xa nhau. Mẹ biết nói gì, con nhỉ? Chỉ thương nhớ con, lo cho con thôi”.

Sau phút chia tay với gia đình, chỉ có mẹ và anh Dũng đến địa điểm tập trung để tiễn Hiếu. Toàn đoàn đã hành quân lên đường lúc 7 giờ 5 phút ngày 3/2/1971 trong không khí phấn

khởi và bịn rịn lưu luyến. Đoàn gồm 22 đồng chí, có một chi bộ với 7 đảng viên và một chi đoàn TNCS gồm 10 đoàn viên do đồng chí Đỗ Văn Thuý là bí thư chi đoàn, Nữ Hiếu là phó bí thư Chi đoàn. Tổ chức Đoàn được sinh hoạt đều đặn, có kế hoạch và chỉ tiêu phấn đấu rất rõ ràng. Chiều tối ngày 3-2 đoàn tới Nghệ An, ngày 7-2 đến Vĩnh Linh rồi từ đây trèo đèo cao, lội suối sâu, trời mưa, đường trơn để đến địa điểm đóng quân.

Vượt Trường Sơn bằng đôi chân, đối với các chiến sĩ bộ đội nam đã là một khó khăn, thử thách lớn. Đối với các nữ chiến sĩ bình thường lại càng khó khăn, gian khổ hơn. Vì vậy, không nói, ta cũng biết với cái thai 3 tháng trong bụng, Nữ Hiếu đã phải khó khăn, vất vả thế nào trên đường hành quân dưới bom đạn địch. Nhiều chặng Hiếu và y tá Quỳnh không theo nổi đồng đội. Đoàn trưởng Phan yêu cầu hai người ở lại, Hiếu và Quỳnh không chịu, BS. Phan phải giải thích: *“Nếu các đồng chí cứ đi, dọc đường các đồng chí mệt không theo kịp thì tốc độ hành quân của đoàn không đảm bảo đúng kế hoạch mà chậm lại, bị địch ném bom*

thì có hại cho công việc chung của quân đội". Hiếu và Quỳnh phải chấp nhận ở lại tại binh trạm. Đã đi là phải đến. Điều quyết tâm đã đặt ra khi còn ở Hà Nội phải được thực hiện. Hiếu và Quỳnh nghĩ thế. Ngay tối hôm đó hai chị em đã báo cáo với đồng chí lãnh đạo Cụm: Vì không quen leo dốc nên xin tạm nghỉ lại, xin được theo chân các đoàn sau để kịp tham gia phục vụ. Từ hôm đó hai chị em chăm tập luyện, leo lên dốc cao rồi nhìn xuống cho quen khỏi bị chóng mặt.

Ba hôm sau, có đoàn vào phía trong đến đón Hiếu và Quỳnh cùng đi. Đồng chí Đoàn trưởng nói: *"Chúng tôi đến đón hai chị ra Bắc"* Hiếu, Quỳnh trả lời: *Không!* *"Chúng tôi hỏi thử thế, nếu các chị đã quyết tâm thì đi với chúng tôi"*. Cuộc hành quân lại tiếp tục với những dốc cao thẳng đứng, mỗi ngày là một cung đường, mỗi khi nghỉ lại mọi người phải đào hầm, trải lá cây để ngủ.

Đơn vị 730B cho Bí thư chi đoàn Đỗ Thuý ra đón. Nhật ký của Đỗ Thuý viết: *"Ngày 2-3-72 (Thứ 5). Hôm nay hai đồng chí Hiếu,*

Quỳnh lại đi tiếp để vượt đường tăng tới đích, vẫn đi với khí thế hướng về chiến trường, hướng về nơi có tiếng súng. Hai đồng chí ra đi với tất cả niềm tin của mình, với mong muốn chóng được đến đơn vị để phục vụ”.

Và rồi, Nữ Hiếu cũng đã tới bệnh viện dã chiến của đơn vị chi viện. Vừa đặt ba lô, Hiếu đã được mời đi hội chẩn ngay. Có một bệnh nhân nữ, chị Thành là công nhân phục vụ chiến trường, bị hôn mê sâu, sức khỏe suy giảm nặng. Hiếu khám và đưa ra chẩn đoán của mình: Bệnh nhân bị sốt ác tính thể não. Chị đã cùng đồng đội điều trị tích cực cả về thuốc và chăm sóc theo chẩn đoán đó. Sau 10 ngày bệnh nhân tỉnh táo, sức khỏe hồi phục. Hiếu đã cùng đồng đội có nhiều thành công trong những ca bệnh nặng khác.

Những ngày tháng ở chiến trường, Hiếu đã làm việc với tinh thần đầu tàu của người đoàn viên, xứng đáng với sự tin nhiệm của anh chị em trên cương vị phó bí thư chi đoàn. Cũng như mọi người, Hiếu cũng phải tự đào hầm trú ẩn, thỉnh thoảng đi xa gùi lấy gạo và thực phẩm

để ăn hàng tháng. Còn làm chuyên môn thì vừa là bác sĩ, vừa làm y tá và thêm cả phần săn sóc bệnh nhân. Hiếu được Tư lệnh mặt trận khen thưởng, được báo Quân giải phóng Trị Thiên, Đài Tiếng nói Việt Nam viết bài nêu gương *“Người tốt, việc tốt”*.

Tháng ngày gian khổ nơi mặt trận đã không cản được ý chí và nghị lực của bác sĩ quân y Nữ Hiếu. Nhưng cùng với tháng ngày, bầu thai của chị cũng lớn lên từng ngày. Không thể để Nữ Hiếu sinh nở dưới bom đạn tuyến lửa như vậy, cấp trên quyết định chị phải về hậu phương. Trung tuần tháng 4-1972, Nữ Hiếu nhận lệnh đi bảo vệ sức khỏe cho một cán bộ cao cấp ra Bắc. Nhật ký của Bí thư chi đoàn Đỗ Thuý viết: *“17- 4 - 72. Vì điều kiện sức khỏe, đồng chí Nguyễn Kim Nữ Hiếu, uỷ viên BCHĐ phải về hậu phương công tác. Khi chia tay đồng chí Hiếu rất cảm động với sự quan tâm của Chi đoàn và đồng chí rất tiếc là không được cùng chi đoàn làm nhiệm vụ tới ngày trở về”*.

Nhớ lại những ngày leo dốc Trường Sơn ấy, sau này chị kể: *“9 cung đường hành quân ra*

trận đối với tôi rất gian nan vất vả. Ngay từ cung thứ nhất, tôi đã ốm nghén, miệng nôn thốc nôn tháo, chân tay mỏi rã rời. Vậy mà vẫn phải bám đoàn quân vượt rừng, vượt đèo dốc. Lúc đầu chỉ huy đơn vị không biết tôi có nghén cứ nghĩ tôi sức khỏe kém, định đưa tôi về tuyến sau. Tôi không chỉ năn nỉ chỉ huy để được tiếp tục hành quân, mà còn luôn cố gắng vượt lên hòa nhập vào đoàn quân. Vì thế tôi vẫn vào được chiến trường. Bệnh viện dã chiến nơi tôi đặt chân tới nằm giữa một cánh rừng đại ngàn, máy bay trinh sát OV10 và C 130 của Mỹ luôn vè vè nhòm ngó. Vừa đặt ba lô xuống đã tức tốc phải đào hầm, làm nơi ở và nơi cứu chữa thương binh. Cuộc sống chiến trường ngày càng gian khổ và ác liệt, dưới cánh rừng đại ngàn chỉ một sơ suất gây khả nghi là máy bay Mỹ tới ném bom oanh tạc, vậy mà thương binh chuyển về trạm ngày càng nhiều. Thiếu nhân viên phục vụ, tôi phải làm thêm cả công việc của hộ lý, y tá, đêm ngày bám sát thương binh, xử lý kịp thời các tình huống, giành giật từng giây sự sống, hạn chế mất mát tàn phế cho đồng đội”.

Trở lại Quân y viện 108, Nữ Hiếu lại tiếp tục làm tốt các công tác được giao và không ngừng học tập để nâng cao trình độ chuyên môn trong điều trị, chăm sóc sức khỏe cho bộ đội. Chị được điều động phụ trách các khoa khác nhau trong viện, ở khoa nào Hiếu cũng được bầu là chiến sĩ thi đua. Năm 1975 bác sĩ Nữ Hiếu được kết nạp Đảng. Từ năm 1990 đến năm 2000, chị là Phó Giám đốc Quân y viện 108, với quân hàm Đại tá (1995), Ủy viên Hội đồng Y học quân sự Bộ Quốc phòng. Năm 1995, Đại tá Nữ Hiếu bảo vệ thành công Luận án Tiến sĩ. Năm 2001, chị được công nhận chức danh Phó giáo sư.

Hơn 35 năm trong nghề y, từ cương vị là bác sĩ điều trị cho đến khi làm Phó Giám đốc bệnh viện lớn nhất của quân đội, trên cương vị nào Bác sĩ Nữ Hiếu cũng cống hiến không mệt mỏi để chăm sóc sức khỏe bộ đội. Ghi nhận những đóng góp của chị cho quân đội và đất nước, Chị đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Chiến sĩ vẻ vang Hạng I, II, III, Huân chương Chiến công Hạng nhất, Huân chương Quân kỳ quyết thắng, Huân chương Kháng chiến

chống Mỹ hạng Ba và nhiều Huy chương khác. Danh hiệu Thầy thuốc Nhân dân (2005) là phần thưởng quý giá nhất cho chị. Bác sĩ Nguyễn Kim Nữ Hiếu thật xứng đáng với truyền thống của gia đình, xứng đáng với sự tin cậy của quân đội, sự cảm phục của các chiến sĩ./.

Theo Trương Nguyễn (BV108)

NHỚ MÃI CHIẾN TRƯỜNG K

Chiến trường vẫy gọi

Đầu năm 1980, đất nước còn nghèo lắm, ngày 2 bữa cơm độn 7 phần là sẵn, khoai còn không đủ no. Thằng con trai như tôi, cao lêu nghêu hơn 1,7m, ốm, chỉ 47 kg - vừa đủ ký nhập ngũ thời đó. Chúng tôi biết nhập ngũ là ra trận, đi vào Chiến trường K lành ít dữ nhiều.

Khi lệnh gọi nhập ngũ được gửi về nhà, không khí gia đình trầm hẳn, trong bữa cơm không ai nói với ai lời nào. Mẹ tôi bỏ cơm. Cha tôi thì không nói gì, chỉ hơi trầm tư và hút nhiều thuốc...

Còn 3 ngày nữa là đến ngày lên đường, tôi nhớ khoảng cuối tháng giêng năm 1980, lúc này ở quê tôi là những tháng ngày giáp hạt, đói vàng vố. Gạo trong nhà đã hết mà lúa ngoài

đồng còn chưa chín. Mẹ tôi chọn khoảnh lúa tốt nhất, mới vừa ửng ửng, cắt một bó mang về đập, phơi khô xong xay giã rồi nấu một bữa cơm trắng để tiễn tôi đi lúc tờ mờ sáng. Có lẽ đây là bữa cơm mà tôi nhớ suốt đời.

Khi xe nhận quân đến sân của UBND xã ở đầu làng, mấy đứa em chạy về hớn hờ báo tin. Mẹ tôi lặng thinh, bà lững thững theo tôi ra đến đầu ngõ rồi dừng lại. Có lẽ đi nữa mẹ sợ không cầm được nước mắt, mẹ sợ làm tôi bận lòng.

Còn cha, ông theo tôi ra đến tận đầu làng. Lúc từ biệt, vỗ vai tôi, ông nói: "Mày giữ sức khỏe, vào lính học khôn nghen con". Lúc này sống mũi tôi đã cay cay, tôi chỉ nói được một câu: "*Dạ! Cha về đi*". Xe chuyển bánh, bóng cha nhỏ dần rồi khuất sau bóng cây ven đường...

Hơn nửa ngày, xe đưa chúng tôi đến căn cứ Chu Lai, tỉnh Quảng Nam - nơi huấn luyện tân binh của Quân khu 5.

Thời gian như không còn ý nghĩa

Xong 3 tháng quân trường, chúng tôi

vào chiến trận. Xe đưa chúng tôi qua biên giới, tại cửa khẩu Lê Thanh, huyện Đắc Cơ, tỉnh Gia Lai. Bên kia biên giới là cửa khẩu Oyadav của Campuchia.

Tôi được biên chế vào Trung đội 2, Tiểu đoàn Trinh sát 32 - Quân khu 5. Tiếp theo là 20 ngày huấn luyện nghiệp vụ và chiến thuật trinh sát rồi từ đây vào chiến trận. Chúng tôi không có thời gian để suy nghĩ, không nhớ nhà, không còn biết buồn hay sợ sệt gì nữa, trong đầu chỉ muốn xung trận...

Trận đánh đầu tiên - dọc tuyến đường đất đỏ 126, con đường huyết mạch để chi viện và vận chuyển nhu yếu phẩm của quân ta từ dọc biên giới Lào đến tỉnh biên giới Preah Vihear của Campuchia - phải nói là ác liệt, vì trục đường này luôn bị tàn quân Pol Pot tập kích. Trận đánh sinh tử nhất là trận T23 - trận quyết định để quét sạch tàn quân Pol Pot trên trục đường 126 này.

Cuối cùng, chúng tôi cũng dẹp được tàn quân Pol Pot, nhưng thiệt hại do lính mới chưa thạo địa hình, chưa quen chiến trận, nên bạn

tôi - Phạm Văn Thành, quê tỉnh Quảng Ngãi - bị thương trong trận này. Tôi chỉ kịp ký quyết định làm phẫu thuật và để bạn ở lại tuyến sau rồi tiếp tục hành quân. (Sau này giải ngũ, may mắn Thành còn sống).

Chiến trận ngày một ác liệt, hết trận này đến trận khác, chúng tôi quen dần với địa hình, địa vật nơi này, bản lĩnh và thiện chiến hơn. Vậy mà đến khi giải phóng được đường 126 thì số quân ra trận với tôi ngày đầu nhiều người đã hy sinh, số còn lại bị thương, đơn vị phải bổ sung quân.

Mùa mưa năm 1980, chúng tôi đánh ở tỉnh Stung Treng, cách Phnom Penh khoảng 300 km, sát biên giới Lào. Chiến trận giằng co nhiều tháng liền, lương khô khó nuốt và mưa rừng cứ ám ảnh. Hai bên vây ráp, quần nhau cả tháng. Quân phục trên người bị gai, cỏ cào xước rách tả tơi. Có lúc lương khô đã cạn, đạn được gần hết mà đường tiếp viện bị địch mai phục cắt đứt, chỉ huy ra lệnh để dành đạn, khi phát hiện mục tiêu khoảng 20m mới được bắn...

Cứ như thế, tháng ngày trôi qua, hết trận này đến trận khác, lương khô, cơm vắt, ngủ rừng... và đồng đội. Càng khổ cực chúng tôi càng căm thù Pol Pot, xung trận càng cương quyết hơn. Thời gian với chúng tôi dường như không còn ý nghĩa. Tôi không nhớ là mình đã trải qua bao nhiêu trận đánh, không còn phân biệt mùa trong năm, chỉ biết hai mùa nắng - mưa và quanh mình là súng đạn, mùi thuốc súng và khói lửa chiến tranh.

Vui nhất là khi Tết đến. Cuối năm, chiều biên giới xa xôi, chúng tôi ăn bữa cơm đầy đủ theo chế độ nhưng không có rượu. Đồng đội có đưa lên mang bộ đồ lính còn lành lặn của mình ra dân đổi rượu. Đêm cuối năm, chúng tôi ra dân uống rượu, hát ca và bập bẹ tỏ tình bằng tiếng người bản xứ, dù biết có thể sẽ bị kỷ luật. Nhưng thôi, mai xung trận, đời lính... biết đâu ngày trở lại.

Ác liệt, cam go

Preah Vihear là một tỉnh biên giới nằm sát Thái Lan, nơi từng chứng kiến bao cuộc giao tranh ác liệt. Chúng tôi đến để đánh dẹp tàn

quân Pol Pot ẩn nấp ở đây.

Cuộc chiến cam go chứ không như chúng tôi nghĩ là sẽ đánh nhanh thắng gọn. Hai bên giằng co kéo dài mấy năm trời, hao binh tổn sức. Có những đồng đội vừa được tiếp viện cho đơn vị tôi chưa kịp nhớ tên đã anh dũng hy sinh, có chiến hữu đạn dày trận mạc cũng bị thương.

Ác liệt nhất ở Preah Vihear là trận đánh Đồi 147. Gần nửa năm, từ mùa khô qua đến mùa mưa mà vẫn chưa giải phóng được Đồi 147 này. Đánh trận mãi cũng mệt mỏi, hao mòn dù tôi không còn sợ chết. Tôi cũng không còn nhớ nhà, nhớ quê hay nhớ người thân nữa. Nhiều lúc tôi ước sao mình không còn phải nhìn thấy cảnh tang thương, chết chóc do bọn Pon Pot gây ra. Thế nhưng, trước mặt quân thù còn đó, sau lưng là đồng đội đặt niềm tin vào người đi đầu. Là trinh sát, tôi đi đầu dẫn đường, mở lối dò gỡ bom mìn mà nản chí thì đồng đội sẽ ra sao? Thế là lòng căm phẫn Pol Pot sôi lên, tôi quyết chiến đấu với chúng đến cùng.

Với tôi, đó là những tháng ngày ác liệt

và dữ dội nhất. Một phần tuổi thanh xuân của tôi đã gắn chặt với nơi này. Đồng đội tôi, có người để lại một phần cơ thể, có người mãi mãi nằm lại đó...

Rời mùa xuân về...

Tháng 4 - 1984, đơn vị tôi được lệnh rút về tuyến sau, một tháng sau thì giải ngũ. Khi cùng đồng đội cầm quyết định giải ngũ trên tay, tôi mới dám tin là mình còn sống.

Lúc này, hình ảnh cha mẹ, người thân hiện ra mồn một. Chúng tôi nhớ nhà, nhớ cha mẹ, nhớ quê... Nghịch lý một điều là lúc giải ngũ, có người mới... sợ chết. Bởi lẽ, nhiều đồng đội của tôi khi cất quyết định xuất ngũ trong balô rồi mà trên đường về biên giới lại bị trúng mìn Pol Pot gài và hy sinh, thật đau xót!

Khi tôi về đến đầu làng, hàng xóm, người thân ra đón rất đông. Từ xa, tôi đã nhìn thấy cha mẹ. Khi tôi đi tới, cha tôi ngơ ngợ chăm chú nhìn. Có lẽ vì sau 5 năm, tôi đã khác nhiều, đen trũi và dáng người cao lớn, hơn 70 kg so với 47 kg hồi nhập ngũ.

Rồi cha tôi chạy đến ôm chầm tôi và reo

lên "*Lên, Lên!*". Tôi vờ né ra và nói: "*Con đâu phải là con của chú*". Cha tôi tiu nghỉu rồi tuyệt vọng: "*Trời ơi! Không lẽ thằng Lên chết rồi...*". Lúc này tôi mới quay lại ôm lấy cha, nghẹn ngào: "*Con, Lên đây*". Cha mẹ tôi òa khóc. Lần đầu tiên tôi thấy cha mình khóc. Thì ra, khi con người ta hạnh phúc và đau khổ đều có thể khóc và khóc cũng móm mém giống nhau.

Giờ đây, chiến tranh đã lùi xa. Bạn chiến đấu với tôi còn sống, cha mẹ tôi giờ cũng thành người thiên cổ, nhưng ký ức chiến trường vẫn còn mãi trong tôi.

Theo Trần Xuân Lê/NLĐ

QUÂN ĐOÀN 4 - QUẢ ĐẤM THÉP TRÊN MẶT TRẬN PHÍA NAM

1. Ra đời trên chiến trường

Ngày 20 - 7 - 1974, tại khu căn cứ Suối Bà Chiêm, huyện Dương Minh Châu, nay là xã Tân Thành, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã diễn ra buổi lễ trang trọng thành lập lực lượng vũ trang Quân Đoàn 4 (còn gọi là Binh đoàn Cửu Long). Giữa chiến trường đầy bom đạn, hàng ngàn con người đứng trang nghiêm nghe đồng chí Phạm Hùng - Bí thư Trung ương cục miền Nam, thay mặt Trung ương Đảng công bố quyết định thành lập Quân đoàn (QĐ). Hào khí ngút trời, tiếng quân reo dậy cả rừng miền Đông. Sau buổi lễ thành lập, tiếng còi xung trận vang lên đưa đoàn quân bước vào những chiến dịch...

Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4 hôm nay đóng tại Bình Dương, giữa những rừng cây rợp bóng. Doanh trại khang trang, nề nếp luôn để lại những ấn tượng tốt đẹp mỗi khi chúng tôi ghé thăm. Đại tá Nguyễn Quang Phú, Trưởng phòng Tuyên huấn - Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4 (QĐ4) vui vẻ khi biết chúng tôi viết về đơn vị của ông. Ông nói: *“Truyền thống vẻ vang của Quân đoàn được sử sách viết nhiều nhưng trên báo chí thì còn ít, tôi rất vui khi các anh chị phóng viên đến với đơn vị...”*.

“Kỷ luật là sức mạnh của quân đội”, chúng tôi cảm nhận điều đó mỗi lần đến đây. Những chiến sĩ quân trang chỉnh tề, áo ấm mồ hôi từ thao trường về, miệng tươi cười đầy sức sống của tuổi trẻ. Ở các anh toát lên một niềm tin son sắt vào sự nghiệp mà các thế hệ cha ông đã đổ biết bao máu xương để đất nước hòa bình như hôm nay.

Bước vào những năm 70 thế kỷ trước, quân ta liên tục giáng những đòn chí mạng vào quân thù, từ Khe Sanh đường 9 đến Quảng Trị *“mùa hè đỏ lửa”* đã buộc đế quốc Mỹ nhìn

nhận lại cuộc chiến *“hao người tổn của”* nhưng không thể chiến thắng, cuối cùng phải đặt bút ký Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam vào ngày 27 - 1 - 1973, sau đó rút quân về nước. Mỹ rút, ngụy bắt đầu lung lay. Tình thế cách mạng của nước ta chuyển sang vận hội mới, giai đoạn *“đánh cho ngụy nhào”* thống nhất đất nước. Tuy nhiên, Mỹ vẫn chưa từ bỏ dã tâm xâm lược, ngang nhiên vi phạm Hiệp định Paris bằng những thủ đoạn xảo quyệt. Chúng để lại gần 2 vạn nhân viên quân sự đội lốt *“dân sự”* nhằm cố vấn cho ngụy quyền; tiếp tục viện trợ kinh tế, vũ khí hùng hiện đại hóa quân đội Sài Gòn thành đội quân tay sai mạnh nhất của Mỹ ở Đông Nam Á. Trước tình hình đó, tháng 7 - 1973 Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) đã ra nghị quyết về *“thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và nhiệm vụ của cách mạng miền Nam Việt Nam trong giai đoạn mới”*. Để chuẩn bị tác chiến chiến dịch với quy mô lớn, đánh sụp ngụy quân, Bộ Chính trị chủ trương thành lập các binh đoàn chủ lực cơ động binh chủng hợp thành ở cả hai

miền Nam - Bắc. Thực hiện chủ trương này, Quân ủy Trung ương chỉ đạo Bộ Tổng Tham mưu và Tổng cục Chính trị khẩn trương chuẩn bị nhân sự. Từ tháng 10 - 1973 đến tháng 3 - 1975, Bộ Chính trị lần lượt ra quyết định thành lập các Quân đoàn, trong đó có Quân đoàn 4 thành lập ngày 20 - 7 - 1974.

Ngay sau ngày thành lập, Quân đoàn 4 đã khẩn trương bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ với chức năng là *“Quả đấm chủ lực mạnh”*, *“Quả đấm thép chiến lược phía Nam”*, là lực lượng cơ động của bộ ở chiến trường B2, Quân đoàn 4 đã phát huy vai trò làm nòng cốt cho lực lượng vũ trang ba thứ quân, làm chỗ dựa vững chắc cho lực lượng đấu tranh chính trị của quần chúng.

Trong cuộc tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975 nói chung và trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử nói riêng, Quân đoàn 4 đã có những cống hiến mang tính lịch sử, góp phần quan trọng vào thắng lợi chung. Những chiến công của Quân đoàn là kết quả của nhiều năm xây dựng và chiến đấu, là thành quả xây dựng lực lượng vũ

trang cách mạng của Đảng, của Bác Hồ và của nhân dân cả nước. Trải qua một chặng đường dài khó khăn, gian khổ, Quân đoàn 4 đã phát huy những truyền thống trong tác chiến chiến dịch, lập nên những chiến công vang dội trong kháng chiến chống Mỹ và trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hôm nay.

2. Phước Long - Đòn trinh sát chiến lược

Ra đời trên chiến trường *“Miền Đông gian lao mà anh dũng”*, 5 tháng sau, Quân đoàn (QĐ) 4 đã ra quân mở đầu thắng lợi bằng chiến thắng Đường 14 - Phước Long (PL) diễn ra từ ngày 6 - 12 - 1974 đến 6 - 1 - 1975. Phước Long là địa bàn đầu tiên của miền Nam được hoàn toàn giải phóng. Chiến công oanh liệt này làm nức lòng đồng bào cả nước và là thắng lợi có ý nghĩa chính trị *“đòn trinh sát chiến lược”* đối với thái độ người Mỹ. Cố Tổng Bí thư Lê Duẩn đã nhận xét: *“Chiến thắng này đã mở ra tiền đề cho cách mạng miền Nam, thần tốc tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam”*.

Noel ảm đạm

Lễ Giáng sinh năm 1974 đến với Sài Gòn

thật ảm đạm. Bộ mặt “*phồn vinh giả tạo*” của thành phố từng được mệnh danh “*Hòn ngọc viễn đông*” bắt đầu rạn nứt khi người Mỹ cắt viện trợ. Tiền bạc, lối sống gấp gáp theo chủ nghĩa hiện sinh mà người Mỹ đã du nhập vào miền Nam trong những năm xâm lược đã tạo nên một lớp người có ảo tưởng về cuộc sống giàu có... Giờ đây, khi “*bầu sữa*” ngoại quốc đã cạn kiệt, nạn thất nghiệp gia tăng theo cấp số nhân. Thêm vào đó, chiến sự đang bùng phát ác liệt, Phước Long có nguy cơ thất thủ đã gây hoang mang trong chế độ ngụy quyền và phủ một màu u ám lên tầng lớp quen sống dựa vào ngoại quốc. Giới tư bản giàu có cũng đang rục rịch chuyển tiền bạc ra nước ngoài, trốn chạy khỏi quê hương. Tướng lĩnh ngụy hầu hết không còn tinh thần khi nghe Phước Long sắp bị quân ta giải phóng. Tướng Dư Quốc Đống, Tư lệnh Quân đoàn 3 của ngụy - Quân đoàn quan trọng nhất đảm trách việc phòng thủ Sài Gòn và vùng phụ cận đã cay đắng thốt lên rằng: “*Phước Long cầm chắc vào tay cộng sản rồi*”. Cầm súng theo thực dân Pháp từ rất trẻ, được Pháp quan tâm đào tạo qua các trường quân

sự, Dư Quốc Đống chính là tư lệnh thứ 4 của sư đoàn dù - lực lượng dự bị chiến lược từng được tung hô là “*Anh cả đỏ*” của quân đội Sài Gòn. Đống được coi là “*anh cả*” của những viên tướng như: Ngô Quang Trưởng, Phạm Quang Phú, Nguyễn Khoa Nam..., những viên tướng một thời huênh hoang nhưng cuối cùng người thì bỏ chạy, kẻ tự kết liễu đời mình trong tủ nhục. Trước sức mạnh áp đảo của quân giải phóng, Dư Quốc Đống đề nghị Nguyễn Văn Thiệu tăng quân cứu viện. Nhưng sức đâu nữa mà cứu vớt. Giờ phút hấp hối của chế độ Sài Gòn đã điểm. Thiệu trả lời thẳng thừng với Đống: “*Tung quân cứu viện Phước Long là việc bất khả kháng. Nhưng Phước Long phải tử thủ, tử thủ bằng mọi giá*”. Thiệu còn gửi tiền thưởng cho quân ngự để mong các chiến hữu tử thủ, nhưng chưa thực hiện được phần thưởng nói trên thì Phước Long đã thất thủ.

Tin thất bại Phước Long bao trùm đô thị Sài Gòn. Các nhà phân tích thời cuộc và những nhà báo quốc tế đều nhận định rằng: Noel năm 1974 sẽ là Lễ Giáng sinh ảm đạm. Tuần báo Aiel The Economist ngày 28 - 12 - 1974 viết: “*Lần*

này là một lễ thiên chúa Giáng sinh ảm đạm đối với Nam Việt Nam, nơi mà cuộc chiến tranh đã bị một phần lớn thế giới bên ngoài lãng quên vừa bùng nổ một cách ác liệt hơn tất cả kể từ khi hiệp định ngừng bắn giả vờ được ký kết ở Paris cách đây 2 năm”.

Giờ G đã điểm

Tỉnh lỵ Phước Long nằm cách Sài Gòn khoảng hơn 100km về phía Đông Bắc, có vị trí chiến lược quan trọng, là chiếc cầu nối giữa Nam Tây nguyên - Đông Nam Campuchia - miền Đông Nam bộ. Trong thuyết quân sự, phòng thủ PL được quân địch gọi là thế chân vạc.

Sau khi được Bộ Tư lệnh Miền chấp thuận, rạng sáng ngày 31 - 12 - 1974, Quân đoàn 4 đã nổ súng tấn công những mục tiêu vòng ngoài như chi khu Phước Bình, cầu Suối Dung, điểm cao Bà Rá... và tổ chức bao vây thị xã Phước Long. Đến 15 giờ 30 phút, dưới sự chi viện chính xác của pháo binh và hỏa lực xe tăng, chi khu Phước Bình đã bị quân ta tiêu diệt. Đêm ngày 31 - 12 - 1974, điểm cao Bà Rá - “con mắt thần” của địch và cũng là “chân vạc”

phòng thủ thứ hai của khu phòng thủ Phước Long bị xóa sổ. Phước Long rơi vào thảm cảnh và chỉ tồn tại một sớm một chiều.

Sau khi đập tan chiến sự vòng ngoài, không để cho địch có thời gian củng cố lực lượng, được sự nhất trí của Bộ Chính trị, trận đánh vào thị xã Phước Long bắt đầu từ 17 giờ 30 phút ngày 31 - 12 - 1974 đến 17 giờ ngày 6 - 1 - 1975, lá cờ “Quyết chiến Quyết thắng” được chiến sĩ Trần Văn Mới thuộc Đại đội 8, Tiểu đoàn 2, Trung đoàn 165, Sư đoàn 7, Quân đoàn 4 cắm lên tòa thị chính Phước Long. Chiến dịch Đường 14 - Phước Long kết thúc. Lần đầu tiên trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, ta đã giải phóng một tỉnh ngay cửa ngõ Sài Gòn, một địa bàn chiến lược rất quan trọng.

Chiến thắng Phước Long đã làm nức lòng nhân dân cả nước, đồng thời là một đòn đánh mang tính *“trình sát chiến lược”*, thăm dò phản ứng của Mỹ. Và, sau trận đánh, người phát ngôn của Nhà Trắng tuyên bố: *“Tổng thống Pho không có ý vi phạm những điều cấm chỉ của Quốc hội về việc sử dụng lực lượng*

quân sự Hoa Kỳ tại Việt Nam". Trong cuộc họp báo ngày 14 - 1 - 1975 Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Sơ - let - xinh - giơ nói: "Bây giờ tình hình ở miền Nam cho thấy Bắc Việt Nam không muốn tung ra một đòn tấn công rộng khắp, quy mô. Cái mà họ đang chú ý là làm suy yếu sự kiểm soát của chế độ Nam Việt Nam trên khắp nước, đặc biệt là làm đảo lộn chính sách bình định đang thành công. Do đó, điều mà chúng ta tiên đoán trong vài tháng tới chỉ là một số trận đánh lớn. Lúc này tôi không tin hiện sẽ có cuộc tiến công quy mô lớn như hồi năm 1972". Ngày 22 - 1 - 1975 Tổng thống Pho tiếp tục dội một gáo nước lạnh vào chế độ Thiệu: "Không có hành động nào khác ngoài việc bổ sung viện trợ cho Sài Gòn. Sẽ không can thiệp vào miền Nam Việt Nam nếu xét ra không phù hợp với hiến pháp và pháp luật".

Phản ứng của Mỹ sau chiến thắng Phước Long đã góp phần giúp Bộ Chính trị hoạch định những sách lược, đề ra quyết tâm giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Và thời cơ cách mạng cuối cùng đã đến, sau Phước Long quân ta tiếp tục chiến thắng vang

đội ở các chiến trường Buôn Mê Thuật, Huế, Đà Nẵng và thần tốc tiến về giải phóng Sài Gòn

3. Mỹ bỏ rơi Thiệu

Tự hào thay, Quân đoàn (QĐ) 4 ra quân là đánh thắng ngay từ trận đầu, làm nên kỳ tích chiến thắng đường 14 - Phước Long lấy lòng, mở ra cục diện mới trên chiến trường, tạo sức mạnh vững chắc để quân đoàn tiếp tục lập nên những chiến công vang dội ở Dầu Tiếng, Chơn Thành, đường 20 Phương Lâm - Định Quán, Xuân Lộc... xứng đáng với tên gọi "*Quả đấm thép*" của Nam bộ "*thành đồng Tổ quốc*".

Hồi chuông sụp đổ...

Thông tin từ chiến trường Phước Long bay về đã làm choáng váng giới chóp bu của chế độ Sài Gòn. Ngày 6 - 1 - 1975, Đại tá - Tỉnh trưởng Phước Long Đỗ Công Thành trúng đạn chết trong đám loạn quân. Dưới những làn đạn xé toạc bầu trời, những chiếc trực thăng liều mạng đáp xuống cứu sĩ quan và hàng trăm lính biệt động hoảng loạn, vô vọng trong vòng vây hãm tứ bề của quân giải phóng. 5.400 sĩ quan và lính của Trung đoàn 7 ngụy ném vào Phước

Long chỉ còn chưa đầy 850 người sống sót.

Thảm cảnh Phước Long khiến Nguyễn Văn Thiệu khẩn cấp họp Hội đồng an ninh quốc gia nhằm cứu xét tình hình vào đêm 6 - 1 - 1975. Ngay ngày hôm sau, Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố trên đài Sài Gòn: *“Toàn quốc dành 3 ngày truy điệu, cầu nguyện cho Phước Long”*. Thiệu hò hét lấy lại Phước Long, tổ chức mít - tinh rầm rộ, nhưng trên thực tế không có hành động quân sự nào được triển khai. Phía Mỹ lúc đầu hùng hổ báo động lực quân khẩn cấp, nhưng cuối cùng Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Xlexinhgiơ buộc phải tuyên bố với báo chí *“bỏ qua sự kiện Phước Long”, “đây chưa phải là một cuộc tiến công ồ ạt của Bắc Việt Nam”*... Còn đại sứ Hoa Kỳ tại Sài Gòn Graham Mactin thông báo với Nguyễn Văn Thiệu: *“Việc yểm trợ của Hoa Kỳ lúc này là chưa được phép...”*.

Không thể im lặng chờ đợi tín hiệu từ phía Mỹ, trong cơn hoảng loạn, Thiệu gửi hàng loạt thư, công hàm đến các nước *“tố cáo hành động chiếm Phước Long của quân giải phóng”*, nhưng mục đích chính là tiếp tục kêu gọi viện

trợ. Thậm chí, trong cuộc tiếp đón phái đoàn Quốc hội Mỹ ngày 1 - 3 - 1975, Nguyễn Văn Thiệu quên mất thể diện, gần như cầu xin phái đoàn khi thốt lên: *"Của cho đã quan trọng, mà cách cho còn quan trọng hơn... Đã từng là chiến hữu trong cơn binh lửa, chúng ta (ý nói Mỹ và chính quyền Sài Gòn) tiếp tục là những người bạn tốt trong lúc thái bình..."*, (trích diễn văn Nguyễn Văn Thiệu trong hồ sơ). Song, đáp lại lời than thở của Thiệu chỉ có những lời *"động viên chia sẻ"* kiểu ngoại giao! Số phận của ông ta - con người một đời hết theo Pháp rồi phò Mỹ đang bước vào những giờ khắc nguy kịch. Lịch sử đã chứng minh, những nhân vật vì quyền lợi cá nhân đã rắp tâm kêu ngoại bang vào tranh giành quyền lực đều có kết cục bi thảm, tiếng xấu ngàn năm bia miệng.

Thời cơ cách mạng đang tới, ngày 10 - 3 - 1975 tiếng súng mở màn chiến dịch Tây nguyên bắt đầu. Chỉ trong hai ngày anh dũng chiến đấu, toàn bộ quân địch ở Buôn Ma Thuột bị đập tan. Chiến thắng Tây nguyên long trời lở đất, báo hiệu sự sụp đổ hoàn toàn của chính quyền Sài Gòn. Sau này, nhận xét về chiến dịch

Tây nguyên, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã mượn một câu trong Bình ngô Đại cáo của Nguyễn Trãi để nói về trận đánh này: *“Đánh một trận sạch không kình ngạc”*.

Và những chiến công

Sau chiến thắng Phước Long, Quân đoàn 4 sử dụng Sư đoàn Bộ binh 9 tăng cường tiến công địch trên hướng Tây bắc và Bắc Sài Gòn. Ngày 13 - 3 - 1975, Sư đoàn 9 tiêu diệt chi khu Trị Tâm và hàng loạt đồn bốt, giải phóng thị trấn Dầu Tiếng, Bến Củi, ngã ba Đất Sét, Cầu Khởi đến Bầu Đồn. Trên đà thắng lợi, quân ta tiếp tục tiêu diệt cụm cứ điểm ở khu vực Chơn Thành và buộc địch phải tháo chạy khỏi thị xã Bình Long, giải phóng hoàn toàn đường 13 suốt từ Hoa Lư đến Bến Cát vào đầu tháng 4 - 1975. Việc tiêu diệt các cụm tiền đồn nằm trong tuyến phòng thủ của địch và giải phóng các vùng nói trên đã tạo địa bàn cho Quân đoàn 1 và Quân đoàn 3 của ta triển khai lực lượng ở tuyến xuất phát, tiến công địch trong chiến dịch Hồ Chí Minh trên hướng chủ yếu ở Bắc và Tây Bắc Sài Gòn.

Đồng thời với hoạt động của Sư đoàn Bộ binh 9, Sư đoàn Bộ binh 7 của Quân đoàn 4 tiến công tiêu diệt địch, giải phóng vùng Định Quán - La Ngà và toàn tỉnh Lâm Đồng trong tháng 3 - 1975. Vào những ngày cuối tháng 4 - 1975, quân ta tiến công như vũ bão. Để chuẩn bị tiến vào sào huyệt cuối cùng của địch, cấp trên giao nhiệm vụ cho Quân đoàn 4 chuẩn bị kế hoạch đập tan tập đoàn cứ điểm mà địch hô hào là *"cánh cửa thép"* ở Xuân Lộc.

Bảo tàng Quân đoàn 4 hôm nay nằm trong một khuôn viên rộng thuộc Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4, giữa những vườn cây xanh mát. Chúng tôi đến thăm bảo tàng trong những ngày Quân đoàn (QĐ) chuẩn bị tổ chức triển lãm các hình ảnh, kỷ vật thời chiến. Đây là nơi lưu dấu một thời chiến chinh oanh liệt của chiến sĩ Quân đoàn 4. Để có được hòa bình như hôm nay, hàng vạn thế hệ thanh niên đã ngã xuống, trong đó có nhiều chiến sĩ Quân đoàn 4 anh hùng. Máu xương của cha anh đổ xuống, đã tô điểm lên những trang vàng lịch sử Quân đoàn (QĐ) thêm chói lọi.

Trải qua hơn 40 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, lớp lớp các thế hệ cán bộ, chiến sĩ của Quân đoàn (QĐ) luôn đoàn kết một lòng, vượt qua mọi khó khăn, lập nhiều thành tích xuất sắc, góp phần quan trọng vào thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Đất nước vừa mới được thống nhất, một lần nữa hàng vạn chiến sĩ Quân đoàn 4 lại lên đường theo tiếng gọi của non sông, chiến đấu bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam và làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, xây đắp nên tình hữu nghị láng giềng thân thiết giữa 2 nước Việt Nam - Campuchia.

Hiện nay, toàn thể cán bộ, chiến sĩ Quân đoàn 4 đang tập trung mọi nỗ lực xây dựng Quân đoàn (QĐ) theo hướng *“Cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại”*, thực sự là binh đoàn chủ lực cơ động mạnh của bộ đứng chân trên địa bàn chiến lược trọng điểm phía Nam của Tổ quốc.

4. Mở toang “cửa thép” Xuân Lộc

Để chuẩn bị cho chiến dịch giải phóng Sài Gòn, ngày 30 - 3 - 1975 Bộ Tư lệnh Miền

giao nhiệm vụ tiến công TX.Xuân Lộc cho Quân đoàn 4. Về phía địch, tướng Mỹ Uây - Oen đã nói với Nguyễn Văn Thiệu: *“Phải giữ cho được Xuân Lộc, mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn”*. Vì vậy, trong bước đường cùng, địch đã điên cuồng kháng cự. Chúng coi Xuân Lộc là *“cánh cửa thép”* phòng ngự trong những ngày cuối cùng của chiến tranh.

Trận đánh ác liệt

Trong lịch sử chiến tranh chống Mỹ của Việt Nam, chiến dịch giải phóng Xuân Lộc được đánh giá là một trong những trận đánh ác liệt và vô cùng oanh liệt của quân đội ta, là bản hùng ca tiếp nối từ Quảng Trị *“một thời hoa lửa”*, từ Khe Sanh - Đường 9 anh hùng. Thắng lợi ở Xuân Lộc đã đẩy chế độ ngụy quyền đến giờ phút sụp đổ hoàn toàn, chấm dứt chiến tranh, non sông thu về một mối.

Đúng 5 giờ 40 phút ngày 9 - 4 - 1975, chiến dịch bắt đầu mở màn. Lực lượng tham gia gồm Sư đoàn 6, Sư đoàn 7, Sư đoàn 341 và các đơn vị binh chủng hiệp đồng. Ngay từ phút đầu, quân ta đã tổ chức những cuộc tiến công lớn

bằng nhiều trận đánh liên tiếp, diễn ra cực kỳ quyết liệt. Do đã được Mỹ và Thiệu lên dây cót tinh thần, địch tổ chức lực lượng liều chết chống trả, quyết giữ Xuân Lộc bằng mọi giá. Qua 3 ngày chiến đấu liên tục, tuy ta đã chiếm được một số mục tiêu, tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch và giữ được một số bàn đạp quan trọng, nhưng chưa diệt gọn được một tiểu đoàn nào của chúng. Trước diễn biến gay go, ác liệt của trận đánh, Bộ Tư lệnh Miền và Bộ Chỉ huy chiến dịch quyết định thay đổi cách đánh, ngừng tiến công vào thị xã, tổ chức mỗi sư đoàn sử dụng một tiểu đoàn kiềm chế, bao vây, nghi binh còn lại rút phần lớn lực lượng làm nhiệm vụ cơ động. Từ ngày 15 - 4, ta tổ chức hỏa lực pháo binh bắn phá dồn dập vào sân bay Biên Hòa và thực hành các trận tập kích tiêu diệt nhiều chiến đoàn địch đến phản kích, cắt đứt nhiều tuyến đường không cho chúng tăng viện. Trước nguy cơ bị tiêu diệt, hơn nữa đã mất Dầu Giây, Xuân Lộc không còn giá trị phòng thủ, địch quyết định rút lui khỏi thị xã để bảo toàn lực lượng. Như vậy, sau 12 ngày đêm chiến đấu ngoan cường, Quân đoàn 4 đã cùng với lực lượng vũ trang địa phương đập tan

chiến tuyến phòng thủ kiên cố nhất của địch, mở toang cánh cửa phía đông, tạo thuận lợi cho các binh đoàn chủ lực triển khai lực lượng tiến công giải phóng Sài Gòn, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước vĩ đại.

Tuyệt vọng và tội ác

Trước khi trận Xuân Lộc diễn ra, nhờ được Mỹ động viên an ủi, cử tướng Uây - Oen qua "*quân sự*" lập phòng tuyến Xuân Lộc nên Nguyễn Văn Thiệu và các tướng lĩnh của ông ta mặc dù trong cơn hấp hối vẫn lên giọng huênh hoang. Tướng Nguyễn Văn Toàn, viên tướng nhiều tai tiếng nhất của chế độ Sài Gòn vừa mới được Thiệu phục chức Tư lệnh Quân khu 3, khi được Thiệu hỏi có giữ được địa bàn do y phụ trách không, Toàn đã trả lời: "*Tôi giữ tất cả những phần đất còn lại, Quân đoàn 3 sẽ chặn đứng cộng sản... Nếu cần, sẽ tung quân đánh xả láng luôn...*". Còn chuẩn tướng Lê Minh Đảo, Tư lệnh Sư đoàn 18 ngụy đã đưa ra lời bảo đảm với Thiệu và tuyên bố trước báo chí: "*Bất chấp phía bên kia tung ra bao nhiêu sư đoàn, tôi cũng đánh gục họ hết. Tôi thề giữ vững Xuân Lộc. Tôi*

thề đánh một trận oai hùng cho cả thế giới biết
đấy và để Hòa Kỳ chi thêm viện trợ...”. Đảo bỗng
chốc trở thành “*người hùng*”, trở thành cứu
tinh của Thiệu. Thế nhưng, trong suốt trận
đánh, Lê Minh Đảo đã không sao ngóc đầu lên
được từ các công sự ngầm xây bằng bê tông.
Xuân Lộc đã trở thành nỗi khiếp đảm của địch
bởi những trận xung phong và những trận mưa
đạn pháo tấn công liên tục, dồn dập của quân
giải phóng. Đến lúc này, cả tướng Toàn và Đảo
đều thêu thào báo cáo với Tổng thống Thiệu về
tình cảnh Sư đoàn 18 bị vây hãm và có nguy cơ
bị tiêu diệt. Quá bị đát, Thiệu buộc phải cho rút
quân từ Xuân Lộc về phòng thủ tuyến Biên Hòa -
Long Bình. Có lẽ trong cuộc đời “*binh nghiệp*”
làm tay sai cho giặc, ở phút cuối cùng Lê Minh
Đảo đã lập nên một “*chiến công ve sầu lột xác*”
khá “*hiển hách*”, đó là chỉ huy rút chạy trót lọt
gần cả Sư đoàn 18 của y, bộ phận còn lại mắc
kẹt trong đống đổ nát ở Xuân Lộc bị ta bắt sống
và tiêu diệt.

Trong cơn tuyệt vọng và cay cú, kẻ đi
xâm lược đã phạm thêm một tội ác chiến
tranh. Đêm ngày 20 - 4, Lê Minh Đảo rút đám

tàn quân ra khỏi Xuân Lộc thì sáng hôm sau, tại phi trường Biên Hòa, một quả bom CBU được chất lên máy bay C.130 bốn động cơ của hãng sản xuất máy bay Lốchít (Mỹ). Bom CBU có 3 khoang chứa đầy nhiên liệu Protan, một hỗn hợp bí mật các chất khí khác và chất nổ. Trừ bom nguyên tử, CBU là loại bom gây sát thương tàn ác nhất trong kho vũ khí Mỹ. Nó chưa từng được dùng trong chiến tranh. Thứ vũ khí giết người khủng khiếp này tuy do Bộ Tư lệnh không quân Sài Gòn quản lý nhưng quyền sử dụng lại do người Mỹ ra lệnh.

Xuân Lộc thất thủ, Sài Gòn bước vào giờ khắc cuối cùng, Tướng Homơ Xmít, phụ trách cơ quan tùy viên quốc phòng Mỹ ở Sài Gòn đã cho phép sử dụng loại bom này. Chiến C.130 nặng nề lăn bánh rồi cất cánh bay về Xuân Lộc. Sau tiếng nổ dồn nén kỳ lạ, một quả cầu lửa bùng lên tạo thành một đám mây dầu đường kính tới 200m. Thế rồi đám mây dầu gặp chất kích thích cháy bùng lên tạo ra một áp suất hàng tấn trên mỗi centimet vuông, đủ để phá tan tành mọi thứ trên mặt đất. Con người dù có sống sót sau vụ nổ đầu tiên thì cũng nhanh

chóng bị chết ngạt vì tiếng nổ của bom tạo ra một khoảng chân không rộng lớn...

Biến đau thương thành hành động, vào những ngày sục sôi cuối tháng 4, năm cánh quân của ta chia làm 5 hướng ồ ạt tiến về sào huyệt cuối cùng của chế độ Sài Gòn. 11 giờ 30 phút ngày 30 - 4 - 1975, cờ giải phóng đã tung bay trên Dinh Độc lập. Cuộc trường chinh hơn 20 năm đánh Mỹ đã kết thúc thắng lợi vẻ vang trong niềm vui khôn tả của đồng bào cả nước.

5. “...Vào thành vững như thành”

Lịch sử Quân đoàn 4 (QĐ4) ghi rõ sự kiện ngày 20 - 7 - 1974: *“... Trong một căn nhà lợp lá trung quân bên bờ suối Bà Chiêm, các cán bộ lãnh đạo, chỉ huy chiến trường, những người có công tổ chức ra những đơn vị chủ lực đầu tiên, đã trực tiếp chỉ huy nhiều đơn vị, đã theo dõi chỉ đạo từng bước trưởng thành của khối chủ lực miền, lại có dịp ngồi bên nhau, chứng kiến giây phút trang nghiêm xúc động của buổi lễ thành lập quân đoàn...”*.

Những chiến công lịch sử

Đọc những dòng lịch sử ấy, lớp trẻ hôm

nay chưa hình dung hết tính nghiêm túc, hệ trọng của sự kiện. Việc ra đời của Quân đoàn 4 trong giai đoạn chiến trường ác liệt đã đánh dấu lần đầu tiên quân đội ta có một quả đấm chủ lực mạnh đứng sát sườn “thủ đô” Sài Gòn của ngụy quyền. Lịch sử hàng ngàn năm chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam chưa có cuộc chiến tranh nào xảy ra sự kiện như thế. Trong suốt hơn 20 năm kháng chiến chống Mỹ, cũng không thấy sự kiện quân sự nào quan trọng như sự thành lập các Quân đoàn (QĐ), đánh dấu khả năng to lớn của Quân đội Nhân dân Việt Nam đủ thế và lực về quân sự để kết thúc chiến tranh.

Ngày nay, tuổi trẻ có thể đi đến di tích lịch sử ở suối Bà Chiêm để quan sát thực tế căn nhà lợp lá trung quân và nghe các cựu chiến binh kể chuyện, sẽ hiểu thêm về ý nghĩa và giá trị của sự kiện lịch sử thành lập Quân đoàn 4 vào ngày 20 - 7 - 1974. Bởi ngay sau khi buổi lễ thành lập tưởng chừng như rất bình thường ấy, Quân đoàn 4 đã bước ngay vào chiến dịch mùa khô 1974 - 1975, tác chiến liên tục 25 ngày đêm và giành toàn thắng trong Chiến dịch

đường 14 - Phước Long. Chiến công oanh liệt này của Quân đoàn 4 không chỉ có ý nghĩa là ra quân trận đầu thắng lợi vẻ vang mà còn làm nên *“trận trình sát chiến lược”* vô cùng quan trọng đối với vấn đề giải phóng miền Nam của cách mạng ta trong thời gian ngay sau đó.

Tiếp theo thắng lợi chiến lược ấy, Quân đoàn 4 tiếp tục lập công lớn trong Chiến dịch Xuân Lộc, mở toang *“cánh cửa thép”* trên tuyến phòng thủ chiến lược sau cùng của địch ở Nam Trung bộ, tạo địa bàn cho đại quân ta tiến vào thực hiện Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng. Lịch sử Quân đoàn 4 đã ghi lại chiến công của trận đánh này: *“QĐ4 đã tiêu hao và tiêu diệt một lực lượng lớn, gồm những đơn vị mạnh nhất, tinh nhuệ nhất của quân ngụy như Sư đoàn 18, Trung đoàn 5, Lữ đoàn Thiết giáp 3, Lữ đoàn dù 1...; loại khỏi vòng chiến đấu 2.066 tên, bắt 2.785 tên, diệt và đánh thiệt hại nặng 3 chiến đoàn bộ binh, 2 chi đoàn xe bọc thép, một số đơn vị pháo binh, biệt động quân dù...; thu 48 ô tô, 1.499 súng và hàng chục xe tăng xe bọc thép... Riêng quân đoàn có một số cán bộ, chiến sĩ hy sinh và bị thương...”*. Những

số liệu trên cho thấy những thắng lợi của Quân đoàn 4 là vô cùng oanh liệt, đồng thời cũng ghi nhận sự hy sinh mất mát của đơn vị trong những ngày cuối cùng của cuộc chiến cũng rất anh dũng.

Vào lúc 11 giờ 30 phút, ngày 30 - 4 - 1975, cờ giải phóng đã tung bay trên nóc Dinh Độc Lập, làm xúc động trái tim đồng bào cả nước. Cuộc kháng chiến chống Mỹ đến đây đã vang khúc khải hoàn, rừng cờ tung bay, non sông liền chung một dải.

Vào thành...

Hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu, Quân đoàn 4 được giao nhiệm vụ quân quản ở 9 quận và 2 huyện thuộc thành phố Sài Gòn - Gia Định. Cán bộ, chiến sĩ Quân đoàn 4 đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ này. Phẩm chất, lối sống và tác phong công tác của các chiến sĩ trong thời gian làm nhiệm vụ quân quản đã làm sáng ngời hình ảnh bộ đội Cụ Hồ, để lại ấn tượng tốt đẹp trong lòng nhân dân thành phố, được Đại tướng Võ Nguyên Giáp khen ngợi: *"Các đồng chí vào thành, vững như thành"*.

Cố Thượng tướng Trần Văn Trà, nguyên Chủ tịch Ủy ban Quân quản Sài Gòn - Gia Định năm 1975 đã viết lại trong hồi ký: Ngay sau giờ phút cuối cùng của cuộc chiến tranh vừa kết thúc, việc đầu tiên của chính quyền mới, tức chính quyền quân quản là giữ yên đất nước, trước hết là giữ yên thành phố, an ninh trong nhân dân. Bởi vì trên thực tế, khi tiếng súng chiến tranh vừa dứt thì nạn hôi của, cướp bóc diễn ra. Bọn xấu thừa lúc tranh tối tranh sáng phá phách. Vũ khí, hàng hóa, vật chất, phương tiện chiến tranh còn đang ngổn ngang bừa bãi khắp nơi. Ngoại thành, tiếng súng vẫn còn nổ. Đặc biệt, những nơi trong chiến tranh là căn cứ du kích của ta, tiếng súng không nhiều nhưng vẫn còn. Do quân ngụy Sài Gòn từng tiểu đoàn, đại đội đã tan rã dạt về những nơi này mong trụ lại, phá phách, với hy vọng mong manh chờ giải cứu. Không đâu xa, ví như miệt Bưng Sáu Thủ Đức, các vùng sâu ở phía nam Sài Gòn và ở trong những khu rừng lân cận vẫn còn lẻ tẻ những tàn quân của chế độ cũ. Do vậy, vấn đề trật tự an ninh là nhiệm vụ trước hết của quân quản lúc bấy giờ.

Đi đôi với nhiệm vụ nặng nề trên, Quân đoàn 4 làm nhiệm vụ quân quản phải lao vào cứu đói cho dân, giúp đưa dân trở về làng quê xóm cũ, bắt tay ngay vào công việc làm ăn cho kịp thời vụ khi chiến tranh vừa chấm dứt nhằm tạo cuộc sống ổn định cho từng gia đình.

Chưa thấy một cuộc chiến tranh nào xưa nay kết thúc tại một thành phố 5 triệu dân mà được êm thấm như vậy. Tiếng súng vừa dứt, không còn phải thấy một người nào ngã xuống nữa. Thay vào đó là những bài học để cho đối phương của mình trở thành con người lương thiện, văn minh, hòa nhập với xã hội lành mạnh trong cộng đồng dân tộc. Tuyệt nhiên, không có một người nào bị trừng trị, trả thù. Đó là đức độ, nhân đạo của truyền thống người Việt Nam.

Cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước vừa kết thúc, nhân dân vui hưởng thái bình nhưng với chiến sĩ Quân đoàn 4 vẫn chưa hết nhiệm vụ khi biên giới Tây Nam đang có họa xâm lăng của tập đoàn phản động Pon Pot. Một lần nữa, lớp lớp thế hệ chiến sĩ Quân đoàn

4 lại chắc tay súng lên đường bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế cao cả, giúp nước bạn Campuchia thoát khỏi họa diệt chủng tàn khốc.

7. Vào đất Chùa Tháp

Cuộc chiến tranh lật đổ chế độ độc tài vô cùng tàn ác của tập đoàn phản động Pôn - pốt, lêng Xa - ri đã lùi xa vào quá khứ hơn 40 năm, nhưng đối với những người lính Việt Nam nói chung và chiến sĩ Quân đoàn 4 (QĐ4) nói riêng vẫn là những ký ức không bao giờ quên. Chính họ đã làm nên bản tình ca bất diệt về lòng quả cảm hy sinh vì Tổ quốc và bạn bè quốc tế. Ngày nay, khi nhắc đến bộ đội tình nguyện Việt Nam, người dân bao thế hệ Campuchia vẫn đọng đầy một sự hàm ơn cao cả...

“Ẩn số” Việt Nam

Vào lúc 9 giờ tối, ngày 20 - 6 - 1977, Hun Sen (nay là Thủ tướng Vương quốc Campuchia) cùng 4 đồng đội của mình đã từ bỏ chế độ tàn ác Khơ - me đỏ tìm đường sang Việt Nam. Họ tiến đến trong nỗi sợ hãi. Bóng đêm làm cho họ khó nhìn thấy được các đơn vị bộ đội Việt Nam đồn trú ở đâu. Sau khoảng 200m

đi vào Việt Nam, Hun Sen đề nghị với lính của ông rằng họ nên dừng lại nghỉ. Họ nấu một ít cháo, rồi húp cháo loãng. Không bao giờ đủ gạo trong tình trạng chết đói là chuyện thường xảy ra dưới sự cai trị của Pôn - pốt... Đó là đoạn văn miêu tả về những giây phút làm thay đổi cuộc đời của ông Hun Sen, của nhà báo Pháp Haryshe - Mehta Julie - Mehta.

Ông Hun Sen thời điểm bỏ hàng ngũ Pôn - pốt sang nước ta khoảng 25 tuổi, chức vụ là Sư đoàn trưởng trong chế độ Pôn - pốt. Sự xuất hiện của Hun Sen và đồng đội của ông đã làm phía ta nghi ngờ. Tuy nhiên, sau những phân tích về tội ác diệt chủng của Pôn - pốt, Việt Nam đã bắt đầu tin tưởng và thời gian sau đã giúp đỡ Hun Sen và những nhà yêu nước khác thành lập Mặt trận thống nhất Campuchia, cùng tiến về giải phóng quê hương khỏi những bàn tay khát máu...

Cuộc tấn công tiêu diệt tập đoàn tội ác Pôn - pốt đã đến. Trước sự dã man của địch, quân đội Việt Nam và được lực lượng của Mặt trận thống nhất Campuchia yểm trợ phía sau

tiến vào đất nước Chùa Tháp. Bộ đội ta đã vượt sông Mê - kông, bao vây thủ phủ tỉnh Kom - pong - cham, cách Phnom Pênh 64km, từng bước đập tan nhanh chóng mọi sự kháng cự của Pôn - pốt. Chính điều này đã để lại ấn tượng với ông Hun Sen sau này, khi ông trả lời báo chí quốc tế: *“Tôi biết rõ chúng tôi không thể lật đổ được Khơ - me đỏ mà không có sự hỗ trợ của bộ đội Việt Nam...”*. Sau này ông trả lời tiếp với báo chí rằng: *“Tôi không biết chắc Việt Nam đã dùng bao nhiêu quân, vì các lực lượng vũ trang của Việt Nam rất tài tình trong việc giữ bí mật quân sự. Việt Nam không bao giờ lật ngửa quân bài của mình, thậm chí ngay cả sau khi họ đã đánh xong trận chiến. Dù đọc các sách lịch sử, quý vị sẽ không biết được làm thế nào Việt Nam đã thắng Pháp ở Điện Biên Phủ. Việt Nam đã phát động một cuộc chiến tranh nhanh chóng để giải phóng đất nước chúng tôi khỏi họa diệt chủng...”*.

Lịch sử dân tộc Việt Nam là lịch sử của trận mạc. Trong hơn 4.000 năm giữ nước, Việt Nam luôn ở trong thế bất buộc phải cầm vũ khí và cuối cùng đều chiến thắng mọi kẻ thù thuộc

loại “sùng sỏ” nhất thế giới. Vì sao như thế? Đối với các học giả nước ngoài luôn là một ẩn số và cũng là bài học còn nguyên giá trị cho những thế lực ngoại bang đang lăm le đe dọa dân tộc bất khuất này.

Vai trò của Quân Đoàn 4...

Thắng lợi của tác chiến phòng ngự bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam mang một ý nghĩa to lớn trong việc bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, tạo được thời cơ chiến lược hết sức thuận lợi cho cuộc tổng tiến công chiến lược giúp bạn vào giải phóng thủ đô Phnom Pênh 1979. Đối với nhân dân Campuchia trong giai đoạn này đang chìm trong biển máu trước những bàn tay ác ôn, tàn bạo, dã man của Pôn - pốt lêng Xa - ri. Chúng ra sức tàn sát người già, phụ nữ và trẻ em. Đáp lời kêu gọi của nhân dân Campuchia, QĐ4 vinh dự được Đảng, Nhà nước và Bộ Quốc phòng giao nhiệm vụ tiếp tục phối hợp hiệp đồng chặt chẽ với các đơn vị khác, thực hiện chuyển từ phản công tiêu diệt địch ở biên giới Tây Nam sang tiến công giúp bạn giải phóng Phnom Pênh lật đổ diệt

chúng Pôn - pốt, cứu dân tộc bạn thoát khỏi bàn tay khát máu, đưa sự nghiệp giải phóng dân tộc của bạn đến thắng lợi hoàn toàn.

Từ ngày 1 đến 5 - 1 - 1979, thực hiện quyết tâm của bộ, QĐ4 triển khai lực lượng tiến công theo đúng kế hoạch. Sư đoàn 9 tổ chức truy kích địch ở phía nam đường Số 1 đến sát sông Mê - kông, đồng thời đưa một trung đoàn bao vây núi Sa Cách bảo vệ sườn phải, sườn trái cho Sư đoàn 7. Sư đoàn 2 tiến công giữ hành lang nam đường số 10, nam - bắc đường số 1. Quá trình tiến công theo kế hoạch thì hướng Tà Keo, Quân khu 9 và Quân đoàn 2 gặp khó khăn. Vì vậy, Bộ Chỉ huy tiền phương bổ sung nhiệm vụ cho Quân đoàn 4 đảm nhiệm hướng chủ yếu tiến công vào giải phóng Phnom Pênh. Tình hình địch lúc này đang hoảng loạn, bị tiêu hao một phần lớn về sinh lực trước sức mạnh như vũ bão trên các hướng tiến công của ta. Bộ Tư lệnh Quân đoàn hạ quyết tâm giao nhiệm vụ cho các đơn vị hành quân cả bằng đường bộ, đường thủy với tốc độ nhanh nhất vào giải phóng thủ đô nước bạn trước ngày 8 - 1. Chấp hành mệnh lệnh của Quân đoàn, Sư đoàn 7 là lực lượng chủ

yếu đã hiệp đồng chặt chẽ với các đơn vị bạn và địa phương tổ chức vượt sông Mê - Kông, qua phà Niếc Lương. Đội hình tiến công của sư đoàn phát triển thuận lợi. 11 giờ ngày 7 - 1, liên quân của ta tiến vào thành phố Phnom Pênh chiếm giữ một số mục tiêu quan trọng như: Khu đại sứ quán, cơ quan trung ương địch, đài phát thanh... 12 giờ cùng ngày, các đơn vị thuộc Quân đoàn và Binh đoàn 1 của bạn đã làm chủ hoàn toàn thủ đô Phnom Pênh.

Như vậy chỉ trong một thời gian rất ngắn, kể từ lúc nhận nhiệm vụ bổ sung đảm nhiệm trên hướng chủ yếu, Quân đoàn 4 đã đập tan mọi sự chống đối của tập đoàn Pôn - pốt, tiến thẳng vào sào huyệt quân địch trong niềm vui khôn tả của nhân dân Campuchia.

8. Thắm tình hữu nghị

Lịch sử đã chứng minh 3 dân tộc Việt Nam - Lào - Campuchia luôn sát cánh bên nhau chống kẻ thù ngoại xâm. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, nhiều đơn vị bộ đội Việt Nam đã sang hai nước bạn chiến đấu, giúp bạn giành độc lập. Chính

sự đoàn kết gắn bó với nhau trong các cuộc chiến đã khẳng định: “*Đông Dương là một chiến trường*”, “*Giúp nhân dân nước bạn là tự giúp mình*” như lời nói của Bác Hồ, trở thành mục tiêu, động cơ trong sáng của bộ đội ta trong những năm cuối thập niên 70, khi phía bên kia biên giới, đồng bào Campuchia đang rên xiết dưới gót giày của chế độ khát máu...

Cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam và cuộc tấn công vào sào huyệt Khơme đỏ của Việt Nam đã gây bất ngờ với dư luận thế giới thời điểm đó. Bởi, trước đây Việt Nam và lực lượng kháng chiến Campuchia do Pon Pot lãnh đạo từng là “*đồng chí*” với nhau. Quay về lịch sử nhận thấy: Vào ngày 18 - 3 - 1970, được đế quốc Mỹ hậu thuẫn, Lon non đảo chính, lật đổ Xihanuc. Sau đó, lực lượng kháng chiến của Campuchia được ta giúp đỡ lật đổ chế độ Lon non giành chính quyền vào mùa xuân năm 1975. Thế nhưng, sau khi nắm được toàn bộ quyền lực, Pon Pot bắt đầu tráo trở, ngấm ngầm chống đối Việt Nam. Từ cuối năm 1975, chúng bất ngờ đưa quân đột nhập vào các làng mạc gần biên giới từ Tây Ninh đến An Giang

bắn giết hàng ngàn người, chủ yếu là người già và trẻ em. Trước tội ác man rợ của Khmer đỏ, Việt Nam đã đưa quân đánh trả và sau đó đáp lời kêu gọi của Mặt trận Đoàn kết dân tộc cứu nước Campuchia, ta tiến sang giúp bạn thoát họa diệt chủng.

Thật khó để hiểu hết vì sao Pon Pot, con người có quăng đời sinh viên khá hiền hòa và đôi khi còn rụt rè, sau này lại cai trị đất nước theo chủ nghĩa dân tộc cực đoan tàn ác đến như thế. Trong cuốn *"Quân đoàn 4 - Những năm tháng trên đất nước Chùa Tháp"*, Đại tá - Nhà văn Nguyễn Quốc Trung đã kể lại rằng: Khi đoàn quân của chúng tôi đến nhà tù Stung-treng, nơi Pon Pot giam giữ hàng ngàn người chúng coi là chống đối chúng. Khi Sư đoàn 7 cùng quân đội cách mạng Campuchia tiến quân vào giải thoát cho những tù nhân còn lại, đã thấy vô số những bộ xương người chất ngồn ngang trong những gian nhà tôn, tường gạch xây kiên cố, những xác người vừa bị giết chưa kịp phân hủy nằm trên các sàn tra tấn. Cùng lúc ấy, có rất nhiều nhà báo quốc tế đến nhà tù chứng kiến thêm tội ác trời không dung, đất

không tha của bè lũ diệt chủng.

Bộ đội được lệnh nhanh chóng sơ cứu và chuyển những người còn sống sót về bệnh xá dã chiến của Quân đoàn (QĐ). Sau đó Sư đoàn 7 - Quân đoàn 4 hành tiến lên giải phóng tỉnh Kông Pông Ch'ăng, Pua - sát. Đến đâu, bộ đội cũng thấy cảnh những thân người chết trên cánh đồng, trong rừng, từng đoàn người đói lả, bệnh tật đang thoi thóp dưới vòm trời nắng gắt. Mặc dù lương thực, thực phẩm của bộ đội rất hạn chế nhưng Quân đoàn 4 đã lệnh cho các đơn vị phải làm nhiệm vụ cứu sống nhân dân bạn lên hàng đầu, bớt khẩu phần của mình để giúp nhân dân, không để một người nào rơi vào cảnh đói, bệnh tật.

Có một câu chuyện mà đến bây giờ mỗi lần nhắc lại đều làm xúc động lòng người. Đó là, trong một lần truy quét địch, bộ đội ta gặp những em bé từ 3 - 5 tuổi, không cha mẹ, đang đói khát trong một cánh rừng. Tình cảnh quá tội nghiệp, bộ đội nhanh chóng đưa các cháu về tập trung nuôi dưỡng ở một trường học bỏ hoang tại thủ đô Phnom Pênh và giao cho Lữ

đoàn pháo binh của Quân đoàn 4 quản lý. Lúc đầu trường nuôi dưỡng khoảng 100 cháu, sau tăng lên 360 cháu. Để chăm sóc các cháu, ta vận động một số phụ nữ Campuchia làm bảo mẫu, mọi chi phí do Quân đoàn 4 bảo đảm và đặt tên là trại trẻ *"Hoa hồng"*. Về sau bạn đề nghị đặt tên lại là trại trẻ *"Hoa Hồng - Cửu Long"*. Ngày nay, mỗi khi trở lại chiến trường xưa, các cựu chiến binh Việt Nam đều không quên ghé thăm địa danh này - nơi lưu dấu một thời chiến tranh khốc liệt nhưng mang nặng nghĩa tình của bộ đội Việt Nam với đồng bào Campuchia.

Sau khi đập tan bè lũ Pon Pot, một nhiệm vụ rất quan trọng của bộ đội là đưa nhân dân trở về quê cũ sinh sống. Khi nhân dân bạn trở về những phum, sóc bị bỏ hoang đã 3 năm, tất cả tan hoang, nhà cửa mục nát..., bộ đội lại giúp nhân dân dọn dẹp, dựng nhà, đào giếng vì những giếng trước đây lính Pon Pot ném xác người xuống. Các chiến sĩ Việt Nam đã lao động miệt mài nhằm làm vơi bớt nỗi đau tột cùng của đồng bào nước bạn. Rồi một công việc cũng rất quan trọng là xây dựng trường

học để các sư sãi dạy trẻ em. Trong một thời gian rất ngắn, với một núi công việc như vậy nhưng bộ đội đã tình nguyện cùng thanh niên các phum, sóc hoàn thành một cách xuất sắc.

Đại tá - Nhà văn Nguyễn Quốc Trung, người có những năm tháng gắn bó trên đất nước Chùa Tháp đã viết trong hồi ký của mình về tình cảm của bộ đội đối với mảnh đất một thời chiến tranh điêu tàn này: *“Giờ đây, sau gần 4 thập kỷ đất nước Campuchia đã đổi mới, nhưng tôi tin, với tình cảm vô tư trong sáng, sự hy sinh quả cảm của đồng đội tôi, những chiến sĩ quân tình nguyện Việt Nam ở Quân đoàn 4 luôn sống mãi trong lòng nhân dân Campuchia, nơi đơn vị tôi đi qua. Riêng tôi, tôi cũng biết ơn nhân dân Campuchia, những người đã giúp tôi trong thời gian được tham gia làm nhiệm vụ quốc tế...”*.

Có thể nói sự giúp đỡ của bộ đội tình nguyện Việt Nam đối với nhân dân Campuchia là vô cùng lớn lao, vượt qua tất cả những luận điệu xuyên tạc của những thế lực phản động gây thù địch với Việt Nam thời điểm đó. Trong

bài phát biểu tại buổi lễ tiễn quân tình nguyện Việt Nam về nước, Chủ tịch Heng Xomrin đã khẳng định: *Hình ảnh hy sinh, chịu đựng gian khổ, tận tình của quân tình nguyện Việt Nam cho đất nước Campuchia rất lớn lao, vô tư, trong sáng và hiệu quả. Đảng, Nhà nước, quân đội và nhân dân Campuchia vô cùng biết ơn và khắc sâu vào tâm khảm, không thể nào quên...*

9. Ký ức những trận đánh...

Thực hiện quyết tâm tổng tiến công chiến lược mùa khô 1978 - 1979, giúp bạn lật đổ chế độ Pon Pot, Bộ Tổng Tư lệnh dự kiến thời gian mở màn chiến dịch vào ngày 1 - 1 - 1979, nhưng trung tuần tháng 12 - 1978, địch đã đưa quân luồn sâu đánh một số xã nhằm chiếm tỉnh Tây Ninh. Trước tình hình đó, Bộ Tư lệnh tiền phương giao nhiệm vụ cho Quân đoàn 4 (QĐ4) nhanh chóng phản công địch. Vậy là cuộc chiến chống Mỹ vừa chấm dứt, Tổ quốc vui hưởng thái bình chưa được bao lâu thì khói lửa chiến tranh lại bùng lên...

Uy dũng xe tăng

Trong lịch sử chiến tranh của thế giới,

tăng, thiết giáp luôn là vũ khí đầy uy lực được mệnh danh là *“vua chiến trường”*. Trong chiến dịch tổng tiến công giải phóng thủ đô Phnom Penh, lực lượng tăng, thiết giáp của Lữ đoàn 22 - Quân đoàn 4 đã không hổ danh là những *“vua chiến trường”* của Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng.

Chấp hành mệnh lệnh của cấp trên - nhanh chóng phản công địch, Quân đoàn 4 đã sử dụng Tiểu đoàn thiết giáp 3 tăng cường cho Trung đoàn bộ binh 273 bí mật chiếm lĩnh trận địa rạch Cái Bạc, Vàm Cỏ Đông làm bàn đạp cho bộ đội vượt sông và sử dụng Tiểu đoàn tăng, thiết giáp 1 tấn công địch ở vòng ngoài, hình thành thế chia cắt, bao vây địch. Đây là trận đánh mở màn của cuộc tổng tiến công nhưng các lực lượng tăng, thiết giáp của Lữ đoàn 22 - Quân đoàn 4 đã chiến đấu rất hiệu quả, toàn bộ lực lượng của địch trên đất Tây Ninh bị ta bao vây và tiêu diệt, đập tan ảo vọng của chúng muốn chiếm tỉnh này.

Sau khi tiêu diệt địch trong nội địa, sáng ngày 1 - 1 - 1979, Quân đoàn 4 nổ súng tiến công

sang biên giới theo đúng kế hoạch. Đội hình tấn công áp đảo đi đầu vẫn là lực lượng tăng, thiết giáp. Trên hướng bắc, Tiểu đoàn thiết giáp 3 cơ động theo đường 10 - Đôn So - Kôngbông Trạch, chiếm núi Ba Phum, Xa Cách, Niết Lương, bảo đảm cho hướng chủ yếu của Quân đoàn 4 đánh vào thủ đô Phnom Penh. Ở hướng đường số 1, Tiểu đoàn tăng 2 với tổng số 24 xe tăng, thiết giáp tăng cường cho Sư đoàn 7 đã thực hành tiến công hành tiến về Phnom Penh. Trong quá trình vừa đi vừa đánh giặc, lực lượng tăng, thiết giáp của tiểu đoàn này đã phát huy hỏa lực, cùng bộ binh tiêu diệt nhiều sinh lực địch.

Trước thế tiến công như vũ bão của quân ta, địch lâm vào thế lúng túng, không có lực lượng dự bị tăng viện. Trên đà chiến thắng, ngày 4 - 1 - 1979, tiền phương Bộ Tổng tham mưu hạ quyết tâm sử dụng toàn bộ lực lượng tiến công giải phóng thủ đô Phnom Penh. Chấp hành mệnh lệnh, Quân đoàn 4 sử dụng Sư đoàn 7 cùng Tiểu đoàn 2 dẫn đầu đội hình tiến về thủ đô nước bạn. 10 giờ ngày 7 - 1 - 1979, ta đã chiếm được bộ tổng tham mưu, đài phát thanh, khu hoàng cung của địch trong thành phố

Phnom Penh. Lực lượng tăng, thiết giáp cùng bộ binh trên các hướng phát triển khá thuận lợi. Đến 12 giờ 30 phút cùng ngày, quân ta làm chủ phần lớn thủ đô Phnom Penh trong niềm vui chào mừng của đồng bào nhân dân Campuchia. Từ trong chiến dịch oanh liệt này, nhiều tấm gương anh dũng đã xuất hiện. Điển hình là đồng chí Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Văn Thành (Tiểu đoàn tăng 2 - Lữ đoàn tăng - thiết giáp 22). Sau này đồng chí Thành được phong tặng danh hiệu Anh hùng LLVTND. Trước lúc về hưu, ông mang hàm trung tướng, nguyên Phó Tổng tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam.

Bà má Campuchia

Trong hồi ký của mình, Đại tá Nguyễn Văn Hồng, nguyên Phó Tư lệnh - Tham mưu trưởng Quân đoàn 4 đã kể lại một câu chuyện rất cảm động, thể hiện một tình cảm rất thiêng liêng của bà má Campuchia với bộ đội Việt Nam trong những năm chiến tranh khốc liệt. Ông kể rằng ngày đó, trên mặt trận đang ác liệt, nhằm nắm rõ phía sau của quân địch, ông Hồng đã giao nhiệm vụ cho tổ trinh sát 3 người

luồn sâu vào nơi đóng quân của địch. Ba đồng chí tên là Thịnh, Chiến, Toàn lập tức sẵn sàng nhận nhiệm vụ. Không may trong quá trình tác chiến, đồng chí Toàn bị lộ, địch phát hiện và bắn ngay. Anh Toàn không kịp trở tay, gục xuống... Súng nổ loạn xạ, hai đồng chí còn lại xông lên tấn công địch nhằm cứu anh Toàn, nhưng đến nơi không thấy anh Toàn ở đâu, chỉ thấy những vệt máu. Sự mất tích hoặc hy sinh của đồng chí Toàn đã làm đau lòng toàn đơn vị. Bởi nếu anh hy sinh sao không thấy thi hài anh ở đâu, hay anh bị thương rồi bị địch bắt và nếu điều đó xảy ra sẽ vô cùng đau đớn với anh. Đơn vị nhiều lần tổ chức tìm kiếm anh Toàn nhưng không đạt kết quả. Đại tá Nguyễn Văn Hồng có ý định sau khi chiếm được căn cứ của địch sẽ đi tìm anh Toàn. Và chiến thắng cũng đã tới. Sau một năm bao cảnh vật đã thay đổi nhưng chiến sĩ Thịnh và Chiến vẫn không quên nơi anh Toàn gục xuống trước họng súng kẻ thù. Họ sầm soi tìm kiếm rồi bỗng dưng giọng Thịnh run lên, nói qua hơi thở: *"Đây rồi!... Toàn đây rồi anh Chiến ơi..."*. Hai người cùng quỳ xuống trước một hốc đá, bên trong có bộ

xương còn bốc mùi. *“Toàn ơi!... Toàn đấy phải không? Ngày đó tao cứ tưởng mày bị thương rồi chạy lạc, nhưng mày bị thương rồi bò vào đây phải không? Thế là chúng tao đã gặp mày ở đây! Thôi thì mày đã hy sinh anh dũng, mày đã góp phần xứng đáng vào thắng lợi của trận đánh này. Ở quê, người ta nhận được thông tin mày mất tích, mẹ mày và con Trầm, người yêu của mày đau buồn lắm. Chúng tao sẽ đưa mày về với đồng đội, với gia đình... Mày sống khôn, thác thiêng, Toàn nhá!...”*

Thế rồi cuộc chiến giúp bạn đã đến hồi kết thúc, trên đoàn xe trở về Tổ quốc, trong lúc dừng nghỉ, ông Hồng thấy một cụ già và một cô gái dẫn một thanh niên đi tới. Thấy vậy ông Hồng tiến tới hỏi thăm và nhận thấy người thanh niên quen quen, tóc tai lâu ngày không cắt trùm kín mang tai, cái miệng cứ chúm chím như con gái và đôi mắt cứ ngây ngây, đại đại... *“Đứa nào trông như thằng Toàn? Thằng Toàn đã chết mấy năm nay rồi cơ mà...”*. Ông Hồng vừa nói và như không tin vào mắt mình nữa choàng tới ôm lấy Toàn. Toàn! Toàn đấy phải không? Toàn thông tin 2 oát phải không? Em đã hy sinh rồi cơ mà,

đơn vị đã chôn em trong nghĩa trang sao bây giờ em lại ở đây? Có phải em đấy không hả Toàn? Từ ấy đến giờ em ở đâu Toàn? Ôi, nhưng Toàn đã mất trí nhớ rồi các đồng chí ơi! Mọi người chứng kiến sự việc đều xúc động, hai mắt nhỏ lệ. Chợt bà má Campuchia lên tiếng: Cho tôi gửi thẳng con trai về Việt Nam. Qua câu chuyện bà má kể lại, ông Hồng mới biết hóa ra anh Toàn không hy sinh, anh bị thương rất nặng và nằm thoi thóp trong một lùm cây. Nhờ bà má Campuchia và con gái cứu sống, nuôi giấu bí mật trong một hang đá. Hôm nay, nghe tin bộ đội Việt Nam về nước, bà cùng con gái đưa anh Toàn ra gặp để gửi về Việt Nam.

Đó là câu chuyện rất cảm động của Đại tá Hồng kể về thời đơn vị ông chiến đấu ở mặt trận Campuchia giáp với biên giới Thái Lan. Chúng tôi muốn kể lại câu chuyện này với sự trân trọng của thế hệ lớn lên trong hòa bình đối với thế hệ cha anh đi trước đã quên mình vì nhiệm vụ Tổ quốc và nghĩa vụ quốc tế.

10. Đánh là dứt điểm

Chúng tôi có dịp đến thăm Sư đoàn Bộ

binh 9 (Quân đoàn 4) vào một ngày đầu tháng 11 giữa lúc cán bộ, chiến sĩ của sư đoàn đang tổ chức nhiều hoạt động thi đua hướng đến kỷ niệm Ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam. Mặc cho nắng gắt, lưng áo đầm mồ hôi nhưng trên các bãi tập của đơn vị, các cán bộ, chiến sĩ vẫn hăng say luyện tập...

Sáng ngời truyền thống

Khi biết chúng tôi có ý định tìm hiểu về lịch sử gần 50 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của Sư đoàn Bộ binh 9, Đại tá Nguyễn Xuân Sơn, Chính ủy Sư đoàn, đã dành cho chúng tôi khá nhiều thời gian để nói về những ngày đầu ra đời trong khói lửa khốc liệt của chiến tranh, đến những mốc son trong quá trình trưởng thành và cả những thành tích nổi bật trong thực hiện nhiệm vụ hôm nay.

Cách đây hơn 49 năm, vào ngày 2 - 9 - 1965, tại một khu rừng bên bờ suối Nhung, căn cứ Mã Đà, Chiến khu Đ thuộc tỉnh Phước Thành (nay là xã Phủ Lý, huyện Vĩnh Cửu, Đồng Nai), Trung ương Cục, Quân ủy và Bộ Tư lệnh Miền đã tổ chức lễ công bố quyết định thành lập Sư

đoàn Bộ binh 9, một sư đoàn chủ lực cơ động trực thuộc miền, hoạt động chủ yếu ở chiến trường miền Đông Nam bộ. Trong phiên họp đầu tiên ngày 15 - 10 - 1965, Đảng ủy Sư đoàn nhận định: *"Sư đoàn của chúng ta được xây dựng, trải qua một quá trình đấu tranh từ phong trào Đồng Khởi của nhân dân miền Nam đứng lên đấu tranh chính trị, đấu tranh vũ trang để xây dựng lực lượng vũ trang của Đảng ở miền Nam, nhất là ở chiến trường Nam bộ. Toàn Đảng bộ ta phải quán triệt đặc điểm này để phát huy chỗ mạnh, khắc phục chỗ yếu, nỗ lực xây dựng sư đoàn thành quả đấm mạnh, nâng cao sức mạnh chiến đấu toàn diện và đồng đều, sẵn sàng nhận và hoàn thành bất cứ nhiệm vụ gì mà Quân ủy và Bộ Tư lệnh Miền giao cho..."*.

Sư đoàn vừa ra đời đã bước ngay vào cuộc chiến đấu với quân Mỹ, một đối tượng tác chiến mới, mạnh hơn hẳn quân ngụy. *"Dám đánh Mỹ sẽ tìm ra cách đánh thắng quân Mỹ"*, lời động viên của Đại tướng Nguyễn Chí Thanh đã phát triển thành truyền thống *"Quyết chiến, quyết thắng"* của quân đội ta trong tình hình

mới, chỉ ra phương hướng công tác tư tưởng và cách hành động đúng đắn cho các đơn vị. Thấm nhuần tư tưởng đó, Sư đoàn 9 đã chiến đấu và chiến thắng nhiều trận đánh quan trọng. Từ chiến thắng Đồng Xoài, đến Lai Khê - Bàu Bàng, Dầu Tiếng, Nhà Đỏ, Cần Đâm, Sa Mát; phản công đánh bại cuộc hành quân Gian - xơn Xi - ty của hàng ngàn quân Mỹ; tham gia tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, sư đoàn đã góp phần làm phá sản chiến lược *"chiến tranh cục bộ"* của đế quốc Mỹ; đã chứng minh trên thực tế chiến trường bài học lớn *"dám đánh Mỹ sẽ tìm ra cách đánh thắng Mỹ"*. Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975 và chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, từ hướng Tây và Tây Nam, sư đoàn đã tiến vào Sài Gòn, đánh chiếm Biệt khu thủ đô, góp phần giải phóng Sài Gòn, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Sư đoàn cũng đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo vệ vững chắc biên giới Tây Nam và làm tròn nhiệm vụ quốc tế giúp nước bạn Campuchia.

Kể từ khi được thành lập vào ngày 2 - 9 - 1965, sư đoàn đã trải qua những chặng

đường xây dựng và chiến đấu đầy gian khổ, hy sinh, càng đánh càng mạnh và trưởng thành, xây dựng nên truyền thống vẻ vang *“Đoàn kết, khiêm tốn, anh dũng, sáng tạo, đi là chiến thắng, đánh là dứt điểm”*.

Xứng danh anh hùng

Là một trong những đơn vị chủ lực đầu tiên trên chiến trường miền Đông Nam bộ, trải qua hơn 50 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, lớp lớp cán bộ, chiến sĩ sư đoàn đã lập nên nhiều chiến công xuất sắc được Đảng, Nhà nước hai lần tuyên dương danh hiệu *“Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”* và nhiều phần thưởng cao quý khác. Đại tá Nguyễn Xuân Sơn, Chính ủy Sư đoàn Bộ binh 9 cho biết, hiện nay toàn thể cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên chức quốc phòng sư đoàn tiếp tục thực hiện nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, tiếp tục tô thắm thêm truyền thống vẻ vang của sư đoàn và phẩm chất bộ đội Cụ Hồ trong giai đoạn cách mạng mới, góp phần xây dựng và bảo vệ vững

chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Trong những năm gần đây, cùng với việc nâng cao chất lượng huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, sư đoàn đã tập trung thực hiện tốt phong trào thi đua quyết thắng. Trên cơ sở quán triệt phương châm chỉ đạo *“Một tập trung, hai thường xuyên, ba đột phá, bốn cùng với bộ đội”* của Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4, các cơ quan, đơn vị đã cụ thể hóa vào xác định các nội dung, chỉ tiêu thi đua phù hợp; tổ chức phát động chặt chẽ, nghiêm túc, tạo khí thế thi đua sôi nổi, rộng khắp trong toàn đơn vị. Nhờ kết hợp tốt giữa thi đua thường xuyên với thi đua cao điểm, đột kích, gắn với đẩy mạnh việc *“Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”* và cuộc vận động *“Phát huy truyền thống, cống hiến tài năng, xứng danh bộ đội Cụ Hồ”*, đã góp phần xây dựng sư đoàn vững mạnh toàn diện, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

11. Năng thao trường

Theo chân cán bộ Lữ đoàn Phòng không 71 - Quân đoàn 4 (QĐ4), chúng tôi đến thăm

Tiểu đoàn 12 (thuộc Lữ đoàn Phòng không 71) đóng tại phường Bình Hòa, TX.Thuận An. Dưới cái nắng chói chang của tiết trời giao mùa nhưng các cán bộ, chiến sĩ của tiểu đoàn vẫn hăng say luyện tập bên những nòng pháo sừng sững giữa trời cao. Những động tác nhanh nhẹn, thuần thục của các chiến sĩ trên bệ pháo, tiếng nạp đạn lách cách, tiếng chỉ huy ra lệnh, tiếng chiến sĩ báo cáo rành mạch... khiến không khí càng thêm rộn ràng như đơn vị đang chuẩn bị bước vào trận đánh...

Vượt nắng...

Chiến sĩ Bùi Quốc Cường (Đại đội 102) lưng áo nhễ nhại mồ hôi vì cái nắng như cháy da thịt nhưng lúc nào cũng tươi cười khi trò chuyện với chúng tôi. Cường quê ở Thạnh Phú (Bến Tre), là chiến sĩ mới nhập ngũ tháng 1 - 2014 được Lữ đoàn Phòng không 71 tiếp nhận về huấn luyện. Cường nói, mặc dù luyện tập vất vả, luôn phải đứng dưới cái nắng chói chang nhưng vẫn thấy rất vinh dự. *“Tôi rất tự hào khi được tham gia huấn luyện tại Lữ đoàn Phòng không 71 - Quân đoàn 4. Đây là môi*

trường tốt giúp tôi hoàn thành tốt nhiệm vụ và trách nhiệm của người thanh niên đối với đất nước...".

Giữ yên vùng trời Tổ quốc

Là đồng đội của chiến sĩ Bùi Quốc Cường ở Đại đội 102 - Tiểu đoàn 12, chiến sĩ trẻ Lê Văn Thật, ở phường Tân Đông Hiệp, TX.Dĩ An tự hào chia sẻ: *"Được nhập ngũ và tham gia tập luyện trong một Lữ đoàn phòng không đóng chân trên địa bàn tỉnh, tôi vô cùng vinh dự đồng thời sẽ không ngừng học tập, rèn luyện để luôn sẵn sàng bảo vệ bình yên vùng trời, không để bị bất ngờ với các tình huống trên không..."*. Suy nghĩ của chiến sĩ Thật cũng là quyết tâm của tập thể, cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 12 - Lữ đoàn Phòng không 71. Để thực hiện tốt nhiệm vụ huấn luyện sẵn sàng chiến đấu và xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện, Tiểu đoàn 12 đã quán triệt Chỉ lệnh số 27/CL - BTTM về: *"Xử trí tình huống tác chiến phòng không"* của Bộ Tổng Tham mưu, *"Bốn biết, bốn được"* trong quản lý vùng trời; tiểu đoàn đã duy trì chặt chẽ các chế độ trực sẵn sàng chiến

đấu (SSCĐ), trực chỉ huy, trực ban, trực nghiệp vụ bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt; chủ động xây dựng và luyện tập thuần thục các phương án sẵn sàng chiến đấu ... Vì vậy, qua các đợt kiểm tra của Quân đoàn, Cục Phòng không Lục quân, của Lữ đoàn, đơn vị luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, nhất là sẵn sàng chiến đấu phòng không trong các dịp lễ, các sự kiện quan trọng của đất nước, sẵn sàng nổ súng được ngay khi có lệnh, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống.

13. Xứng danh anh hùng

Trong cuộc trường chinh chống ngoại xâm vĩ đại của dân tộc, Quân đoàn (QĐ4) - Binh đoàn Cửu Long anh hùng đã ghi những chiến công oanh liệt vào trang vàng lịch sử. Biết bao thế hệ cha anh đã mãi mãi nằm xuống cho Tổ quốc tươi đẹp như hôm nay. Thật cảm động, khi mới đây Đại tá Phạm Tiến Dũng, Ủy viên Thường vụ, Phó Chính ủy Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4, cho biết trong kháng chiến chống Mỹ và 10 năm chiến đấu giúp bạn ở Campuchia, toàn Quân đoàn 4 có nhiều cán bộ, chiến sĩ ngã

xuống. Uy dũng vô song và sự hy sinh mất mát vô cùng to lớn. Quân đoàn anh hùng đã sinh ra những người anh hùng mà tên tuổi của họ đã được lưu vào sử sách. Dưới đây chúng tôi kể về một con người như thế.

Tên anh là Nguyễn Thành Ngưỡng, sinh ra và lớn lên trên mảnh đất giàu truyền thống cách mạng: Xã Nghi Quang, huyện Nghi Lộc, Nghệ An. Năm 1967, cuộc chiến chống Mỹ xâm lược đang bước vào giai đoạn ác liệt. Thanh niên cả nước theo tiếng gọi của Tổ quốc hăng hái lên đường tòng quân. Họ ra đi với một bầu máu nóng, quyết hy sinh cho Tổ quốc: *Em hỏi anh đi về đâu?/ Anh ngoảnh về phương Nam, mang máng thế/ Phương trời xa tít tắp/ Nhưng ánh chớp đang nháy lên, nháy lên...* Đó là những câu thơ nói về lý tưởng của thanh niên lúc bấy giờ.

Nguyễn Thành Ngưỡng lúc bấy giờ mới 16 tuổi, chưa đủ tuổi đi bộ đội, nhưng thấy các anh, các chị đều ra mặt trận nên cậu quyết tâm viết thư tình nguyện lên đường. Trước tấm lòng nhiệt huyết cách mạng, cậu đã được gia

nhập quân đội và biên chế vào Đại đội 1, Tiểu đoàn 1, Trung đoàn 95C, Sư đoàn 325C (nay là Trung đoàn 3, Sư đoàn 9, QĐ 4).

Tuy ít tuổi nhưng kể từ khi đứng vào hàng ngũ quân đội chàng trai Nguyễn Thành Ngưỡng đã nhanh chóng bộc lộ là một chiến sĩ nhanh nhẹn, dũng cảm. Từ năm 1967 - 1970, dấu chân của chiến sĩ Ngưỡng đã đi khắp những chiến trường ác liệt, bao trùm cả miền Nam Việt Nam. Từ chiến trường Quảng Trị anh lên Tây nguyên, rồi quay về miền Đông Nam bộ... chiến đấu liên tục với kẻ thù, cùng với đơn vị lập nên những chiến công hiển hách.

Mặc dù nay đã nghỉ hưu nhưng cựu chiến binh, anh hùng LLVT ND Nguyễn Thành Ngưỡng trông vẫn còn mạnh khỏe. Hôm gặp ông ở Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4, thấy ông rất hào sảng, khuôn mặt vẫn rắn chắc đậm nét can trường của người lính một thời vào sinh ra tử. Ông say sưa kể về quãng đời binh nghiệp đầy vinh quang và ác liệt của ông cùng đồng đội. Từng hồi ức cách đây mấy chục năm mà chúng tôi nghe như vừa mới diễn ra trong thực tại,

sinh động và hấp dẫn. Ông nói, suốt những năm đánh Mỹ ông tham gia rất nhiều chiến trường, nhưng chiến trường Quảng Trị và Tây nguyên đã để lại trong ông nhiều ấn tượng nhất, bởi đây là những vùng đất cực kỳ ác liệt.

Để chuẩn bị cho Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968, đơn vị ông được lệnh tham gia chiến dịch Khe Sanh mà cụ thể là đánh vào cao điểm 832, một vị trí quan trọng của địch. Đây là trận đánh có ý nghĩa rất lớn nhằm góp sức cùng các đơn vị chủ lực khác kìm chân địch ở các chiến trường trọng điểm, tạo thế thuận lợi cho quân và dân ta trên toàn miền Nam Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968. Do tính chất quyết định của trận đánh nên toàn đơn vị cũng như cá nhân Nguyễn Thành Ngưỡng đều sẵn sàng nhận nhiệm vụ, không ngại hy sinh. Sau gần 90 ngày đêm, trung đoàn của ông đã bao vây, tấn công, tiêu diệt địch ở các cao điểm 845, 832, Động sương mù, Làng Vây và sân bay Tà Cơn của địch, tiêu diệt hàng trăm lính Mỹ - ngụy. Bắn cháy hàng chục xe tăng, máy bay, phá tan gọng kìm của địch, giam chân một lực lượng lớn Mỹ - ngụy ở

Đường 9 - Khe Sanh, góp phần tạo thế bất ngờ cho các chiến trường miền Nam đánh địch.

Chiến dịch Đường 9 - Khe Sanh hồi đó đã gây nên một cơn “địa chấn” với nước Mỹ và dư luận quốc tế. Giới báo chí gọi trận đánh này là “Điện Biên Phủ thứ hai”. Quân ta đã siết chặt vòng vây, liên tục nhả đạn vào quân thù khiến chúng lâm vào thế tiến thoái lưỡng nan, muốn rút lui khỏi Khe Sanh cũng không được. Thảm cảnh đã gây ra sự hoang mang tột cùng với quân Mỹ - ngụy. Sau chiến dịch ác liệt này, chiến sĩ Nguyễn Thành Ngưỡng được đề nghị tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng II và danh hiệu Dũng sĩ diệt Mỹ, bằng khen, chiến sĩ thi đua trung đoàn...

Sau trận đánh, tháng 4 - 1968, đơn vị ông được lệnh rời Khe Sanh hành quân vào Tây nguyên. Trung đội trinh sát của ông bí mật đi tiền trạm nhằm chuẩn bị cho trận đánh mở màn chiến dịch vào cứ điểm Ngọc Hồi - Kon Tum. Căn cứ Ngọc Hồi được xây dựng rất kiên cố cho biệt kích ngụy và cố vấn Mỹ đồn trú, với mưu đồ do thám toàn bộ hoạt động của ta ở

Tây nguyên và tuyến đường giao liên. Đêm 14 - 5 - 1968, Tiểu đoàn 3 được Tiểu đội của ông Ngưỡng dẫn đường bất ngờ tấn công cứ điểm Ngọc Hồi khiến địch không kịp trở tay. Với lực lượng pháo binh của ta yểm trợ vòng ngoài, sau 3 giờ chiến đấu, quân ta đã diệt gọn đại đội biệt kích 100 tên Mỹ - ngụy, riêng cá nhân ông Ngưỡng bắt sống 2 tên Mỹ. Sau chiến thắng Ngọc Hồi, đơn vị Nguyễn Thành Ngưỡng tiếp tục hành quân vào phía Nam Tây nguyên tấn công chi khu Đức Lập, Đắc Sắc, Đắc Tô... tổ chức những trận đánh xuất thần gây khiếp đảm cho quân thù. Tháng 10 - 1968, tổng kết chiến dịch Tây nguyên, trung đoàn ông đã tiến công tiêu diệt nhiều cứ điểm và hàng trăm tên địch, phá hủy hàng chục xe tăng, máy bay. Trong chiến dịch này, ông Ngưỡng đã diệt 20 tên Mỹ - ngụy, bắt sống hai lính Mỹ. Ông được tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng I, danh hiệu Dũng sĩ diệt Mỹ và được đi báo cáo thành tích tại Hội nghị chiến sĩ thi đua mừng công của sư đoàn.

Cuộc đời binh nghiệp của ông đầy gian lao và thử thách. Bằng tấm lòng yêu nước nồng

nàn và sự căm thù giặc sâu sắc, Nguyễn Thành Ngưỡng đã được cách mạng, quân đội sớm giác ngộ đi theo con đường cứu nước, cứu dân. Cuộc đời và những chiến công của ông đã để lại hình ảnh vô cùng đẹp đẽ cho thế hệ mai sau noi theo. Tên ông đã trở thành niềm tự hào của các thế hệ cán bộ, chiến sĩ Quân đoàn 4 hôm nay. Ông xứng danh là người con anh hùng của một Quân đoàn anh hùng.

14. Nhớ mãi tên anh

Trong những năm đánh Mỹ ác liệt, mảnh đất *“miền Đông gian lao mà anh dũng”* đã lập nên những chiến công đi vào sử sách. Ngày nay, khi nhắc đến những địa danh Bàu Bàng, Dầu Tiếng, Tam giác sắt, mọi người đều rất đỗi tự hào về một thời chiến chinh anh dũng của cha ông. Trong niềm tự hào chung đó, có một con người mà mỗi lần nhắc đến tên ông, đồng bào tỉnh Sông Bé rất quý mến và ngưỡng mộ.

Người mà chúng tôi đang kể chính là Đại tá, Anh hùng LLVTND Trần Nam Hùng, nguyên Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 1, Trung

đoàn 1, Sư đoàn 9, Quân đoàn 4 anh hùng. Ông sinh ra ở một vùng quê đầy nắng gió nhưng giàu truyền thống cách mạng, thuộc xã Lộc Hưng, Trảng Bàng, Tây Ninh. Cũng như bao thanh niên yêu nước thời đó, khi đến tuổi trưởng thành Trần Nam Hùng đã chọn cho mình con đường duy nhất là đi theo cách mạng, đánh giặc ngoại xâm. Những buổi đầu cầm súng đánh giặc, ông đã tham gia trên 30 trận ở địa phương và được cấp trên tin tưởng. Năm 1954, ông được tập kết ra miền Bắc, sau đó được dự lớp đào tạo quân sự tại trường Hoàng Phố, Trung Quốc - ngôi trường rất nổi tiếng về quân sự và cả những vai trò của nó trong các giai đoạn lịch sử.

Những năm 60 của thế kỷ trước, do thất bại trong *“chiến tranh đặc biệt”*, người Mỹ cay cú ồ ạt đưa quân sang miền Nam Việt Nam thực hiện *“chiến tranh cục bộ”* hòng tiêu diệt hoàn toàn sự kháng cự của ta. Mưu đồ của Mỹ buổi đầu đã gây cho ta không ít khó khăn. Nhưng *“vỏ quýt dày có móng tay nhọn”*, sau quá trình thực tế xem xét, Đại tướng Nguyễn Chí Thanh đã vạch ra chiến thuật *“nắm thắt*

lưng địch mà đánh”, áp dụng cho toàn quân. Có thể hiểu chiến thuật này là đánh bất ngờ, đánh giáp lá cà, đánh chia cắt vào đội hình địch... nhằm vô hiệu hóa vũ khí hiện đại tầm xa của Mỹ. Chiến thuật này ra đời đã góp phần giải được bài toán *“đánh Mỹ như thế nào?”*.

Là người con của Nam bộ *“thành đồng Tổ quốc”*, Trần Nam Hùng ngày đêm mong được về Nam chiến đấu cùng đồng bào, đồng đội. Sau khi tốt nghiệp ở trường Hoàng Phố, nguyện vọng của ông được đáp ứng. Tháng 8 - 1959, Trần Nam Hùng vượt Trường Sơn về Nam nhận chức vụ tiểu đoàn trưởng. Không lâu sau đó, người tiểu đoàn trưởng này đã vang danh trong một trận đánh tiêu diệt quân Mỹ ở Bàu Bàng.

“Hành động khác thường đạt kết quả phi thường” là câu nói có lẽ luôn được dành cho những nhà cầm quân. Trong trận Bàu Bàng, trên cương vị là tiểu đoàn trưởng, vào những giờ phút gay go nhưng Trần Nam Hùng vẫn quyết đoán đưa ra những quyết định cực kỳ táo bạo và sáng suốt, vượt ra khỏi kế hoạch chung trước

đó của chỉ huy đơn vị. Sự cao minh và phẩm chất anh hùng của những con người cầm quân là như thế. Lục trong sử sách của quân đội ta cũng sẽ thấy những con người có phẩm chất như vậy và sau này họ đều được tuyên dương anh hùng. Nổi bật nhất phải nhắc đến Thượng tướng, Anh hùng LLVTND Nguyễn Huy Hiệu. Lúc chiến dịch Quảng Trị nổ ra , ông cũng là tiểu đoàn trưởng và đã tự quyết định nổ súng trước giờ quy định của Bộ Tư lệnh. Hành động quyết đoán của ông đã mang lại một chiến thắng rất quan trọng của chiến dịch Quảng Trị. Trước lúc về hưu, Tướng Hiệu là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng. Về đường học vấn, ông là Viện sĩ, Tiến sĩ khoa học quân sự. Tóm lại, những hành động kể trên là nói về trí tuệ, bản lĩnh chớp thời cơ của những con người dũng cảm.

Sáng ngày 11 - 11 - 1965, Lữ đoàn 3 thuộc Sư đoàn bộ binh 1 (Anh cả đỏ) của Mỹ cùng 2 chi đoàn tăng thiết giáp, quân số trên 2.500 tên được hỏa lực của không quân, pháo binh yểm trợ tổ chức hành quân càn quét dọc quốc lộ 13, từ Lai Khê lên Chơn Thành. Chiều

cùng ngày, chúng nghỉ lại ở Bàu Bàng và phòng ngự rất cẩn mật. Sau khi nghe trình sát báo cáo, Sư đoàn trưởng Sư đoàn 9 lúc bấy giờ là Tướng Hoàng Cầm cùng cấp ủy quyết định đánh địch. Các phương án tác chiến nhanh chóng được vạch ra. Tiểu đoàn của Trần Nam Hùng được giao tiêu diệt cụm quân Mỹ ở sân bóng phía bắc ấp chiến lược Bàu Bàng trước khi trời sáng. Nhận nhiệm vụ xong, tiểu đoàn lập tức hành quân, vừa đi vừa phổ biến nhiệm vụ. Nhưng khi tiếp cận mục tiêu thì không thấy địch, sau đó mới biết chúng di chuyển xuống phía nam Bàu Bàng. Tình huống bất ngờ này khiến cấp ủy tiểu đoàn định tổ chức họp thảo luận vì lúc này sự liên lạc với chỉ huy sư đoàn đều không được. Song, Trần Nam Hùng nêu ý kiến với đồng chí chính trị viên: họp sẽ không kịp. Tôi là Tiểu đoàn trưởng, Phó Bí thư Đảng ủy, anh là Bí thư Đảng ủy tiểu đoàn cùng nhau quyết định, hạ quyết tâm tiến sang phía nam Bàu Bàng tìm địch mà đánh. Lại một tình huống ngoài dự kiến nữa xảy ra. Khi đơn vị của ông tiến tới tiếp cận quân địch ở phía nam thì được tin các đơn vị chủ công ở đây đã về vị trí tập

kết, không liên lạc được. Trời sắp sáng, tình hình rất nguy hiểm, nếu không nổ súng, trời sáng địch phát hiện thì nguy. Và rồi tiếng súng đã nổ, rền vang cả một vùng trời rừng miền Đông. Ngay loạt đạn đầu tiên, Tiểu đoàn 1 đã bắn cháy những xe tăng địch ở tiền duyên. Quân Mỹ phản kích rất quyết liệt, có trường hợp chúng sử dụng xe tăng đâm thẳng vào đội hình ta. Quân ta chiến đấu rất dũng cảm, áp thật sát địch dùng cả bộc phá, lựu đạn tiêu diệt từng chiếc xe tăng, đồng thời lúc này quân ta đưa 2 tiểu đoàn tới chi viện thêm, mãnh liệt tấn công vào địch. Vào 8 giờ sáng, Trần Nam Hùng ra lệnh cho một trung đội thọc sâu vào chỉ huy lữ đoàn và trận địa pháo của địch. Bị đánh trúng chỉ huy sở, mất thông tin liên lạc nên quân địch hoàn toàn tan rã. Kết quả trận Bàu Bàng, quân Mỹ ở đây bị ta tiêu diệt hơn 2.000 tên và nhiều phương tiện chiến tranh bị phá hủy.

Đây là trận đầu tiên trên chiến trường Nam bộ, ta tiêu diệt quân Mỹ cấp lữ đoàn. Chiến thắng này đã giải quyết cơ bản nỗi băn khoăn của bộ đội ta lúc bấy giờ về phương

thức tác chiến với quân Mỹ, tiếp tục hoàn thiện và củng cố chiến thuật chiến đấu đầy hiệu quả là *“nắm thắt lưng địch mà đánh”*. Sau chiến thắng này, Tiểu đoàn trưởng Trần Nam Hùng được tặng thưởng Huân chương Chiến công giải phóng hạng Nhất.

Người anh hùng đất Trảng Bàng, Tây Ninh nay đã nghỉ hưu sống đoàn viên cùng con cháu tại TP.Hồ Chí Minh, nhưng nhắc đến tên ông, nhiều người dân ở Bình Dương rất biết ơn và quý mến, bởi chính ông và đồng đội trong chiến tranh đã góp phần làm rạn rỡ thêm truyền thống oanh liệt của vùng đất anh dũng này.

15. Uy dũng Tiểu đoàn 5

Ra đời trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Tiểu đoàn 5 (Trung đoàn 2, Sư đoàn 9, Quân đoàn 4) đã tham gia nhiều chiến dịch với hàng trăm trận đánh lớn, nhỏ lập nên những chiến công chói lọi đi vào sử sách. Với những chiến công và thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam và làm nghĩa vụ quốc tế ở Campuchia, Tiểu đoàn 5 đã được tuyên dương

danh hiệu anh hùng LLVTND.

Trong những năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước, những sư đoàn chủ lực ở miền Nam (trong đó có Sư đoàn 9 - nay thuộc Quân đoàn 4) ra đời đã kịp thời cổ vũ và làm nòng cốt phong trào *"Tìm Mỹ mà đánh, tìm ngụy mà diệt"*. Những chiến thắng liên tiếp trên các chiến trường từ Núi Thành đến Vạn Tường, Bàu Bàng, Dầu Tiếng, Phước Long... và chiến công vang dội đập tan hai cuộc tiến công chiến lược mùa khô 1965 - 1966, 1966 - 1967 của Mỹ ở miền Nam đã làm cho khí thế đánh Mỹ, diệt ngụy của quân, dân miền Nam dâng cao. Trong đó, Tiểu đoàn 5 - Trung đoàn 2 - Sư đoàn 9 là một trong những đơn vị đã trực tiếp tham gia nhiều chiến dịch ở chiến trường miền Đông như tiêu diệt đồn Cây Trường (nay thuộc huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương), chiến dịch Phước Long - Đồng Xoài, đặc biệt là chiến thắng vang dội trong chiến dịch Đường 14 - Phước Long vào đầu năm 1975.

Ngày 18 - 10 - 1963, Tiểu đoàn 5 - Trung đoàn 2 được tăng cường một đại đội đặc công

của trung đoàn tiến công đồn Cây Trường trong “ấp chiến lược” thuộc xã Long Nguyên, huyện Bến Cát, tỉnh Thủ Dầu Một, (nay thuộc huyện Bàu Bàng tỉnh Bình Dương). Đồn Cây Trường là một đồn lớn nằm sâu trong vùng giải phóng của ta nên địch cho một đại đội bảo an đóng giữ và thiết lập hệ thống công sự, hỏa điểm, hầm ngầm, hàng rào kẽm gai để bảo vệ khá chắc chắn. Từ đồn Cây Trường, lính địch thường bung ra ngăn chặn ta hoạt động, hỗ trợ bọn dân vệ, ác ôn kìm kẹp dân trong “ấp chiến lược” và phối hợp với quân chính quy trong các đợt càn quét. Trước tình hình đó, được nhân dân địa phương tham gia hỗ trợ, cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 5 đã anh dũng vượt qua các lớp rào, bờ tường tiến công tiêu diệt và làm chủ toàn bộ đồn Cây Trường. Trong trận đánh này nổi lên gương chiến đấu vô cùng anh dũng của Tiểu đội trưởng đặc công Trừ Văn Thố lấy thân mình lấp lỗ châu mai dập tắt hỏa điểm của địch, tạo điều kiện cho đồng đội xông lên tiêu diệt địch giành thắng lợi. Sự hy sinh của người tiểu đội trưởng quả cảm Trừ Văn Thố đã khiến nhân dân và bộ đội trên khắp chiến trường

miền Đông Nam bộ khâm phục.

Sau khi giành thắng lợi, tiêu diệt đồn Cây Trường, Tiểu đoàn 5 tiếp tục tham gia đánh tan cuộc hành quân lớn của Mỹ - ngụy mang tên *"Chiến dịch Đại Phong 35"*. Đây là chiến dịch do tiểu đoàn biệt động quân 32 *"Cọp đen"* có cố vấn Mỹ chỉ huy tiến hành càn quét khu vực Bắc Bến Cát. Trong trận đánh này, Tiểu đoàn 5 được giao nhiệm vụ đánh ngăn chặn địch ở chính diện. Với tinh thần chiến đấu ngoan cường, Tiểu đoàn 5 và cán bộ chiến sĩ các đơn vị của Trung đoàn 2 đã tiến công tiêu diệt gọn tiểu đoàn biệt động quân 32 thuộc Sư đoàn 5 ngụy. Đây là trận đánh vận động tập kích đầu tiên trên chiến trường miền Nam đạt hiệu suất cao, gây thiệt hại lớn và làm cho địch hoang mang lo sợ, góp phần làm thất bại hoàn toàn *"Chiến dịch Đại Phong 35"* của địch.

Mùa hè năm 1965, trong không khí sôi sục quyết đánh, quyết thắng giặc Mỹ xâm lược của quân và dân cả nước, các Trung đoàn 1, 2, 3 và Đoàn pháo binh 80 lại lên đường đi chiến dịch. Quyết tâm của Quân ủy - Bộ Tư lệnh Miền

trong chiến dịch này là tiêu diệt một bộ phận quan trọng, quân chủ lực nguy, đẩy mạnh chiến tranh du kích, hỗ trợ quần chúng phá “*ấp chiến lược*”, mở rộng vùng giải phóng, nối liền các căn cứ của Miền với Nam Tây nguyên, tạo điều kiện mở đường vận tải chiến lược từ miền Bắc vào đến miền Đông Nam bộ. Địa bàn mở chiến dịch khi đó là hai tỉnh Bình Long, Phước Long (hướng chính) và các tỉnh Lâm Đồng, Bình Thuận, Bà Rịa, Long Khánh, Biên Hòa. Chiến dịch mang tên Sông Bé - Phước Long (còn gọi là chiến dịch Đồng Xoài) bắt đầu từ đêm 10, rạng ngày 11 - 5 - 1965. Ở hướng chính, Tiểu đoàn 5 phối hợp với Tiểu đoàn 840 chủ lực Quân khu 6, được tăng cường một trung đội đặc công, 6 khẩu D9KZ75, 3 khẩu 12,7mm, thực hành tiến công thị xã Phước Long. Sau khi chiếm được một số mục tiêu trong thị xã, bộ đội ta trụ lại, đánh lui 6 đợt phản công của địch, diệt hai đại đội thuộc Tiểu đoàn 36 biệt động nguy, bắn rơi 13 máy bay. Tiểu đoàn 5 còn tiến công chi khu quân sự Phước Bình, cách thị xã Phước Long 6km. Do chuẩn bị chu đáo về công tác bảo đảm như trinh sát điều tra địa hình, thuốc nổ, lương

thực, thuốc quân y... nên sau 25 phút chiến đấu, Tiểu đoàn 5 đã làm chủ chi khu Phước Bình, loại khỏi vòng chiến đấu 140 tên địch, bắt sống 105 tên, thu 221 khẩu súng và nhiều đạn, đồ dùng quân sự. Ở trận này có 3 chiến sĩ Tiểu đoàn 5 bị thương nhẹ.

Trong giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến chống Mỹ, Tiểu đoàn 5 cùng với các đơn vị của Trung đoàn 2, Sư đoàn 9, Quân đoàn 4 đã tham gia nhiều chiến dịch lớn nhỏ, đặc biệt là chiến dịch Đường 14 - Phước Long đầu năm 1975. Ở chiến dịch này, Tiểu đoàn 5 là đơn vị thọc sâu, táo bạo cắm cờ trên dinh tỉnh trưởng, góp phần làm nên bản hùng ca Phước Long. Với chiến thắng đường 14 - Phước Long, lần đầu tiên ở miền Nam và trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước ta giải phóng hoàn toàn một tỉnh ở cửa ngõ Sài Gòn, một địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng. Cùng với lực lượng vũ trang trên chiến trường, cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 5, Trung đoàn 2, Sư đoàn 9 bước vào mùa Xuân 1975 với *"Khí thế như Mậu Thân - Quyết tâm vượt năm 1972 - Diệt gọn như Đồng Xoài - Dầu Tiếng, Hoa Lư - Kiên quyết,*

triệt để, liên tục, dài ngày hơn đường 7”.

16. Người anh hùng xứ Thanh

Thanh Hóa - vùng đất địa linh nhân kiệt luôn để lại ấn tượng sâu sắc trong những lần chúng tôi ghé qua. Cầu Hàm Rồng bắc qua sông Mã là biểu tượng về một thời vinh quang, anh dũng của dân tộc. Xa xa là bãi biển Sầm Sơn rất đẹp, nơi có *“bến cảng nghĩa tình”* đón đồng bào miền Nam tập kết ra Bắc năm 1954. Và, ở những vùng quê miền trung du, chiêm trũng, đâu đâu cũng có những tấm gương kiên cường, lẫm liệt, biết quên mình cho Tổ quốc...

Đất linh sinh anh kiệt, anh chính là liệt sĩ, anh hùng LLVTND Trần Quang Đắp, nguyên Trung đội phó, Đại đội 21 Trinh sát, Trung đoàn 165, Sư đoàn 7, Quân đoàn 4. Thành tích đánh giặc của liệt sĩ Trần Quang Đắp rất hiển hách như sau:

Sáng ngày 21 - 11 - 1967, Trần Quang Đắp cùng một số đồng đội dẫn đoàn cán bộ 20 người đi điều tra, nghiên cứu địa hình chiến trường. Đoàn đi đến làng 5, huyện Hớn Quản, tỉnh Sông Bé cũ, thì gặp 2 đại đội Mỹ - ngụy đi càn. Sau một hồi chiến đấu không cân sức, để

bảo vệ đoàn cán bộ, Trần Quang Đắp đã dũng cảm một mình nổ súng đánh lạc hướng nhằm thu hút quân địch về phía mình, tạo điều kiện cho đoàn cán bộ rút an toàn. Ngay từ khi nghe tiếng súng nổ, nhân dân trong làng đã ẩn nấp để quan sát nên chứng kiến toàn bộ trận đánh và sự việc xảy ra sau đó. Trần Quang Đắp bị thương ở chân nhưng vẫn đánh địch ngoan cường. Khi súng hết đạn, anh đập gãy súng để vũ khí không lọt vào tay địch. Địch xông lên, anh dùng lựu đạn diệt tiếp 10 tên và chưa kịp tự sát thì bị địch bắt. Chúng trói anh lại, đánh đập dã man nhưng anh kiên quyết không khai một lời nào. Một tên địch đâm lưỡi lê vào sườn anh, anh trừng mắt: *"Tao là quân giải phóng, tao không biết khai, chỉ biết đánh Mỹ thôi"*. Không khuất phục được khí tiết của người cộng sản, địch hèn hạ sát hại anh rất dã man trước sự đau lòng chứng kiến của bà con nhân dân. 3 ngày sau, bà con trong làng thấy quân địch không còn phục kích nữa, nên đã làm thủ tục chôn cất anh tại làng. Từ đó cho đến nay, tấm gương hy sinh anh dũng của người con xứ Thanh luôn sống trong ký ức hào hùng của

người dân nơi đây.

17..“Dịch giả” chiến trường

Trong lịch sử chiến tranh hiện đại, lực lượng trinh sát kỹ thuật (TSKT) có một vai trò rất quan trọng. Nhiệm vụ của *“binh chủng”* này không phải cầm súng trực tiếp chiến đấu với kẻ thù mà là âm thầm theo dõi địch qua hệ thống điện đài, mạng không lưu, vô tuyến điện... từ đó mã khóa thông tin, dịch những bức điện mật của địch để nắm địch. Họ là những người lính rất thông minh, được mọi người gọi vui là *“dịch giả”* chiến trường. Chúng tôi đang kể về anh hùng LLVTND Trần Công Lập, nguyên Đội trưởng Đội trinh sát kỹ thuật Sư đoàn 9, Quân đoàn 4 - một *“dịch giả”* nổi tiếng thời chiến tranh...

Nói đến chiến công của trinh sát kỹ thuật phải kể đến tài nghi binh của lực lượng này trong chiến dịch Tây Nguyên, giải phóng Buôn Ma Thuột ngày 10 - 3 - 1975. Có thể nói, trước lúc chiến dịch đánh vào Buôn Ma Thuột diễn ra, ta đã có một *“chiến dịch”* nghi binh bằng thực địa và chủ yếu là trên điện đài. Thời điểm này, địch liên tục *“thu”* được các thông

tin của quân ta qua điện đài, khiến chúng hí hửng cho rằng đã biết hết, đã nắm chắc quân ta sẽ đánh vào Pleiku và Kon Tum nên chúng sơ hở phòng thủ Buôn Ma Thuột. Thực ra, những thông tin mà địch nỗ lực thu được đều là tin giả. Đó là sản phẩm do đơn vị trinh sát kỹ thuật của ta cố tình “*cung cấp*” cho chúng nhằm nghi binh. Sự khéo léo, phối hợp nhịp nhàng của trinh sát kỹ thuật đã làm cho địch tin sai cổ. Thậm chí, cho đến lúc Sư đoàn 10 của ta đánh chiếm quận lỵ Đức Lập và tuyến phòng thủ liên hoàn phía Tây Nam Buôn Ma Thuột, địch vẫn không hề biết ý đồ chiến lược của ta. Còn tướng Phạm Văn Phú, Tư lệnh vùng 2 chiến thuật ngụy lúc này vẫn nhận định: “*Cộng sản đánh Quảng Đức, uy hiếp Buôn Ma Thuột chỉ để nghi binh tạo điều kiện cho vài ngày tới tập trung lực lượng đánh vào Kon Tum, Pleiku*”.

Không chỉ giỏi nghi binh lừa địch, trinh sát kỹ thuật của ta cũng rất tài tình trong thủ thuật thu sóng, giải mã, dịch những bức điện mật của chúng và thành tích nổi bật này gắn liền với người anh hùng Trần Công Lập. Anh Lập sinh ra và lớn lên tại xã Bình Mỹ, huyện Hóc Môn,

TP.HCM, quê hương của 18 thôn vườn trầu nổi tiếng - một địa chỉ đỏ trong những năm đầu của *cách mạng Việt Nam*. Kế thừa truyền thống bất khuất của cha ông, mới 14 tuổi anh Lập đã đi theo cách mạng ở địa phương. Hòa bình lập lại, anh được tập kết ra Bắc học tập, sau đó lại trở về Nam chiến đấu. Là người thông minh bẩm sinh, lại được quân đội đào tạo kỹ càng nên anh Lập đã sớm có những chiến công trong chiến đấu và đậm nét nhất là thời kỳ anh làm nhiệm vụ trinh sát kỹ thuật.

Sau chiến thắng đợt 1 chiến dịch Bình Giã của Sư đoàn 9, toàn đơn vị đang củng cố lực lượng đánh địch lần 2, vào ngày 27 - 12 - 1964, Trần Công Lập đã theo dõi "*thám báo và mở khóa mật mã*" dịch bức điện của địch có nội dung: Sẽ cho Tiểu đoàn 33 biệt động quân nguy đồ bộ tiếp viện chiến trường vào ngày 28 - 12 - 1964. Thông tin mật quan trọng này lập tức được anh báo cáo cấp trên. Căn cứ vào điện báo của địch, ta đã phán đoán chính xác hành động của chúng, tập trung hỏa lực khống chế buộc địch phải đổ bộ xuống khu vực ta đang đợi sẵn. Kết quả, ta đã tiêu diệt sạch Tiểu

đoàn 33 biệt động quân ngụy, bắn rơi 19 máy bay, trong đó có 1 trực thăng chở 4 cố vấn Mỹ.

Bình Giã là chiến dịch tấn công đầu tiên của quân ta trong cuộc chiến chống Mỹ. Là chiến dịch đầu nhưng mang tính quyết định, làm thất bại chiến lược *“chiến tranh đặc biệt”* của Mỹ. Dư luận quốc tế thời điểm đó đều thốt lên rằng: *“Trận Điện Biên Phủ thứ hai phải chăng đã bắt đầu từ Bình Giã”*, *“Chiến thắng Bình Giã là một trận Điện Biên Phủ thu nhỏ của quân giải phóng”*. Công lao của anh hùng Trần Công Lập trong chiến dịch này là rất lớn. Nếu viết ra thì chỉ vài dòng là đủ, nhưng chính thông tin mà anh thu, mã hóa và dịch được của địch có sức mạnh bằng cả một đội quân chiến đấu trên mặt trận. Sau này, anh tiếp tục làm nên những chiến công rất lớn ở các chiến dịch Đồng Xoài, Bàu Bàng. Với bộ óc thông minh, biết phân tích, phán đoán anh Lập đã dịch chính xác hàng ngàn điện mật của địch góp công rất lớn cho bộ đội trực tiếp đánh giặc.

Đại tá Trần Công Lập nay đã nghỉ hưu sống tại TP.HCM. Hơn 10 năm đánh Mỹ, có lẽ

ký ỨC về một lần ông kịp thời cứu đồng đội tại khu vực Suối Dây (Tây Ninh) làm ông nhớ mãi. Ông kể rằng: Vào lúc 5 giờ 45 phút ngày 6 - 10 - 1969, Đội trinh sát kỹ thuật của ông mã hóa, dịch và suy đoán được máy bay B52 Mỹ sẽ đánh vào khu vực sở chỉ huy Sư đoàn 9 vào lúc 6 giờ. Ông lập tức báo về chỉ huy và đề xuất phương án tránh B52. Sau khi nhận được tin trên, chỉ huy sư đoàn liền giao đồng chí liên lạc chạy bộ đến thông báo cho đội phẫu thuật và trạm thương binh được biết. Thấy đồng chí liên lạc chần chừ vì đường xa, ông Lập xin làm thay nhiệm vụ vì nếu chậm trễ, các đơn vị hậu cần, đội phẫu thuật, thương binh sẽ bị bom đánh chết. Thời gian lúc này chỉ còn 10 phút, chạy đi thì kịp nhưng không kịp về nhưng ông Lập vẫn quyết tâm. Khi gần đến nơi ông vừa chạy vừa hô to để các thương binh còn nằm, ngồi trên mặt đất nhanh chóng xuống hầm trú ẩn. Cảnh báo xong, ông tức tốc chạy về, khi còn khoảng 30m nữa là đến hầm sở chỉ huy thì bom nổ rung trời, bụi bay mù mịt, một cành cây rơi trúng đầu làm ông bất tỉnh. Hết loạt bom thứ nhất, ông tỉnh lại và được đồng đội phát hiện

dù xuống hầm. Vừa đến miệng hầm, loạt bom thứ hai nổ vang và một mảnh gỗ lại bay vào đầu khiến ông bất tỉnh lần hai.

Hành động dũng cảm, không sợ hy sinh của Trần Công Lập đã kịp thời cứu hàng trăm cán bộ, chiến sĩ, thương binh và sở chỉ huy Sư đoàn 9 được an toàn trước các đợt oanh tạc của bom B52 Mỹ. Quả thật không biết hậu quả sẽ khốc liệt thế nào nếu như hôm đó không nhờ sự phát hiện kịp thời của người chiến sĩ trinh sát kỹ thuật tài năng Trần Công Lập và lòng dũng cảm quên mình cứu đồng đội của ông. Đó là những hành động anh hùng của con người anh hùng.

Kiến Giang - Đình Hậu/*Theo báo Bình Dương*

HỒI ỨC CỦA NGƯỜI LÍNH QUA 3 CUỘC CHIẾN

Năm tháng dần trôi qua, nhưng hồi ức về trận Xuân Lộc và cuộc chiến bảo vệ biên giới Tây Nam, biên giới phía Bắc dường như vẫn còn vẹn nguyên với cựu chiến binh Đàm Xuân Đê (SN 1954). Tất cả kỷ ức về quãng thời gian hào hùng đó luôn được ông trân trọng, lưu giữ.

Kỷ ức trận chiến Xuân Lộc

Theo lời giới thiệu của ông Trần Đình Thoanh, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh (CCB) huyện Quảng Trạch, chúng tôi tìm về thôn Trung Châu, xã Quảng Châu gặp Cựu chiến binh Đàm Xuân Đê. Sau gần 13 năm xông pha, chinh chiến trận mạc và 16 năm kinh qua các chức vụ Bí thư chi bộ thôn Trung Minh, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh xã Quảng Châu, đến hôm nay, khi bước qua tuổi 67, ông Đàm Xuân Đê trở về

gắn bó với ruộng nương, khoai sắn. Khi được hỏi về những ngày tháng lửa đạn, lật lại ký ức, ông bồi hồi kể, năm 1971, học xong lớp 7 cũng là lúc ông bước qua tuổi 17.

Thời điểm đó, quê ông ngày đêm bị máy bay Mỹ càn quét, bắn phá. Lớn lên trong cảnh bom rơi, đạn lạc và ngủ hầm, nỗi căm thù quân xâm lược ngày càng lớn trong ông. Mong muốn được cầm súng đánh đuổi quân thù đã thúc giục ông viết đơn tình nguyện lên đường nhập ngũ. Thế nhưng, nhiều lần đi khám sức khỏe, do vóc người quá nhỏ, ông không trúng tuyển đi bộ đội chủ lực. Mãi đến năm 1974, sau khi tham gia vào Tiểu đoàn D53, Tỉnh đội, ông được chuyển quân sang Trung đoàn 270, Sư đoàn 341. Cuối năm 1974, khi đang đóng quân ở Thác Cóc (xã Trường Thủy, Lệ Thủy hiện nay), Sư đoàn 341 của ông nhận được lệnh đi B.

Ông xúc động kể lại, trước lúc lên đường hành quân, Sư đoàn 341 được đồng chí Lê Đức Thọ, lúc đó là Trưởng ban Tổ chức Trung ương đến thăm và động viên tinh thần: *“Chúc các đồng chí đi lâu, đi sâu, đi khi nào*

thống nhất Bắc - Nam mới về". Đơn vị ông hành quân đến vùng Tây Ninh, Bình Phước ròng rã suốt 2 tháng trời.

Khi vào đến Bình Phước, tháng 4 - 1975, Trung đoàn 270 của ông được giao đánh chặn vòng ngoài ở Xuân Lộc (Đồng Nai). Xuân Lộc được nhận định là khu vực phòng thủ quan trọng ở cửa ngõ Sài Gòn. Nếu đánh thắng được cửa ngõ Xuân Lộc, quân ta sẽ giành được Sài Gòn. Hơn 12 ngày đêm, ông cùng đồng đội chiến đấu quyết liệt giành từng tấc đất, căn nhà.

Với khí thế tấn công dồn dập từ nhiều mũi của bộ đội ta, đến ngày 27 - 4, Xuân Lộc được giải phóng. Ông tự hào nhớ lại: *"Đánh trận Xuân Lộc thành công, đơn vị ông tiếp tục nhận lệnh nổ súng, tấn công Trảng Bom - Hồ Nai. Khi quân ta tiến quân vào, quân địch hoảng sợ tháo chạy. Chúng cởi bỏ và vứt quần áo, súng đạn la liệt ở các xa lộ Biên Hòa vào Sài Gòn. Đúng 11h, ngày 30 - 4, Sư đoàn 341 tiếp quản sân bay Biên Hòa.*

Cùng lúc, tôi và đồng đội nghe tin chính

quyền ngụy tuyên bố đầu hàng. Tôi vui mừng, sung sướng vô cùng. Sài Gòn giải phóng, đi đến đâu, chúng tôi cũng thấy cảnh người dân đứng hai bên đường vẫy tay chào rồi tặng chúng tôi nhiều món quà”.

Đất nước thống nhất, nhưng nhiệm vụ của ông và Sư đoàn 341 vẫn chưa dừng lại. Thời điểm Sài Gòn giải phóng, chính quyền cấp phường, quận chưa có cán bộ nên đơn vị ông tiếp tục được lệnh vào làm quân quản Sài Gòn, đồng thời tuyên truyền, vận động lính ngụy đi cải tạo.

... Và những cuộc chiến bảo vệ biên giới Tổ quốc

Kết thúc nhiệm vụ giải phóng Sài Gòn, tháng 4 - 1977, ông vinh dự được đơn vị cử đi học Trường Sĩ quan lục quân 2. Sau khi học xong, tháng 11 - 1978, ông được lệnh chuyển qua Quân đoàn 3, chiến đấu vùng biên giới Tây Ninh - Campuchia để ngăn chặn quân Pon Pot. Khi chiến đấu ở tỉnh Kampong Cham, ông trúng đạn và bị thương ở đầu gối buộc phải chuyển về Tây Ninh điều trị.

Tháng 4 - 1979, khi đang chiến đấu ở

chiến trường C, ông nhận lệnh chuyển quân để tham gia biên giới phía Bắc. Tháng 8 - 1979, ông được nhận chức vụ Tham mưu trưởng, Tiểu đoàn 4, Trung đoàn 529, Sư đoàn 311, Quân đoàn 26. *“Địa hình nơi đây chủ yếu núi đá vôi rất cheo leo và hiểm trở. Nhiều chốt ở trên lèn cao buộc các chiến sĩ phải gùi gạo, gùi súng đi hàng trăm bậc đá mới đến nơi. Thời tiết thì lạnh vô cùng.”*, ông Đê xúc động kể lại. Quá trình chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc của ông trải qua hơn 10 năm. Sau khi biên giới sạch bóng quân thù, năm 1989, ông trở về quê với quân hàm thiếu tá.

Trong ngôi nhà cấp 4, tài sản mà ông Đàm Xuân Đê vẫn ngày ngày nâng niu và quý trọng là những tấm huân chương, huy chương mà Đảng, Nhà nước trao tặng cho ông. Ông tâm sự rằng, mong muốn của ông lúc này là được một lần nữa đến thăm những chiến trường xưa, nơi ông và đồng đội mình đã dành một phần tuổi trẻ cho đất nước, cho chặng đường thống nhất, bảo vệ non sông.

Đoàn Nguyệt/QB

HỒI ỨC MÙA XUÂN RA TRẬN CỦA NGƯỜI LÍNH ĐẶC CÔNG

Mỗi lần về đất Cảng, tôi lại ngồi với anh một lúc, kể những câu chuyện đời lính và hiểu thêm về người chiến sĩ đặc công hải quân này.

Tôi biết Trung tá Đào Mạnh Hồng vào năm 2009, khi anh vừa bàn giao chức Phó chủ tịch Hội cựu chiến binh quận Lê Chân để nhận cương vị Phó ban Tổ chức Hội cựu chiến binh TP Hải Phòng. Từ đó, mỗi lần về đất Cảng, tôi lại ngồi với anh một lúc, kể những câu chuyện đời lính và hiểu thêm về người chiến sĩ đặc công hải quân này. Anh đã có bốn mùa xuân ra trận.

Đào Mạnh Hồng sinh năm 1952, ở xã Cổ Am, huyện Tiên Lãng, Thành phố Hải Phòng. Vùng đất khoa bảng được bồi đắp bởi hai con

sông Thái Bình và sông Hóa, từ xa xưa nổi tiếng với câu "*Đông Cổ Am, Nam Hành Thiện*" đã nuôi dưỡng anh khôn lớn. Tháng 8 - 1970, khi vừa tròn 18 tuổi, Đào Mạnh Hồng nhập ngũ vào Đoàn 126 đặc công Hải quân.

Mùa xuân thứ nhất là tháng 3 - 1971, anh cùng đơn vị đi chiến đấu trên chiến trường Quảng Trị. Là lính trinh sát, anh ra vào thường xuyên trên các bãi mìn, rào thép gai, trong hệ thống hàng rào điện tử Mắc - na - ma - ra, để chuẩn bị cho đơn vị đánh phá nhiều mục tiêu cầu cống, kho tàng, bến bãi quân sự của địch. Anh kể: Trung tuần tháng 10 - 1972, đơn vị tôi nhận lệnh đánh cầu Vân Trình. Đây là một mục tiêu quan trọng nằm trên quốc lộ số 1, nối Thừa Thiên Huế với Quảng Trị; mỗi ngày có hàng trăm lượt xe cơ giới, vận tải quân sự chở quân và phương tiện chiến tranh ra chi viện cho chiến dịch "*Tái chiếm Quảng Trị*" của Mỹ, ngụy. Cầu Vân Trình ngày ấy dài 150m, rộng 15m, có 18 nhịp và 17 trụ chính, trụ tạm. Cầu có vị trí nằm sâu trong tuyến phòng ngự của địch, lại trên tuyến giao thông chính nên được bảo vệ cẩn mật: một trung đội ngụy canh

gác cả ngày và đêm; khu vực cầu có 5 hàng rào các loại bao quanh.

Sau nhiều lần trinh sát, chúng tôi chuẩn bị một lượng thuốc nổ 150kg chia làm nhiều gói đặt ở những nơi hiểm yếu để tạo ra lực cộng hưởng lớn. Tối 27 - 10, lợi dụng trời mưa to, nước dâng lên ngập cả bờ bãi, tổ đặc công chúng tôi bí mật thả trôi xuống chân cầu. Khi lớp hàng rào cuối cùng được khắc phục, đồng chí Quý - Phân đội phó lệnh cho nhóm đánh cầu thứ nhất của đồng chí Lượm buộc bộc phá vào trụ cầu chính ở phía nam. Còn anh và nhóm đánh cầu thứ hai cố định bộc phá vào trụ cầu phía bắc. Sau đó chúng tôi bơi ngược dòng thoát ra ngoài. Khi cả tổ đang trên đường về hậu cứ thì nhiều tiếng nổ lớn phát ra từ cầu Vân Trình. Đánh sập cầu, cắt đường giao thông của địch, chúng tôi góp phần vào chiến thắng Quảng Trị năm 1972.

Mùa xuân năm 1975 là mùa xuân thứ hai, Đào Mạnh Hồng giữ cương vị Phân đội trưởng Phân đội đặc công số 1, Đoàn 126 đặc công. Trong lúc quân và dân ta trên khắp chiến

trường đang tập trung toàn lực cho tổng tiến công và nổi dậy, thì ngày 23 - 3 - 1975, Phân đội 1 của anh nhận lệnh ra giải phóng Trường Sa. Chỉ ba ngày sau, đơn vị anh từ Hải Phòng có mặt tại Đà Nẵng. Đêm 10 - 4, từ cảng Tiên Sa, 3 chiếc tàu nhỏ neo ra khơi. Tàu không lớn, trên mặt boong chỉ có vài người đi lại như ngư dân đánh cá. Đó là các tàu 673, 674 và 675 của Đoàn Vận tải 125 Hải quân, những con tàu "không số" nổi tiếng của "Đường Hồ Chí Minh trên biển". Trong bụng những con tàu ấy chứa gần 300 cán bộ, chiến sĩ, do đồng chí Mai Năng, Anh hùng LLVTND chỉ huy đi làm nhiệm vụ.

Đào Mạnh Hồng tâm sự: "*Chúng tôi giấu quân trong những khoang kín, chỉ nghe tiếng sóng ào ạt, tàu trời lên thụt xuống nên ai cũng bị say sóng, lại thiếu không khí, nên mệt lử*". Sau hai ngày hải trình "*thần tốc*", ngày 12 - 4, ba con tàu đến vùng biển đảo Song Tử Tây. Bắt đầu trinh sát vòng ngoài quanh đảo, chúng tôi xác định vị trí đổ bộ tiến công, lường trước những khó khăn, thuận lợi và yếu tố bí mật bất ngờ. Một giờ sáng ngày 13 - 4, quân ta đưa tàu vào cách đảo 3 hải lý, rồi quyết định đổ bộ lên

đảo từ hướng tây nam, nơi có bãi cát phẳng và dãy đá san hô. Nhận được lệnh chiến đấu, tàu 673 quay mũi về hướng bắc để giữ bí mật, chọn chiều gió, hướng sóng thuận lợi cho đổ bộ. Tàu 674 và tàu 675 ở phía tây và bắc đảo tiếp ứng và sẵn sàng đánh chặn tàu địch từ phía ngoài. 38 cán bộ, chiến sĩ Phân đội 1 bí mật đổ bộ vào sát mép đảo, tiếp cận các mục tiêu rồi nổ súng. Bị đánh bất ngờ, địch chống trả quyết liệt, đại liên từ các lô cốt chúng bắn ra như mưa khiến ta phải sử dụng hỏa lực B40, B41 tiêu diệt. Quân ta nhanh chóng đánh chiếm sở chỉ huy, khu thông tin, kết hợp gọi hàng. Sau 30 phút chiến đấu, ta làm chủ hoàn toàn đảo Song Tử Tây. Đào Mạnh Hồng khẳng định *"Đây là trận chiến đấu thứ 15 của tôi, khi ấy tôi vừa 23 tuổi"*.

Mùa xuân thứ ba vào tháng 2 - 1979, là Cục trưởng Cục 2, quân tình nguyện Việt Nam tại Campuchia, anh chỉ huy đơn vị giải phóng cảng Công Pông Xom, rồi giúp bạn củng cố chính quyền cơ sở, ổn định cuộc sống cho nhân dân. Mùa xuân thứ tư năm 1980, các anh được trở ra quê hương Hải Phòng, làm nhiệm

vụ đặc biệt bảo vệ biên giới phía Bắc. Riêng Đào Mạnh Hồng có bốn lần ra vào cảng của đối phương để trinh sát nắm tình hình...

Nghỉ hưu năm 1993 nhưng Đào Mạnh Hồng chưa bao giờ nghỉ việc. Vì anh có hai nhiệm kỳ làm Chủ tịch Hội cựu chiến binh phường Lạc Viên và Phó chủ tịch Hội cựu chiến binh quận Lê Chân; nay anh là Phó ban Tổ chức kiêm Phó ban Kiểm tra Hội cựu chiến binh TP. Hải Phòng. Ở cương vị nào anh cũng hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Theo cuuchienbinh.vn/VOV2

TIÊU DIỆT HANG Ồ CUỐI CÙNG CỦA ĐỊCH, GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN TỈNH KON TUM

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 của quân và dân tỉnh Kon Tum mang ý nghĩa vô cùng quan trọng, đã đập tan sào huyệt cuối cùng của Mỹ - ngụy ở Bắc Tây Nguyên, giải phóng hoàn toàn tỉnh Kon Tum, đem lại hòa bình, độc lập, tự do cho nhân dân các dân tộc; góp phần cùng với cả nước làm nên chiến thắng lịch sử mùa Xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Vào cuối năm 1974, tình hình trong nước và quốc tế có những thay đổi quan trọng tác động trực tiếp đến quá trình chỉ đạo cách mạng Việt Nam. Những thắng lợi của quân và dân ta trong cuộc đấu tranh chống "Việt Nam hóa chiến tranh" đã làm thay đổi cục diện chiến

trường ngày càng có lợi cho ta. Quân nguy ngày càng suy yếu rõ rệt, Mỹ đang khủng hoảng nội bộ nghiêm trọng.

Trước tình hình đó, Bộ Chính trị họp tháng 10 - 1974, sau khi phân tích tình hình và nhận định thời cơ chiến lược mới, thống nhất quyết tâm chiến lược và thông qua kế hoạch giải phóng miền Nam trong 2 năm 1975 - 1976. Bộ Chính trị chọn Tây Nguyên một địa bàn chiến lược hết sức quan trọng, là hướng tấn công chủ yếu trong cuộc tấn công rộng lớn năm 1975.

Thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị, cũng trong tháng 10 - 1974, Khu ủy V, Bộ Tư lệnh Khu V, Đảng ủy Mặt trận Tây Nguyên khẩn trương triển khai kế hoạch mùa khô năm 1975, nhằm mục tiêu theo các yêu cầu: Tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, đánh bại về cơ bản âm mưu "bình định" của địch, giải phóng đại bộ phận nông thôn, giải phóng hoàn toàn một số địa bàn quan trọng, quyết tâm giành thắng lợi lớn, chuẩn bị phương án và kế hoạch phát triển giành thắng lợi vượt bậc khi có thời cơ, chống tư tưởng chần chừ, rụt rè.

Tích cực chuẩn bị về tư tưởng và lực lượng để đánh thắng trận đầu.

Tư tưởng chỉ đạo và ý chí quyết tâm giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà của Bộ Chính trị lúc này như cơn lốc mới, tiếp sức cho toàn chiến trường miền Nam quyết đánh và quyết thắng trong trận đánh quyết định cuối cùng với địch.

Sau chiến thắng của quân và dân Phước Long ngày 06 - 01 - 1975, từ ngày 18 - 12 - 1974 đến ngày 08 - 01 - 1975, Bộ Chính trị họp mở rộng, hạ quyết tâm: *"Tiến hành khẩn trương và hoàn thành công tác chuẩn bị mọi mặt, tạo điều kiện chín muồi, tiến hành tổng công kích, tổng khởi nghĩa tiêu diệt và làm tan rã ngụy quân, đánh đổ ngụy quyền từ trung ương đến địa phương, giành chính quyền về tay Nhân dân, giải phóng miền Nam Việt Nam"*.

Để thực hiện phương án đã vạch ra, Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương đã chọn Tây Nguyên làm hướng tấn công chiến lược trong năm 1975. Trong đó, thị xã Buôn Mê Thuột được xác định là mục tiêu then chốt để đánh đòn

quyết định đầu tiên. Chiến dịch Tây Nguyên với mục tiêu trọng điểm tại Buôn Mê Thuột, nơi địch yếu, có nhiều chủ quan sơ hở, có thể gây cho địch bất ngờ, choáng váng, tạo điều kiện cho ta giành thắng lợi. Thực hiện kế hoạch đó, Bộ Tư lệnh Chiến dịch Tây Nguyên được thành lập. Các tỉnh Tây Nguyên cũng thành lập ban chỉ đạo tác chiến phối hợp chiến trường.

Lúc này, trên địa bàn tỉnh Kon Tum, phần lớn đất đai vùng nông thôn đã được giải phóng, địch bị dồn ép co cụm về chốt giữ thị xã Kon Tum, một số cứ điểm vùng ven và quận Đăk Tô lưu vong. Đảng bộ, quân và dân toàn tỉnh với nỗ lực cao nhất, với tinh thần "*Một ngày bằng 20 năm*" ra sức chuẩn bị mọi mặt phối hợp cùng lực lượng trên địa bàn, vừa tiếp tục tấn công địch để giữ thế chiến lược, vừa tích cực góp sức cùng Mặt trận Tây Nguyên giành lấy thắng lợi quyết định, chuẩn bị tư thế sẵn sàng đón thời cơ, giải phóng hoàn toàn quê hương.

Tỉnh Kon Tum được Bộ Tư lệnh Mặt trận Tây Nguyên giao nhiệm vụ phối hợp tham gia thực hiện Chiến dịch Tây Nguyên, đồng thời

vừa làm mũi hoạt động nghi binh, gây chú ý để đánh lừa mục tiêu phán đoán của địch nhằm đảm bảo bí mật cho mục tiêu tấn công vào hướng chính trọng điểm Buôn Ma Thuột. Kon Tum đã thành lập Ban Chỉ đạo tác chiến để phối hợp với bộ đội chủ lực, các đoàn, đội công tác. Thực hiện sự chỉ đạo của cấp trên và Tỉnh ủy, Tỉnh đội Kon Tum đã huy động lực lượng tích cực làm đường hướng vào thị xã, đồng thời phao tin *"Ta chuẩn bị tấn công vào thị xã Kon Tum và Plei Ku"*.

Mặt khác, các lực lượng vũ trang địa phương trong tỉnh đã phối hợp với một số đơn vị chủ lực giữ thế bao vây và ép sát thị xã, liên tục tổ chức các trận tập kích vào các trận địa căn cứ vòng ngoài của địch. Đến tháng 3 - 1975, qua những tin tức tình báo, cùng những hoạt động nghi binh của ta, địch nhận định và tin chắc rằng ta sẽ mở cuộc tấn công vào hướng Bắc Tây Nguyên nên chúng tập trung lực lượng đối phó về hướng này.

Do vậy, đến trước Chiến dịch Tây Nguyên mở màn, ở Bắc Tây Nguyên, thị xã Kon

Tum là hang ổ cuối cùng tập trung mọi binh lực, hỏa lực của địch. Cùng lúc với các hoạt động tấn công địch, tạo thế nghi binh và quá trình chuẩn bị cho Chiến dịch Tây Nguyên, Tỉnh ủy Kon Tum cũng chủ trương giải phóng thị xã và tích cực xúc tiến đẩy mạnh công tác chuẩn bị. Tỉnh giao trọng trách cho Tỉnh đội đảm nhận tấn công các mục tiêu chính. Tỉnh vẫn tiếp tục duy trì các hoạt động mở đường 220 về hướng Gia Lai để tổ chức nghi binh. Đồng thời chỉ đạo cho tất cả các lực lượng của tỉnh chuẩn bị tư thế để tiếp quản thị xã.

Ta đã hình thành một thế trận định sẵn tấn công vào giải phóng thị xã theo nhiều hướng. Các cánh quân vừa tác chiến đánh địch, phối hợp với mặt trận chung giữ thế chiến trường, vừa triển khai các hoạt động tấn công vây ép chờ thời cơ thuận lợi đánh vào trung tâm nội thị, giải phóng hoàn toàn thị xã.

Đầu tháng 3 - 1975, khi tiếng súng của Chiến dịch Tây Nguyên mở màn rộ khắp mặt trận, cùng lúc đó ở tỉnh Kon Tum, lực lượng của Tỉnh đội phối hợp với quân chủ lực đánh phá

vào khu quân sự và các kho trong thị xã, khống chế sân bay của địch; đánh vào khu cảnh sát dã chiến, khu thương phế binh, trạm tiếp điện Chư Hreng, tiêu diệt bộ phận sinh lực địch và làm cho chúng phải co cụm phòng giữ tuyến trong của thị xã. 11 giờ ngày 11 - 3 - 1975, cờ chiến thắng của ta đã tung bay trên khắp thị xã Buôn Ma Thuột. Chiến thắng này đã đưa địch vào thế tan rã nhanh chóng, mở đầu cho sự sụp đổ toàn diện của địch trên tất cả chiến trường miền Nam. Trước thời cơ thuận lợi đó, từ ngày 10 - 3, các lực lượng của tỉnh đã phối hợp với bộ phận quân chủ lực F968 hoạt động mạnh ở khu vực phía Nam, đánh diệt quân địch lưu vong tại đèo Sao Mai, đột nhập vũ trang tuyên truyền, giác ngộ quần chúng ở các khu đồn dân Ngok Leng, Tri Đạo - Tân Phú. Đêm ngày 13 - 3, Tiểu đoàn 304 bộ binh của tỉnh tấn công tiêu diệt chốt điểm Chư Hreng; Đại đội pháo 187 công kích liên tục vào Đồn Chư Gret. Ở phía Bắc, ta thực hiện nhiều đợt pháo kích, đồng thời các đội vũ trang công tác và Đại đội Đặc công 14 nhanh chóng tiếp cận một số mục tiêu ở nội thị...

Sau khi thất thủ ở Buôn Ma Thuột, nhận thấy tình thế không thể cứu vãn, ngày 14 - 3 - 1975, Tổng thống ngụy quyền Nguyễn Văn Thiệu ra lệnh rút chạy khỏi Tây Nguyên về chốt giữ đồng bằng Duyên hải miền Trung. Ngày 15 - 3, địch ở Kon Tum bắt đầu thực hiện một cuộc rút chạy về Plei Ku theo đường 14.

Trong ngày 16 - 3, Tiểu đoàn 304 mai phục đón đánh tiêu diệt tàn quân rút chạy tại khu vực đèo Sao Mai; các lực lượng của tỉnh từ các hướng áp sát vào thị xã Kon Tum, tiếp quản một số vùng phụ cận, đánh chiếm quận lỵ Đắk Tô, vây ép địch ở phía Bắc và Đông; các lực lượng Tây Nam thị xã tước vũ khí của các trung đội nghĩa quân của địch, đánh chiếm ấp Tân Điền, Phương Hòa, áp sát Nam cầu Đắk Bla. Đêm ngày 16 - 3 - 1975, tất cả các lực lượng vũ trang và chính trị trong tỉnh cùng các mũi đột kích của chủ lực F968 đột nhập chiếm lĩnh và làm chủ các khu vực quân sự và chính trị trọng yếu, tiêu diệt tất cả các ổ đề kháng cuối cùng của địch, nhanh chóng triển khai chiếm toàn bộ thị xã Kon Tum. Thị xã Kon Tum là sào huyệt trung tâm, hang ổ trú ẩn cuối cùng của địch

trong tỉnh đã bị quân và dân ta quét sạch. Cờ giải phóng tung bay trên khắp bầu trời thị xã. Tỉnh Kon Tum hoàn toàn được giải phóng.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 của quân và dân tỉnh Kon Tum mang ý nghĩa vô cùng quan trọng, đã đập tan sào huyệt cuối cùng của Mỹ - ngụy ở Bắc Tây Nguyên, giải phóng hoàn toàn tỉnh Kon Tum, đem lại hòa bình, độc lập, tự do cho nhân dân các dân tộc. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân tỉnh Kon Tum góp phần cùng với cả nước làm nên chiến thắng lịch sử mùa Xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Ngô Đức Hải/Kontum.online

NHỮNG KỶ NIỆM TRONG ĐỜI QUÂN NGŨ

*(Kỷ niệm tham gia chiến trường
trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước)*

Tháng 9/1972, sau khi tốt nghiệp lớp Sinh-Địa khóa 3 năm học 1969-1972, đang hồi hộp được chờ phân công công tác để đi dạy học thì tôi cùng một số anh em các khoa khác trong trường được lệnh lên đường nhập ngũ. Sau khi tập trung ở Thượng Cát, chúng tôi hành quân lên Tân Lạc (Hòa Bình) và được biên chế vào Tiểu đoàn 73 để huấn luyện tân binh.

Đây là một vùng đồi núi rộng lớn, thoải thoải, mọc các bụi cây lúp xúp, rất thích hợp làm địa bàn cho việc huấn luyện quân sự, chúng tôi được phân công từ 2 đến 3 người ở trong nhà dân. Đồng bào sinh sống ở đây phần lớn là người Mường, kinh tế hồi đó còn eo hẹp

nhưng rất yêu quý và coi bộ đội như con cháu trong nhà, đồng bào ở trong các nếp nhà sàn, sàn nhà được lát bằng các cây vầu to chẻ ra, đập dập và dàn đều nên có những khe hở, gió lạnh có thể lùa từ phía dưới lên. Những thanh niên chúng tôi ban đầu chưa quen cảm thấy rất rét, nhưng đó cũng là những trải nghiệm ban đầu giúp chúng tôi khi đi chiến trường mặc dù ở chiến trường khó khăn gian khổ gấp nhiều lần nhưng cũng cố gắng vượt qua được.

Tháng 12/1972, khi Mỹ đưa máy bay B52 ném bom Hà Nội, chúng tôi không được trực tiếp chứng kiến, ban đêm nghe tiếng động cơ máy bay ầm ì trên bầu trời, tiếng bom đạn nổ xa xa, tất cả chúng tôi đều rất sốt ruột, lo lắng. Nhưng khi nghe tin chiến thắng của quân và dân Hà Nội trong chiến dịch 12 ngày đêm bắn rơi nhiều máy bay B52 chúng tôi rất phấn khởi và càng khẩn trương tập luyện để được mau chóng tham gia cuộc kháng chiến của cả dân tộc.

Theo kế hoạch, đầu năm 1973 sau khi khóa huấn luyện tân binh hoàn thành, chúng

tôi sẽ được về gia đình ăn Tết Nguyên đán trước khi vào chiến trường. Nhưng sau thất bại của âm mưu biến Hà Nội trở về "*thời kỳ đồ đá*", Mỹ buộc phải ký kết hiệp định chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam vào tháng 1 năm 1973. Chúng tôi lập tức được lệnh chuẩn bị lên đường chiến đấu ngay. Rồi ngày đó cũng đến, sau một thời gian tập luyện miệt mài, đang chờ được cấp phép trở về cùng gia đình ăn Tết, chúng tôi phải lập tức lên đường. Vừa hành quân bộ, vừa đi ô tô chúng tôi đã vào đến Sông Gianh ở Quảng Bình. Từ đó chúng tôi dần đặt chân lên con đường 559 huyền thoại của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Như mọi người đã biết, đường 559 là con đường chạy dọc dãy Trường Sơn từ Bắc vào Nam làm nhiệm vụ vận chuyển quân, khí tài quân sự, lương thực cho chiến trường. Hành quân vượt suối, trèo đèo trên dải núi rừng hùng vĩ đó với ba lô trĩu nặng trên vai, chúng tôi ngày đi, đêm nghỉ tại các binh trạm, tự nấu ăn lấy. Tận mắt thấy khung cảnh tươi đẹp, hùng vĩ của đất nước, đau xót khi chứng kiến những cánh rừng bị chất độc hóa học và

bom đạn của Mỹ tàn phá, những thân cây thông đổ ngã cháy âm ỉ hàng tháng trời, được chứng kiến những đoàn xe vượt qua mưa bom bão đạn chở hàng ra tiền tuyến.

Hành quân tới Thừa thiên Huế, đơn vị tân binh của chúng tôi được bổ xung vào trung đoàn 3, sư đoàn 324, quân khu Trị Thiên hoạt động ở vùng Sông Bồ, A Sầu, A Lưới, đánh địch lấn chiếm vùng giải phóng. Tôi được phân công về đại đội 15, đại đội pháo không giật DKZ75 hỗ trợ hỏa lực cho các đơn vị bộ binh trong chiến đấu. Khi hành quân đi chiến đấu hoặc triển khai ra trận địa, ngoài một số chiến sĩ của tiểu đội pháo cũ có sức khỏe và kinh nghiệm phải đảm nhiệm vác nòng pháo và chân pháo, bọn chúng tôi lính mới vào chiến trường được gửi 2 quả đạn pháo đựng trong hộp bảo vệ cũng khá nặng. Tôi cũng đã có lần xin các đồng chí cùng tiểu đội cho vác thử nòng pháo nhưng chỉ đi được khoảng mấy trăm mét thì đành chịu, đúng là lính thư sinh có khác. Cùng với thời gian, chúng tôi cũng cứng rắn dần, quen với gian khổ, sốt rét, hiểm nguy khi chiến đấu. Dãy Trường Sơn chạy dọc suốt miền Trung,

được phân chia thành Trường Sơn Đông và Trường Sơn Tây, phía đông hướng ra biển đón gió mang hơi ẩm thổi vào nên mưa nhiều hơn, nhất là khi có gió Đông Bắc lạnh thổi qua vịnh Bắc bộ gặp núi chắn lại nên mưa nhiều, chúng tôi đã được thưởng thức những trận mưa thổi đất liên miên từ ngày này sang ngày khác khi gió Đông bắc lạnh về. Sau này khi về giảng dạy, tôi có một câu hỏi vui cho các em học sinh về một câu hát và yêu cầu các em giải thích là :

"Trường Sơn Tây anh đi

Thương em bên ấy mưa nhiều ..."

Bên "ấy" là bên nào, tại sao lại mưa nhiều?

Một trong những kỷ niệm mà tôi còn nhớ mãi đến bây giờ là có một lần đi chiến đấu, chúng tôi phải hành quân đêm để chiếm lĩnh trận địa, đường hành quân phải đi dọc theo một con suối với những tảng đá to lớn, rêu trơn trượt, có chỗ lội đến ngang bụng, chỗ sâu quá phải trèo, nhảy từ hòn đá này sang hòn đá kia trong đêm tối mịt mùng, không nhìn thấy gì, thỉnh thoảng trượt chân ngã đau điếng nhưng vẫn phải tuyệt đối im lặng. Hôm sau, trong trận

đánh chống trả địch càn quét lên vùng giải phóng, chúng tôi đã chiến đấu kiên cường mặc dù lực lượng của địch đông và có hỏa lực rất mạnh. Giữa cuộc chiến, đường dây điện thoại nối giữa sở chỉ huy và trận địa bị pháo địch bắn đứt, đồng chí đại đội trưởng phân công tôi chạy lên trận địa để điều chỉnh mục tiêu và góc bắn theo yêu cầu của đài quan sát. Quãng đường chỉ khoảng 300 mét nhưng chỗ chỗ những dấu đạn pháo trên mặt đất của địch đã và đang bắn, đất đá cỏ cây bắn tung tóe, tôi chạy thực mạng lên tới trận địa truyền đạt mệnh lệnh, hoàn thành nhiệm vụ và an toàn trở về cùng đồng đội. Nên nhớ, mỗi lần ta bắn xong, phải lập tức thu pháo rút ngay vì địch bắn trả bằng hỏa lực rất mạnh.

Những cuộc chiến đấu, những đợt rút quân về vùng giải phóng để củng cố lực lượng cứ đan xen nhau trong cuộc chiến đấu của chúng tôi, những kỷ niệm còn nhớ thì rất nhiều như: gùi gạo trong mùa mưa với bao gạo 50kg trên lưng, phải chống gậy đi trên con đường bùn lầy; làm đường cho xe chở súng đạn, cơm được ăn tới 8 lạng gạo một ngày nhưng ăn

xong chỉ cảm thấy hơi no; rút quân ra A Lưới chúng tôi trở thành những nông dân trồng rau, ngô, chăn nuôi lợn để cải thiện bữa ăn; đi rừng kiếm rau môn thực, búng báng, dương xỉ, rau tàu bay... cải thiện bữa ăn. Rất nhiều kỷ niệm trong chiến trường mà tôi cùng đồng đội không thể quên, thỉnh thoảng gặp lại các đồng đội cũ, chúng tôi mỗi người góp một câu chuyện nói mãi không biết chán, tự hỏi sao hồi đó mình có thể làm được như vậy.

Khoảng tháng 6/1974, đơn vị chúng tôi được lệnh tiếp tục hành quân vào Tây Nguyên, phối hợp cùng các đơn vị bạn tại đây tiêu diệt chi khu quân sự Đắc Pét, căn cứ quân sự này của quân ngụy hầu như lọt thỏm trong vùng rừng núi, mọi tiếp tế của địch chủ yếu qua thả dù tiếp tế. Trận đánh này đơn vị chúng tôi thắng dễ dàng, tổn thất không đáng kể. Càng vào sâu, xa đất Bắc, bộ đội chúng ta càng gian khổ, mấy anh ở trong này nói vui với chúng tôi : Được chiến đấu với các cậu, chúng tớ được cải thiện trong các bữa ăn. Sau chiến đấu, tôi bị sốt rét quật ngã, nằm hàng tuần liền, đầu đau như búa bổ, không ăn được gì và chỉ nôn, đúng

là nôn ra mặt xanh, mặt vàng. Sau này khi đã ra quân, trở về sống ở Hà Nội tôi vẫn còn bị nó đeo đuổi mãi mới thôi.

Tiếp theo, chúng tôi lại hành quân ra Quảng Nam, phối hợp với một đơn vị của sư đoàn 304 chiến đấu ở Thượng Đức. Dọc đường hành quân, lần đầu tiên từ khi vào chiến trường, chúng tôi gặp bộ đội địa phương là những chiến sĩ gái, những cô thanh niên xung phong người Quảng Nam, lính ta rất khoái vì lâu lắm không được nghe tiếng phụ nữ. Nghe tiếng các cô chào hỏi ríu rít như chim rất thích nhưng chỉ hiểu lồm bồm vì tiếng địa phương mà.

Thượng Đức là một chi khu quân sự khá lớn nằm cạnh sông Vu Gia, cứ điểm có hàng rào dây thép gai, bãi mìn, có lực lượng pháo binh và máy bay yểm trợ, là địa bàn quen thuộc của địch nên rất khó khăn. Sau một thời gian nghiên cứu địa hình, trinh sát và được sự hỗ trợ về hỏa lực của cấp trên, chúng tôi cũng mở cuộc tấn công tiêu diệt cứ điểm này. Cuộc chiến đấu vô cùng gian nan, ác liệt, giằng co,

nhieu chiến sĩ bị thương, địch tổ chức phản công hòng chiếm lại những cứ điểm đã mất. Chính trong một trận đánh đó, tôi đã bị dính nhiều mảnh đạn cối của quân địch khắp người, cánh tay trái bị gãy. Đồng đội đưa tôi về hang đá tuyến sau, đồng chí Minh là người đã cõng tôi chạy với cánh tay gãy buộc tạm vào người trong khi pháo địch vẫn đang bắn ầm ầm. Sau này trở về Hà Nội, tôi có gặp lại anh Minh, anh cũng bị thương với một mảnh pháo chém vào gò má. Tình đồng đội trong chiến đấu, giữa cái sống và cái chết cận kề luôn để lại trong tôi những kỷ niệm không bao giờ phai. Lớp sư phạm chúng tôi đi hồi ấy có người lành lặn trở về, có người bị thương nặng, nhẹ khác nhau, có người hy sinh, nhưng chúng tôi thấy quãng thời gian đó đã rèn luyện chúng tôi từ những thanh niên thư sinh trở thành những con người mạnh mẽ, có lý tưởng cao đẹp, biết giá trị của cuộc sống hòa bình hôm nay.

Theo Hanoi.edu.vn

ANH HÙNG LÊ MẠNH HÙNG VỚI TRẬN MỞ MÀN CHIẾN DỊCH TÂY NGUYÊN

Có dịp gặp Đại tá, Anh hùng LLVT nhân dân Lê Mạnh Hùng trong lần Tiểu đoàn Đặc công 20 (Bộ Tham mưu Quân khu) tổ chức kỷ niệm 50 năm ngày truyền thống, người Phó tiểu đoàn trưởng của Tiểu đoàn 20 năm nào (sau này là Lữ đoàn trưởng, Lữ đoàn Đặc công 198, Binh chủng Đặc công) vẫn nhớ như in từng trận đánh, chiến dịch mình tham gia trong kháng chiến chống Mỹ. Trong những ngày tháng vào sinh, ra tử rất đổi vinh quang ấy, ông cùng cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 20 tham gia đánh Kho Mai Hắc Đế - trận mở màn Chiến dịch Tây Nguyên, cùng nhiều trận đánh tiêu biểu khác...

Đại tá Lê Mạnh Hùng sinh ngày 15-4-

1950, tại xã Lê Lợi, huyện Kiến Xương (Thái Bình), nhập ngũ ngày 15-7-1968. Cuộc đời binh nghiệp của ông từ ngày nhập ngũ đến khi nghỉ hưu gắn bó với bộ đội đặc công, nhất là sự ra đời, trưởng thành, lớn mạnh và lập công xuất sắc của Trung đoàn 198 (nay là Lữ đoàn Đặc công 198).

Ngày 30 tháng 6 năm 1969, tại xã Tiên Hưng, huyện Lục Nam, tỉnh Hà Bắc (nay là Bắc Giang), Tiểu đoàn 20 tổ chức công bố quyết định thành lập. Lực lượng ban đầu của Tiểu đoàn có 350 cán bộ, chiến sĩ, được tuyển chọn từ Tiểu đoàn 12 và các Tiểu đoàn huấn luyện tân binh trong Binh chủng Đặc công. Trong số chiến sĩ đó có Lê Mạnh Hùng, vừa hoàn thành xuất sắc khóa huấn luyện nghiệp vụ chiến đấu.

Cuối tháng 1-1970, Tiểu đoàn 20 được lệnh tham gia chiến đấu trên chiến trường nước bạn Lào. Đầu tháng 2, Tiểu đoàn hành quân sang Thượng Lào, tham gia chiến dịch 139 giải phóng Cánh Đồng Chum- Xiêng Khoảng. Đầu tháng 3-1970, đơn vị được giao nhiệm vụ luồn sâu đánh chiếm các mục tiêu ở tuyến trong.

Ngày 5-3-1970, đơn vị đánh chiếm đồi Không Tên, tiếp sau đó, đánh cứ điểm Vành Khăn.

Tháng 2-1971, Lê Mạnh Hùng cùng cán bộ, chiến sĩ tiểu đoàn tham gia chiến dịch Đường 9 - Nam Lào, đánh bại cuộc hành quân “*Lam Sơn 719*” của quân chủ lực Sài Gòn. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ ở Nam Lào, Tiểu đoàn 20 được điều động vào chiến trường Tây Nguyên, mang phiên hiệu Tiểu đoàn 20B, trực thuộc Trung đoàn Đặc công 198, Bộ Tư lệnh Mặt trận Tây Nguyên.

Trong Chiến dịch Tây Nguyên, ngày 10-3-1975, với quân hàm Thượng úy, trên cương vị Tiểu đoàn phó, Tiểu đoàn 20B, Lê Mạnh Hùng chỉ huy đơn vị hiệp đồng cùng các lực lượng bất ngờ đánh chiếm Kho Mai Hắc Đế ngay trong thành phố Buôn Ma Thuột. Đây là tổng kho, chứa mọi lương thực, vũ khí của Tây Nguyên. Chiếm được kho này sẽ tạo bàn đạp cho chiến dịch phát triển đánh tiếp vào sào huyệt địch. Chính vì quan trọng như vậy nên địch bố phòng, tổ chức tuần tra canh gác rất nghiêm ngặt.

Ngoài cả chục lớp rào bằng dây thép gai, còn có một hàng rào bằng tôn dựng sừng sững, leo không được mà vượt qua cũng không được, trong khi đèn lúc nào cũng thấp sáng trưng, trong các lô cốt lính ngự dày đặc. Vào trận, Thượng úy Hùng trực tiếp chỉ huy 16 tay súng bí mật vượt rào, tiếp cận các vị trí bên trong trận địa, trước đó, anh đã lệnh cho 1 tổ trinh sát kiên trì đào ngách dưới chân hàng rào tôn để từng chiến sĩ có thể lén người qua. Khi đội hình đang cơ động, thì bất ngờ địch quăng lựu đạn, làm một trung đội phó hy sinh tại chỗ, binh nhất Sơn bị thương nặng.

Trong suốt cuộc đời binh nghiệp, Đại tá Lê Mạnh Hùng không bao giờ quên được hình ảnh thương tâm này cũng như tinh thần dũng cảm của người thương binh. Mắt nhòa lệ, anh ôm chiến sĩ Sơn vào lòng, thầm thì: *"Sơn ơi, em mà lên tiếng rên la là tất cả đều chết hết"*. Chiến sĩ Sơn không nói nên lời vì quá đau, chỉ trợn mắt, cắn răng gật đầu cho các chiến sĩ chuyển về tuyến sau, không hề có một tiếng rên nhỏ.

Sau khi cả đội hình đã vào trót lọt, đúng giờ G, anh lệnh cho chiến sĩ điểm hỏa khối bộc phá nặng 2kg làm hiệu lệnh. Phía sân bay Hòa Bình, một mũi tiến công của Trung đoàn Đặc công 198 cũng khai hỏa đánh địch. Chiến dịch Tây Nguyên mở màn.

Trong trận này, Lê Mạnh Hùng chỉ huy đơn vị tiêu diệt gần 100 tên, bắt sống 15 tên địch, phá hủy 3 xe tăng, thu nguyên vẹn hơn 100 nghìn tấn đạn pháo và toàn bộ phương tiện, vũ khí trong kho của địch.

Sau trận đánh, Lê Mạnh Hùng tiếp tục tham gia nhiều trận khác trong Chiến dịch Hồ Chí Minh. Ông gắn bó với bộ đội đặc công đến khi nghỉ hưu trên cương vị Đoàn trưởng Đoàn 198 (năm 2005).

Với những chiến công xuất sắc, đồng chí Lê Mạnh Hùng đã góp phần quan trọng để Trung đoàn 198 được tuyên dương danh hiệu Anh hùng LLVT nhân dân ngày 3-6-1976. Cá nhân đồng chí được tặng thưởng 8 Huân chương Chiến công các loại; Huy hiệu Kháng chiến hạng Nhì; 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ

vang hạng Nhất, Nhì, Ba; Huy hiệu 30 năm, 40 năm, 50 năm tuổi Đảng và nhiều phần thưởng cao quý khác. Đặc biệt, ngày 30-8-2018, Chủ tịch nước ký quyết định phong tặng danh hiệu Anh hùng LLVT nhân dân cho Đại tá Lê Mạnh Hùng, vì đã có thành tích đặc biệt xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Ở tuổi 70, dù đang nghỉ hưu tại TP. Hồ Chí Minh, ông vẫn giữ mối liên hệ chặt chẽ với đồng đội và các đơn vị mình từng gắn bó, là tấm gương để thế hệ cán bộ, chiến sĩ hôm nay học tập, noi theo.

Chu Vi /QK!

HỒI ỨC CỦA VỊ TƯỚNG THAM GIA CHIẾN DỊCH TÂY NGUYÊN VÀ CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH LỊCH SỬ.

Có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng, để chuẩn bị cho chiến dịch giải phóng Tây Nguyên (3/1975), một Sư đoàn của Bộ Tư lệnh Trường Sơn đã đánh nghi binh thu hút địch về hướng Bắc Tây Nguyên. Đồng thời bộ đội ta đã chia thành từng nhóm nhỏ bí mật chặt hạ cây rừng, mở đường cho hướng đánh chính vào Buôn Ma Thuột.

Trong buổi trò chuyện về Chiến dịch Tây Nguyên và Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, Thiếu tướng Võ Sở đã giới thiệu bức ảnh ông ghi lại cảm xúc khi về thăm lại chiến trường xưa; thăm những đồng đội của ông đã nằm lại tại Nghĩa trang Trường Sơn

Giải phóng Tây Nguyên là chiến dịch mở

đầu của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Hơn 45 năm đã qua, dù ở cái tuổi xưa nay hiếm nhưng hồi ức về những ngày đốc chiến mở đường phục vụ chiến dịch vẫn in trong tâm trí của Thiếu tướng Võ Sở, nguyên Chính ủy Binh đoàn 12, hiện là Chủ tịch Hội truyền thống Trường Sơn - Đường Hồ Chí Minh. Trong Chiến dịch Tây Nguyên (tháng 3/1975), ông Sở mang quân hàm Thượng tá, Phó Chủ nhiệm Chính trị, Đảng ủy viên Bộ Tư lệnh Trường Sơn, là phái viên đốc chiến trên chiến trường.

Thành lập Bộ Tư lệnh tiền phương phục vụ chiến dịch

Trò chuyện với phóng viên về những ngày trực tiếp tham gia hai chiến dịch lớn là Tây Nguyên và Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, Thiếu tướng Võ Sở nhớ lại: Đầu năm 1975, Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương quyết định chọn Tây Nguyên làm “đột phá khâu”; Bộ Tư lệnh chiến dịch Tây Nguyên được thành lập do

Trung tướng Hoàng Minh Thảo làm Tư lệnh, Đại tá Đặng Vũ Hiệp làm Chính ủy.

Chiến dịch giải phóng Tây Nguyên có nhiều đơn vị bộ đội tham gia, trong đó Bộ Tư lệnh Trường Sơn có 3 sư đoàn tham gia trực tiếp là: Sư đoàn công binh 470; Sư đoàn bộ binh 968 và Sư đoàn ô tô 471. Thực hiện mệnh lệnh của Bộ, Sư đoàn 470 được giao nhiệm vụ vừa vận chuyển chi viện chiến lược, vừa bảo đảm phục vụ chiến dịch Tây Nguyên và là lực lượng tác chiến tại chỗ.

Để phục vụ chiến dịch, Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Trường Sơn quyết định thành lập Bộ Tư lệnh tiền phương. Đại tá Nguyễn Lang, Phó Tư lệnh Trường Sơn được phân công trực tiếp phụ trách Bộ Tư lệnh tiền phương. Đại tá Nguyễn Lang còn được Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng chỉ định làm Phó Tư lệnh chiến dịch Tây Nguyên, đặc trách công tác hậu cần, kỹ thuật.

Điều động Sư đoàn bộ binh 968 quân tình nguyện Việt Nam tại Hạ Lào, khẩn trương

cơ động về Bắc Tây Nguyên tác chiến, Bộ Tư lệnh Trường Sơn còn thành lập thêm hai Trung đoàn công binh (574 và 575) để mở gấp đường chiến dịch, bảo đảm cho xe tăng, thiết giáp bí mật cơ động đánh vào Buôn Ma Thuột theo yêu cầu của Bộ Tư lệnh chiến dịch.

“Tháng 6/1974, Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng quyết định thành lập các sư đoàn binh chủng. Sư đoàn 471 và Sư đoàn 571 chuyển thành hai Sư đoàn vận tải ô tô theo đề nghị của Bộ Tư lệnh Trường Sơn. Đây là một sự kiện vô cùng quan trọng trong lịch sử tổ chức quân đội ta, nếu không nói là chưa từng có tiền lệ với những cường quốc quân sự trên thế giới.

Theo yêu cầu, Sư đoàn 471 huy động tổng lực phương tiện, bí mật cơ động gấp toàn bộ đội hình Sư đoàn 316 cùng toàn bộ vũ khí vào Tây Nguyên tập kết quanh đường 19. Thành công của bí mật cơ động Sư đoàn 316 đã tạo tiền đề để chúng tôi tổ chức cơ động Sư đoàn 968 từ Hạ Lào về Pleiku (Gia Lai), Kon Tum thay chân Sư đoàn 10, tác chiến nghi binh

ở hướng Bắc chiến dịch. Tiếp đó, ngày 4/3/1975, Sư đoàn 471 bí mật vận chuyển quân của Sư đoàn 320 cơ động vào vị trí tập kết chiến dịch, chuẩn bị tiến công Đức Lập; chuyển hơn 100 tấn đạn pháo lớn theo lưng bộ đội vào tới tận trận địa, kịp giờ "G" khai hỏa, mở màn chiến dịch.

Để đảm bảo bí mật, an toàn khi vận chuyển quân cùng vũ khí, đạn dược vào chiến dịch, tôi cùng các anh trong Ban Chỉ huy Sư đoàn 471 quyết định cho xe chạy lén sáng, lén chiều nhưng tuyệt đối bí mật. Riêng các đêm 6 và 7/3/1975, khi chuyển hàng giao tại những điểm gần địch, lái xe phải tắt đèn, đi mò trong đêm", vị tướng 91 tuổi nhớ lại.

Cắt cây mở đường nhưng không được để cây đổ

Xen kẽ những ngày đốc chiến tại Sư đoàn 471, ông Sở sang nắm tình hình các Trung đoàn 574, 575 mở đường chiến dịch từ nam Đức Cơ xuống Chư M'nga. Trên hướng Bắc Buôn Ma Thuột, Trung đoàn 575, do các ông

Nguyễn Văn Châu và Nguyễn Văn Liễu chỉ huy, khẩn trương khôi phục các trục đường 48, 50.

Từ giữa tháng 2/1975, Trung đoàn tiếp tục mở một trục dọc gồm đường 50B và hai nhánh là đường 50C, 50D. Tổng chiều dài trục đường này lên tới gần 60km. Khi cách thị xã Buôn Ma Thuột chừng 20km, chỉ huy trung đoàn được lệnh cho bộ đội tạm dừng, chuẩn bị vật liệu, phương tiện để khi có lệnh là hoàn tất quãng đường còn lại trong một ngày đêm.

Chính thời gian này, anh em công binh đã bí mật tổ chức thành từng nhóm nhỏ, cưa cắt sát gốc những cây to dọc trục đường sẽ mở, chỉ để lại một phần cho cây khỏi đổ; đào đặt sẵn lượng nổ cần thiết vào những gò đồng phải phá... Tất cả sẵn sàng chờ lệnh thông đường để thiết giáp nhanh chóng tiếp cận mục tiêu. Phát huy cao độ sức mạnh và trí tuệ tập thể, đến ngày 4/3, trục đường do Trung đoàn 575 mở từ hướng Bắc đã vào đến bản Sở Hia, Chũ M'nga cách thị xã Buôn Ma Thuột chừng 20km mà kẻ địch không hay biết gì.

Để có được kết quả đó, cũng phải kể đến sự ưu ái của núi rừng Trường Sơn "*rừng che bộ đội, rừng vây quân thù*". Dưới những tán rừng lừng lẽ là cả một chiến dịch với sự tham gia của mấy chục nghìn quân, hàng nghìn xe ô tô, xe tăng, pháo lớn. Núi rừng Trường Sơn đang ẩn chứa sức mạnh to lớn mà đối phương không thể nào hình dung nổi", vị tướng già rưng rưng kể.

Qua theo dõi, kiểm tra toàn bộ công tác chuẩn bị, bảo đảm vật chất kỹ thuật, cầu đường... bộ đội Trường Sơn đã hoàn thành vượt mức kế hoạch 30% trước 3 ngày so với thời gian quy định. Đặc biệt, do chủ động chuẩn bị tốt khi được lệnh mở tiếp các trục đường còn lại như dự kiến, Trung đoàn 575 đã dồn lực tổ chức thi công suốt ngày đêm. Đúng 23 giờ đêm 9/3, Trung đoàn đã khai thông trục đường 50B, hai nhánh 50C, 50D và tổ chức xong lực lượng hộ tống xe cùng vũ khí, khí tài vào trận địa.

"Sau khi gọi điện báo cáo kết quả công tác

chuẩn bị cũng như đánh giá của Bộ Tư lệnh Chiến dịch Tây Nguyên với anh Đồng Sĩ Nguyên, Tư lệnh bộ đội Trường Sơn) và các anh trong Bộ Tư lệnh, anh Nguyễn Lang không giấu nổi vui mừng. Niềm vui ngập tràn cơ quan Bộ Tư lệnh tiền phương, làm vơi đi tâm trạng bồn chồn, thấp thỏm của chúng tôi, bởi giờ mở màn chiến dịch Tây Nguyên đang đến gần", ông Sở nhớ lại.

Đúng 2h3 sáng 10/3, quân ta bắt đầu tiến công Buôn Ma Thuột. Đến 11h ngày 11/3, cờ Mặt trận Dân tộc giải phóng đã được kéo lên trên cột cờ của Sở chỉ huy Sư đoàn 23 của ngụy. Quân ta làm chủ hoàn toàn thị xã Buôn Ma Thuột, hoàn thành trận đánh then chốt mở đầu thắng lợi chiến dịch Tây Nguyên.

Chiến dịch Tây Nguyên khiến ngụy quyền Sài Gòn tổn thất nặng nề, co cụm đối phó trên các chiến trường, mở ra thời cơ tổng tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam, đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử với mệnh lệnh của Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *"Thần tốc, thần tốc hơn nữa, táo bạo, táo bạo hơn nữa.*

Tranh thủ từng giờ, từng phút, xốc tới mặt trận, giải phóng miền Nam...”.

Trong chiến dịch này, ông Võ Sứ chỉ huy các đơn vị thuộc Bộ Tư lệnh Trường Sơn mở đường, bắc cầu, vận chuyển bộ đội vượt qua các trận chiến quyết liệt như Xuân Lộc, cầu Sài Gòn... để giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Thành Long/TTTĐ

TUỔI XUÂN ĐỂ LẠI CHIẾN TRƯỜNG

*Ký ức về quê hương yêu dấu, tuổi thơ trong
lành, đẹp đẽ.*

Lê Liên sinh ra và lớn lên tại xã Trường Yên, H.Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, nơi kinh đô Hoa Lư dưới triều Đinh, Lê. Non xanh nước biếc, cảnh đẹp sơn thủy hữu tình, sản vật nông nghiệp cá tôm trù phú, nơi sinh sống của những con người hiền lành chân chất, nơi nuôi dưỡng thể chất, tâm hồn cậu bé Liên khôn lớn.

Làng quê miền Bắc những năm đầu của thập kỷ 60 trước chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ thanh bình, ấm áp tình người. Ở đó còn có hình ảnh người cha, người mẹ, em gái, những bạn bè cùng trang lứa thiếu niên, thanh niên.

Mang nặng nợ nước thù nhà (máy bay Mỹ ném bom xuống bến đò Trường Yên giết

chết hai mươi mốt người dân vô tội trong đó có hai người thân của anh), như bao thanh niên cùng thế hệ ngày đó ở miền Bắc, cậu học sinh vừa tốt nghiệp THPT, Lê Liên đã để lại giấy gọi nhập Trường đại học Bách khoa, chích máu viết đơn tình nguyện vào bộ đội lên đường đánh Mỹ, bảo vệ quê hương.

Những kỷ niệm của năm tháng tuổi thơ và tuổi mới lớn sống ở quê hương bên cha mẹ, người thân, bạn bè còn in mãi trong ký ức và là hành trang sâu đậm anh mang theo vào cuộc chiến đấu và đến suốt cuộc đời.

Gian lao, khốc liệt chiến trường, sáng ngời phẩm chất người lính

Bước vào chiến trường, sắt thép đạn bom, gian khổ, ác liệt đã thử thách Lê Liên ngay từ những ngày đầu hành quân vào Nam đánh giặc. Trận bom đạn Mỹ giáng xuống đội hình hành quân trên đường Trường Sơn đã làm thương vong nhiều đồng đội của anh. Tinh thần dũng cảm của một người lính quân giải phóng được thể hiện ngay trong trận chiến đầu tiên này. Người lính trẻ Lê Liên lao vào đạn lửa,

cứu đồng đội. Cùng một số cán bộ, chiến sĩ khác, anh được phân công ở lại làm công tác thương binh, tử sĩ.

Sau khi hoàn thành nhiệm vụ, phải hành quân đuổi theo đơn vị, chặng đường cả tháng trời đầy gian khổ thiếu lương thực, đói khát rồi bệnh tật, kiệt sức, nhiều người đã hy sinh dọc đường. Chiến sĩ trẻ Lê Liên được vinh dự kết nạp Đảng ngay sau thử thách đầu tiên này.

Càng vào sâu chiến trường, cuộc chiến đấu càng gian khổ, ác liệt: những trận bom, pháo, bệnh tật, sốt rét ác tính, thiếu lương thực, thực phẩm... Khốc liệt nhất là những trận bom B52 rải thảm, những cơn sốt rét ác tính mười phần chết chín... nhưng ý chí, tinh thần người lính được tôi luyện trong *"lửa đỏ và nước lạnh"* luôn hướng về phía trước, vượt lên cái chết, vượt lên gian khổ. Đặc biệt, tinh thần gương mẫu *"đảng viên đi trước"* nhận gian khổ, hy sinh về mình trong chiến đấu và công tác được phát huy cao độ, tạo nên hình ảnh người cán bộ, đảng viên cao đẹp, cảm phục.

Chiến sĩ trẻ Lê Liên trưởng thành dần

lên trong những năm tháng chiến đấu ấy. Anh được đề bạt và đảm nhiệm các vị trí chỉ huy tiểu đội, trung đội, đại đội. Đến những ngày tham gia chiến dịch Đại thắng mùa Xuân 1975, anh đã là Chính trị viên Đại đội Đặc công trinh sát trong cánh quân phía Tây Nam từ đồng bằng sông Cửu Long tiến về giải phóng Sài Gòn.

Tình đồng chí đồng đội gắn bó và gương mặt, tâm hồn của người chiến sĩ quân giải phóng

Nhà thơ Tố Hữu viết: *“Thủy chung, vẫn đậm tình người/Cẩn đôi hạt muối, chung đời cháo rau/Uống cùng viên thuốc chia đau/Quên mình chia lửa, cứu nhau chia hăm”*.

Lê Liên dành nhiều tình cảm cho những người đồng đội. Tình cảm đồng chí, đồng đội của đội quân cách mạng trong chiến tranh gian khổ, chung nhau sự sống và cái chết thật vô tư, trong sáng, sâu sắc và cảm động. Có người trong chiến đấu đã tự nguyện giành sự nguy hiểm, hy sinh về mình cho đồng đội cơ hội sống. Sự “chia lửa” trong chiến đấu, sự tận tình cứu chữa, chăm sóc đồng đội như ruột thịt,

chia sẻ nhau từng hớp cháo loãng, miếng lương khô cuối cùng...

Ngoài những sự kiện chiến đấu, Lê Liên còn quan tâm nhiều đến đời sống tình cảm, tâm hồn người chiến sĩ: những rung động đầu đời, những suy nghĩ, chia sẻ về tình yêu, tình bạn. Người vợ yêu thương, chịu đựng, chung thủy, hy sinh...

Đàm Chu Văn

LÒNG KIÊU HÃNH CỦA NGƯỜI LÍNH

Năm 1977, tôi đang học cấp 3 thì có giấy gọi khám tuyển nghĩa vụ quân sự đợt đầu tiên sau ngày đất nước thống nhất. Không lâu sau, tôi và nhiều bạn bè lên đường nhập ngũ.

Những chàng lính trẻ dạn dày

Đơn vị nhận quân là Trung đoàn 9, Sư đoàn bộ binh 304 đóng quân tại xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (nay là thành phố Đà Nẵng). Nơi đây là vùng bán sơn địa, thời tiết khắc nghiệt, đất đồi cằn khô xen lẫn những tảng đá xanh to nằm lổn nhổn, chỉ có cây bụi thấp và loài cây chà là gai là có thể sống được. Các bài huấn luyện đều diễn ra trên thao trường ở mấy dãy đồi bát úp nhấp nhô này. Những vết cào xước rướm máu bởi cây gai và cái nắng chói chang của miền

Trung chẳng mấy chốc đã biến những chàng tân binh đáng thương sinh chúng tôi thành những anh lính rắn rỏi, nước da sạm màu mưa nắng.

Sau 3 tháng huấn luyện tân binh, tôi được biên chế về một đại đội hỏa lực làm xạ thủ số 1 súng máy 12 ly 7, huấn luyện thêm một thời gian rồi ra thẳng chiến trường biên giới Tây Nam đánh quân Khmer Đỏ. Đơn vị chúng tôi đánh trận mở màn sáng 31-12-1978 ở kênh Vĩnh Tế, xã Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, nơi bọn lính Khmer Đỏ đã tràn qua sát hại hơn 3.000 đồng bào ta.

Là người lính, có lệnh là đi, gặp giặc là đánh. Cuộc chiến đấu cứ thế nối tiếp theo thời gian không dừng lại khi chưa quét sạch bọn giặc Khmer Đỏ tàn bạo. Đó là quân lệnh, cũng là tiếng vọng thiêng liêng của hàng vạn linh hồn đồng bào Ba Chúc và các tỉnh biên giới bị chúng giết hại dã man.

Sau một tuần đánh địch, giải phóng một vùng rộng lớn, giao lại quyền kiểm soát cho lực lượng vũ trang cách mạng Campuchia, từ ngày 7-1-1979, trung đoàn chúng tôi được chi viện

xe tăng, xe bọc thép M.113 và pháo cao xạ 37 ly tiến về mặt trận phía Nam, hành quân đêm nghỉ, ngày đi. Địch nhiều lần phục kích đánh chặn, chúng tôi phải dừng lại chiến đấu, rồi lại lên xe tiếp tục hành quân.

Dọc đường hành quân, khẩu đội tôi giá súng 12 ly 7 trên thùng chiếc xe tải Zil 131, nhưng khi bắn thì súng giật tung, 2 xạ thủ to khỏe ôm chân súng cũng không giữ nổi. Trước tình huống này, tôi nhanh trí yêu cầu xe hậu cần cho mượn 3 bao gạo, mỗi bao chừng 50 kg đem chặn lên 3 chân súng, vậy là ổn và bắn rất tốt. Suốt mấy trăm km hành quân, chúng tôi cứ đứng trên thùng xe quan sát và nã đạn vào địch.

Súng kẹt đạn giữa trận phục kích

Đã hai ngày đêm trên đường tiến quân, một sự việc hy hữu khác lại đến. Trong một lần địch phục kích đánh chặn, tôi bắn thì súng chỉ nổ đúng một phát rồi tịt. Vỏ đạn kẹt cứng trong buồng đạn, gờ đít đạn bị sút. Thông nòng tống vỏ đạn ra, lên đạn bắn tiếp mấy lần đều như thế, không bắn liên thanh được. Trời ạ, tình

huống này trong huấn luyện có ai dạy đâu.
Trung đội trưởng hét lên:

- 12 ly 7 bắn đi.

- Báo cáo, súng bị hóc. Tôi la lớn, vừa ức, vừa định nói: Tôi muốn bắn lắm chứ. Nhưng mà sao mà y hời tào giữa lúc nước sôi lửa bỏng này hả súng ơi!

Đạn bắn thẳng của địch trúng thành xe kêu toác toác, lái xe liền nhảy xuống. Tôi mặc kệ, vẫn loay hoay bên súng nghĩ cách khắc phục. Trung đội trưởng từng là lính chuyên súng 12 ly 7 lên cùng tôi xử lý nhưng rồi cũng bó tay, nhảy xuống xe ra lệnh:

- Không bắn được thì cả khẩu đội đi vác đạn cho cối 82.

Là một người lính đang xung trận, tôi cảm thấy thật xót xa khi phải bỏ súng đi vác đạn, dù đó cũng là chiến đấu.

Lòng kiêu hãnh của người lính không cho phép tôi rời bỏ súng. Từ nguyên lý súng, tôi đoán nguyên nhân do mấy ngày đêm vừa hành quân vừa bắn, không lau chùi nên buồng đạn ám thuốc súng, gỉ sét làm kẹt vỏ đạn. Ý nghĩ

thoáng qua, tôi liền kéo quy lát, thử dùng tuýp dầu lau súng xịt vào buồng đạn rồi đưa ngón tay trở ngoáy cho trơn, xong nạp đạn, siết cò.

Khỏi phải nói tôi vui sướng đến chừng nào, khẩu 12 ly 7 sát cánh từ đầu chiến dịch đã khắc lửa giòn giã trong sự bất ngờ của cả khẩu đội. Bất ngờ hơn cả là bọn lính Khmer Đỏ vừa bắn ĐKZ thì bị tôi phát hiện và những loạt đạn 12 ly 7 bắn thẳng trong cự ly hiệu quả buộc chúng phải câm họng. Khi quan sát để điều chỉnh bắn, tôi thấy những viên đạn vạch đường nối đuôi bay đến mục tiêu, chúng đã bị tiêu diệt. Đơn vị tiếp tục hành quân.

Tổ quốc trong tim mỗi người

Đầu giờ chiều ngày 9-1-1979, chúng tôi đã tiến đến cửa ngõ vào cảng Ream (tỉnh Sihanoukville). Đây là một quân cảng của Khmer Đỏ, đường vào là độc đạo, một bên rừng núi, một bên là biển, bọn địch chống trả rất quyết liệt. Tuy vậy chúng không cản nổi sức mạnh của bộ đội ta, phần lớn địch bị tiêu diệt hoặc bỏ chạy, lính ta chiếm quân cảng, cùng truy kích địch.

Hăng say chiến đấu, tôi không biết mình đã bị thương ở bắp đùi lúc nào, máu loang ra quần, đến khi tiếng súng tạm lắng, đồng đội tôi bảo: Hậu bị thương rồi kìa, lúc đó tôi mới thấy rát, may mắn vết thương chỉ ở phần mềm. Sau này xuất ngũ, anh em ở đơn vị cũ hỏi "*Sao không làm chế độ thương binh?*", tôi cười bảo còn sống là may rồi.

Những ngày tiếp theo ở Ream, cứ buổi sáng đơn vị mở các cuộc truy quét tàn quân địch đang lẩn trốn trong rừng, chiều xuống lại trở về điểm chốt. Những tia nắng cuối cùng chỉ còn le lói rồi lịm tắt, hoàng hôn dần buông, lòng tôi quặn thắt nhớ về đất mẹ, lặng nhìn hàng dừa đứng chơ vơ trên nền trời xám xịt của cái cảng biển xác xơ bởi đạn pháo.

Những ngày ở chiến trường xa, ai cũng nhận ra một điều rằng nỗi nhớ Tổ quốc ngự trị trên hết trong trái tim mỗi người chứ không phải chỉ là nỗi nhớ gia đình. Ai cũng muốn trở về nơi nào đó, miễn rằng đấy là đất nước mình, có đồng bào mình, nghe tiếng nói của người dân mình.

Hơn 40 năm trôi qua, ký ức tự hào của người lính luôn là động lực để những cựu chiến binh chúng tôi biết sống và sống cho cả phần những người không trở về. Tự hào vì mình và đồng đội đã nối tiếp truyền thống cha anh, giữ yên bờ cõi, đem lại hòa bình cho người dân nước bạn, bảo vệ, xây đắp nên tình hữu nghị giữa hai dân tộc Việt Nam - Campuchia như ngày nay.

Những trang nhật ký tuổi trẻ

Nghe phân công trực gác xong, tôi mắc võng, lấy ra từ túi áo trang giấy nhỏ mang theo từ đầu chiến dịch đã úa màu mờ hôi, ngồi ghi mấy dòng nhật ký để nhớ và làm kỷ niệm về cuộc đời gian lao trên trận tuyến đánh quân thù.

"Ream, ngày -1-1979. Đêm chốt ở mé rừng. Ngày đi truy kích địch".

"Ngày...-1-1979. Giấc mơ hoa. Đêm giữa rừng, tôi gác phiên đầu tiên, màn đêm bao phủ, yên ắng tĩnh mịch. Bất cứ bước đi của ai cũng làm cho lá cây khô xào xạc. Tiếng chim hót líu lo hồi chiều cũng đã tắt ngấm. Con tắc kè ở đâu đó chốc lát lại kêu lên: tắc kè, tắc kè

nghe nãu nuốt. Ngồi nhớ quê hương, nhớ người thân, bạn bè ở quê nhà. Hết phiên gác, tôi ngả lưng nằm xuống tấm ni-lông trải trên chỗ đất bằng ngủ một giấc ngon lành. Giấc ngủ say đưa tôi chìm đắm vào giấc mơ đẹp. Tôi thấy mình đang ở Việt Nam, đang gặp và trò chuyện với người bạn gái cùng lớp, rồi cô ấy gọi tôi chào từ biệt...

Tôi giật mình tỉnh giấc. Trời sáng tờ mờ, ngọn gió từ biển thổi ào ào xuyên qua cánh rừng. Dù đã tỉnh, tôi vẫn luyến tiếc cố giữ lại giấc mơ, mong cho nó trở lại. Nhưng trời đã sáng rồi".

"Ngày ... 1-1979. Đêm đêm, cứ đến phiên gác, tôi lại hình dung ra những ngày tháng còn tuổi học trò. Rừng núi về đêm giữ vẻ trầm ngâm, ánh trăng trung tuần chen qua các kẽ lá rọi vào hòn đá cạnh chỗ tôi ngồi trông trắng bạch, rồi dần dà vệt sáng cũng di chuyển theo bóng trăng khi thời gian về khuya"...

Nguyễn Văn Hậu/NLĐ

KỶ NIỆM CHIẾN TRƯỜNG GIÁP MẶT VỚI TỬ THẦN

Lần đầu tiên chết hụt, năm 1973

Sau Hiệp định Paris 1973, theo thỏa thuận Mỹ phải rút quân khỏi VN, còn quân đội 2 bên (quân Giải phóng và quân SG) thì cầm cờ ở đâu đóng quân ở đấy... Chiến dịch cầm cờ giữ đất này mang mật danh là "*Chiến dịch bảo vệ mùa màng*"... Hai bên giữ đất theo thể cài răng lược... Đơn vị tôi đóng quân ở Tây Ninh (bên kia núi Bà Đen).

Một buổi tối, tôi được đơn vị cử đi công tác. Nhóm đi có 2 người, tôi là lính mới vào chiến trường, còn trẻ măng, đi kèm cùng một đồng đội có kinh nghiệm. Chúng tôi băng ngang một khu rừng rậm, đi cách nhau 5-6m. Trên người chỉ có súng đạn, quần xà lỏn, dép cao su. Bầu trời trong rừng qua các tầng cây chỉ mờ mờ sáng ánh sao...

Đang đi, bất chợt... “phập” một cái, tôi thấy nhói đau ở ngón chân thứ hai bên phải (chân đi dép lốp cao su thò ngón chân ra ngoài) và một cái đuôi nhót nhất cuốn quàng vào cổ chân. Theo phản xạ, tôi đá mạnh chân... một tiếng “xoạt” văng vào bụi rậm... Tôi thầm nghĩ: *“Thôi chết! Bị rắn cắn rồi... Rắn rừng thì con nào cũng độc hết. Nhớ lại các bài viết chữa rắn cắn, tôi bước lui 3 bước, ngồi thụp xuống, quờ tay vờ đại nắm cây cỏ gần đó bỏ vào miệng nhai, lấy bã đắp vào chỗ bị cắn (cứ làm vậy theo phản xạ chứ chẳng biết có tác dụng gì không)...*

Anh bạn đi sau chạy lên hỏi “Gì vậy ?” - “Em bị rắn cắn rồi! “. Người đồng đội giúp tôi xé cái lai quần cột ga-rô trên cổ chân (để ngăn nọc truyền lên). Anh bàn với tôi “Bây giờ ở giữa rừng thế này không có thuốc chữa, chậm là chết. Đẳng nào cũng vậy, thôi đưa súng đạn cho tao, mày cố chạy ra khỏi rừng tìm nơi cứu chữa... May nhanh thì sống”

Thế là tôi cố sức chạy. Cái cảm giác nọc độc chạy chầm chậm trong chân mình rất rõ rệt. Một cảm giác lạ rần rật trong mạch máu...Khi

nó chạy lên đui, tôi cảm giác mình sắp chết đến nơi. Trong đầu nghĩ: *“Nó mà lên tim thì làm sao cứu được!”...*

Tôi vừa chạy vừa ứa nước mắt, nghĩ thầm trong đầu: *“Sao lại chết lúc này... Bố mẹ ơi, ở nhà có biết con sắp chết ở một khu rừng xa xôi này không? Chết lúc này sao vô nghĩa quá. Một thằng con trai mới 17 tuổi, chưa biết yêu, chưa ra chiến trận, không chết vì súng đạn mà lại chết vì một con rắn. Nhục ơi là nhục!!!”...*

Cứ thế mà cắm đầu chạy. Cái chân dần sưng tấy lên, cứng nhắc. Nhưng phải cố chạy đua với cái chết thôi... Cũng may, khi ra đến cửa rừng thấy một ánh đèn dầu le lói của một cái lán... Đó là cái lán của các anh biên phòng chốt vùng giáp ranh giữa 2 bên, vừa tăng gia sản xuất, vừa ở để canh thú rừng phá hoại.

Tôi ngã khụy trước ngõ và la to *“Cứu em với!!!”*. Có hai anh chạy ra cổng vào lán, khi biết sự tình và xem xét vết thương, các anh lấy dây thun (cắt từ ruột xe) băng ga-rô vào đui cho tôi và thay phiên công tôi đến trạm xá của đơn vị các anh gần đó. Cũng rất may là trạm xá

còn thuốc chống nọc độc. Sau khi chích cho tôi vài mũi chống nọc độc và uống thuốc, trạm xá cho tôi nằm lại điều trị...

Không biết tin tức truyền thế nào mà đến đơn vị tôi là: *"Thằng N. bị rắn cắn chết đêm qua rồi, đơn vị cử người ra nhận xác"*. Các anh trong đơn vị sững sờ. *"Mới tối qua nó còn ngồi với tụi tao trước khi đi mà!"*. Các anh rất thương tôi vì 1 cậu bé em út của đơn vị vừa từ ngoài Bắc bổ sung vào, còn trắng trẻo thư sinh và ngây thơ lắm (đương nhiên là đẹp trai hơn mấy anh sốt rét rừng kinh niên...). Anh Võ Đình Hảo vừa khóc vừa chạy mấy cây số đường rừng ra tận nơi (anh Hảo bây giờ đã về hưu, hiện làm bảo vệ cho 1 công ty ở Quang Trung). Khi anh thò đầu vào lán, thấy tôi đang nằm, nhìn thấy anh tôi nhoẻn cười chào... Anh thở hắt ra, nói *"Vậy mà thằng nào ác ôn độc miệng đồn mày chết rồi"...*

Sau khi chữa trị, nọc độc đồn ra chỗ vết cắn như một trái nho chín mọng đen thui. Cũng may trước khi vào Nam chiến đấu, mẹ tôi mua cho một số thuốc chống độc để phòng thân, nên điều trị vết thương cũng lành dần, ngón

chân khuyết 1 góc ...

Đó là lần đầu tiên tôi giáp mặt với cái chết... Và đã trở về bình an. Bây giờ, thỉnh thoảng anh em đơn vị cũ gặp nhau, tôi vẫn gặp lại anh Hảo. Anh không phải là người cứu mạng tôi, nhưng tôi cứ nhớ mãi tình cảm anh dành cho tôi ngày ấy. Đúng là khi ta gặp hoạn nạn mới càng thấy rõ tình cảm đồng đội với nhau...

2. Lần đầu ra trận...

Trước khi tham gia các trận đánh ở miền Tây Nam Bộ, việc đầu tiên của chúng tôi là tập... chèo xuồng. Xuống miền sông nước mà không biết bơi, hoặc chèo xuồng là... thua. Chúng tôi tập chèo xuồng, chống xuồng ở Ba Thu (nhìn trên bản đồ ở vùng Tây Ninh, cái mỏ nhô ra giáp ranh Cambodia). Lần đầu chèo xuồng, xuồng cứ quay vòng vòng. Quạt mái chèo hai bên thì xuồng đi hình chữ chi rỗng rần như say rượu. Còn chống xuồng thì cái sào cắm chặt xuống bùn, xuồng đi... người ở lại. Mỗi lần rơi xuống nước, leo trở lại xuồng là lo... ngồi gờ đũa. Đũa ở Ba Thu to như ngón tay cái, rất nhiều, ngồi trên xuồng thấy chúng bơi lội tung

tăng dày đặc dưới nước...

Sau một tuần tập luyện thì chúng tôi bơi xuống thành thạo chẳng khác dân miền Tây. Khi quạt mái chèo xuống nước, xoay cổ tay móc nhẹ dưới bụng xuống như cái bánh lái, là con xuống chạy thẳng băng. Chống xuống cũng chỉ cần cầm nhẹ, vừa đẩy vừa rút nhẹ sào là cái xuống chạy ngon ơ. (Bây giờ ngồi xem phim VN, thấy mấy anh bộ đội diễn viên chèo xuống quạt mái chèo hai bên, xuống đi uốn lượn kiểu rồng rắn, lại thấy buồn cười).

Bắt đầu hành quân xuống Kiến Tường chiến đấu (nay là Đồng Tháp). Trời nhập nhoạng bắt đầu hành quân (vì ban ngày dễ bị máy bay phát hiện). Mỗi người đeo hơn 30 kg: gạo, vũ khí, đạn dược. Lính bộ binh chỉ hành quân bộ. Xuống chỉ dành cho hậu cần và cán bộ chỉ huy cao cấp. Chúng tôi vượt sông Vàm Cỏ Đông và Vàm Cỏ Tây. Buổi tối trời đen thui, chẳng thấy bờ sông, chỉ nghe sóng vỗ ì oạp. Cởi hết đồ bọc vào cái bông may bằng tăng nhựa dán kín, bên trong bọc mấy lớp nylon để khi thả xuống nước nổi như cái phao. Cột chặt cổ bông và hai góc

đáy, đeo như ba lô. Hầu như là lính tráng khóa thân tổng ngừng hết, vì giữ quần áo khô để sang sông mặc. Đơn vị chiến đấu cũng chẳng có nữ, việc gì mà mắc cỡ. Gác súng ngang hông, chúng tôi bơi qua sông. Từng tốp 3 người trông chừng nhau, người bơi giỏi kèm người bơi yếu. Khi gặp sự cố tuyệt đối không được kêu to, vì bị lộ là pháo dập tới ngay, thương vong rất lớn. Trên bờ sông cứ cách khoảng 1km lại có chốt gác của lính Sài Gòn. Ban đêm, tiếng động vang xa nghe rất rõ. Thực tế có người (do chủ quan làm bông không kín bị lọt nước, hoặc cột dây không chặt, ra giữa sông bị sóng đánh bung phao), bơi đuối quá đã âm thầm chìm vào dòng sông, không hề kêu cứu, để bảo vệ bí mật cho cả đơn vị. Qua sông kiểm lại người thấy thiếu mới biết vừa mất đi một người đồng đội (mặc dù 3 người bơi gần nhau, nhưng ban đêm bơi giữa sông, rất khó quan sát để cứu kịp thời)... Ban ngày trú tạm trong các lùm cây, ban đêm hành quân tiếp...

Lần đầu tiên tôi được biết đến Đồng Tháp Mười...

Một cánh đồng cỏ nhìn ngút tầm mắt

như bất tận. Có cảm giác như đứng trên con tàu giữa biển khơi nhìn ra bốn hướng mênh mông. Mặt trời đã khuất bóng chiếu hắt lên bầu trời những tia nắng như những rё quạt màu vàng cam sẫm. Vân mây nhuộm màu hồng, cam, tím tuyệt đẹp. Cỏ lăn, cỏ lác cao ngang tầm đầu người, nước ngập ngang bụng. Từng đoàn người sừng vác trên vai lội nước vệt cỏ mà đi... Tôi còn nhớ mãi khung cảnh hùng vĩ này, định bụng sau này sẽ vẽ một bức tranh sơn dầu hoặc tranh sơn mài thật lớn về cái hình ảnh hành quân trong ánh hoàng hôn tuyệt đẹp mà tôi được chứng kiến ...

Trời sụp tối rất nhanh, chỉ còn nhìn thấy khoảng 20 mét xung quanh. Phải bám đuôi nhau thật sát mới không bị lạc lối giữa đồng nước mênh mông này. Chỉ cần tụt tạt lại một chút, đoàn người đi mất hút là không thể tăng tốc theo nổi, và không biết đi hướng nào nữa (trời tối, cỏ che cao kín lối đi). Mệt mỏi mấy cũng phải cố lội. Thỉnh thoảng bước ngang vài bước, vục tay chỗ nước trong để tấp lên mặt cho tỉnh táo, rồi lại nối tiếp đoàn quân. Đôi lúc hụt chân xuống một cái hố, lập tức cái bóng nổi

như cái phao trên lưng, quấy đạp vài cái đến khi bàn chân tiếp đất bên kia hố. Tới chỗ được nghỉ giải lao, nước vẫn ngập ngang bụng, không ngồi nghỉ được nên đành cúi lom khom cho cái bông nằm gọn trên lưng, thả lỏng quai để nhẹ 2 cái vai. Súng ống thì quẹt ngang một cái là cò rập xuống, để súng nằm trên cỏ... Hết 15 phút nghỉ rồi lại đi... Chẳng còn gì là lãng mạn, chỉ còn biết đi như một cái máy...

Khi ở đường chân trời lờ mờ hiện lên một bóng cây nào đó, lòng lại khấp khởi mừng, chắc là sẽ được nghỉ ngơi (vì có cây là có mô đất khô ráo). Càng gần đến càng mừng. Tự động viên mình *"cố lên, cố lên, chỉ còn vài trăm mét nữa thôi"*... Thế nhưng đoàn quân vẫn đi, lại mênh mông đất trời, người xì xuống như quả bóng hết hơi, lại đi lằm lũi... Cứ thế trong đêm bao lần hy vọng, bấy nhiêu lần thất vọng. Vì từng chặng đường đi phải tính toán kỹ, sao cho tới nơi tập kết quy định trước khi trời mờ sáng...

Cho đến giờ tôi vẫn nhớ những cảm xúc ấy. Và không hiểu vì sao mình có thể vượt qua

được những đêm như thế. Bây giờ có cả vài chục cây vàng cũng không thể thực hiện lại nổi...

Khi tiếp cận mục tiêu thì trời đã mờ sáng. Ăn tạm thanh lương khô mang theo. Khu vực này có căn cứ Chi khu 75, thuộc huyện Tuyên Nhơn, Tỉnh Kiến Tường (cũ). Đây là trận đánh đầu tiên kể từ khi tôi vào chiến trường. Vô cùng hồi hộp...

Bộc phá mở rào nổ. Lệnh xung phong! Tôi nhớ lại các bài tập luyện trên thao trường, nhớ lại các cuộc chiến đấu trên phim ảnh Liên Xô được xem hồi bé, người lính ào ào đạp dây kẽm gai xung phong, trông thật... hoành tráng và oai hùng. Tôi cũng kẹp nách khẩu súng AK lao nhanh lên phía trước. Bỗng vài tên địch thấp thoáng chạy xa xa, tôi điểm xạ đúng bài bản 2 viên một, nhưng cũng chẳng biết có trúng ai không nữa... Chợt có một cảm giác hơi là lạ, liếc xung quanh, sao chẳng thấy ai chạy cùng mình. Tính đứng lại xem sao thì nghe tiếng hét phía sau: "*Chạy tiếp đi!*". Yên tâm có đồng đội ở gần mình, tôi tiếp tục xung phong

lên phía trước...

Nghe tiếng hô tiểu đội trưởng: *"Đứng lại, N."* tôi dừng lại. Anh chạy đến mặt tái mét, quát: *"Mày chạy đi đâu vậy hả?"* - Tôi đáp: *"Dạ, em... xung phong theo lệnh mà!"*. Anh ta quát: Mày nhìn lại sau lưng mày coi!...

Tôi ngoái lại phía sau... Trời đất quỷ thần thiên địa ơi... Ông bà, cha mẹ, anh chị em ơi... Mồ hôi tôi toát ra như tắm, một luồng điện lạnh toát sống lưng...

Tôi vừa mới thoát chết trong gang tấc... Tôi vừa chạy qua một bãi mìn.

Một vài tấm biển nhỏ bằng nửa bàn tay màu xanh đậm cắm thấp lẩn trong cỏ ghi chữ *"mine"* và dấu hiệu *"đầu lâu 2 xương chéo"*.

Thì ra trong lúc mừng tượng cách xung phong như trong phim ảnh, tôi chạy mà đâu có quan sát. Ở thao trường cũng đâu có dạy về bãi mìn như thế này...

Tiểu đội trưởng đã hoàn hồn mới nói *"Hồi nãy tao thấy mày chạy mà kêu không có kịp. Đến lúc vào bãi mìn rồi mày định dừng lại tao hô mày chạy tiếp, may mắn thì thoát. Chứ"*

mày đứng lại giữa bãi mìn, hoảng hốt rồi trí thì có khi lại bị “dính” mìn. May cho mày đấy! ”.

Vâng, chỉ có may mắn mới cứu đời tôi

Sau này bà ngoại tôi nói khi tôi đi bộ đội, tối nào bà cũng tụng kinh cầu nguyện hương hồn ông ngoại linh thiêng phù hộ độ trì cho cháu trai cưng. Cám ơn ông ngoại đã hóa giải bãi mìn giúp tôi. Để cuộc đời không mất đi một hoạ sĩ biếm. Để bây giờ tôi có thể ngồi viết lại câu chuyện này.

Có thể nói trong chiến tranh, đó là sự may mắn. Không ai có thể biết ngày mai, hoặc ngay sau đó mình sẽ ra sao. Chính vì vậy, tình đồng đội thương nhau hơn cả anh em ruột. Tình đồng đội là một từ thiêng liêng và cao cả đối với tất cả những ai đã trải qua đời lính chiến.

3. Trúng bom

Trận ấy xảy ra tại Đức Hòa-Đức Huệ (Long An) bây giờ...

Sáng hôm ấy địch bao vây và chúng tôi chống trả quyết liệt. Khoảng 10g sáng, tiếng súng thưa dần và vòng vây giãn ra. Đây là dấu

hiệu cho thấy chúng sẽ lui ra gọi pháo bắn hoặc kêu máy bay thả bom “*dầm nát*” chúng tôi.

Quả nhiên 10 phút sau, chiếc “*chuồn chuồn*” OV.10 bay vòng vòng thám thính rồi bắn xuống trận địa của chúng tôi 1 trái đạn khói màu làm điểm. Phía chân trời đã ầm ì vọng lại tiếng máy bay phản lực.

“*Tất cả xuống hầm coi chừng chúng ném bom*”.

Công sự hình chữ Z của tôi có 5 người. 3 người xuống trước, còn tôi và một đồng đội khác ngồi trên miệng công sự quan sát. Phút chốc, bầu trời như bị xé toạc bởi tiếng gầm rú của đám máy bay phản lực. Chúng bay vòng rồi bắt đầu lao xuống cắt bom vào điểm khói màu...

Một chiếc F.105E bổ nhào về phía tôi. Hai trái bom tròn như 2 trái ổi đen thùi lúi tách khỏi máy bay phóng xuống... Tôi đã vài lần bị chịu đựng các trận bom, nhưng chỉ bị gần gần thôi. Kinh nghiệm chiến trường cho thấy, nếu nhìn thấy trái bom dài như trái dưa, thì bom sẽ bay qua đầu mình. Còn nhìn trái bom tròn xoe

như thế này là nó sẽ rơi ngay chỗ mình.

“Bom đấy! Ngồi chống bom!”... Tôi la to và cùng người bạn nhảy ào xuống công sự.

Ngồi chống bom là kiểu tư thế ngồi xồm, bó gối, úp mặt xuống, hai tay vòng khóa nhau ôm đầu. Kiểu ngồi này, nếu chẳng may bị đất vùi thì vẫn có chỗ trống để thở tạm trong thời gian bị lấp.

Chúng tôi không nghe thấy tiếng nổ. Chỉ thấy mặt đất rùng rùng, không gian như chao nghiêng. Thân thể như nhẹ bỗng, bay lơ lửng. Ngực bị ép mạnh, máu mồm máu mũi trào ra, rồi một bóng tối bao trùm ụp xuống... Chúng tôi bị ép chặt trong hầm... như một hộp cá mòi...

Khi tôi mở mắt ra thì đã thấy đồng đội bao quanh mừng rỡ. Đồng đội đã kịp thời đào bới chúng tôi lên từ cái công sự bị vùi lấp. Tôi nhìn quanh, bàng hoàng ...

Trước khi bị bom, công sự của chúng tôi nằm gần mấy bụi chuối và cây cối... Bây giờ cảnh vật đã tan hoang như bình địa. Cây cối bị lật ngửa gốc rễ, hoặc chặt ngọt như một nhát

dao sắc vừa chém ngang thân...Thân cây còn ứa dòng nhựa như dòng máu.

Công sự của chúng tôi nằm giữa 2 hố bom sâu hoắm, đường kính mỗi hố khoảng 10m. Tâm hố bom gần nhất cách căn hầm của tôi khoảng 5-6m, miệng hố bom vừa chớm tới miệng hầm.

Cha mẹ ơi, Tổ quốc ơi,... Nếu như quả bom này bay lệch lên thêm 4-5m nữa, là nó thối bay căn hầm của chúng tôi đi rồi. Căn hầm bị sức ép ép chặt lại, không còn nhận ra nữa...

Lại một lần may mắn thoát chết. Bom nổ quá gần nên sau đó anh em chúng tôi bị tức ngực vài tháng, có khi ho ra máu. Tai bị ù như người điếc. Cũng may là nó tự khỏi.

Cứ tưởng tượng nếu trái bom nó "búng" mình đi như thế nào... Chắc là "*lãng mạn*" lắm.

4. "Dàn nhạc Tân Tây Lan"

Có lẽ trên thế giới này không ai đánh nhau kiểu nhà giàu bằng cái anh Mèo. Gây chiến tranh ở đâu là cứ ào ào đổ vũ khí đạn dược vào như cái thùng không đáy.

Trong khi mấy anh Việt Cộng nhà mình bắn dè sẻn từng viên đạn, mới để ra cái chiêu bắn điểm xạ, nghĩa là để súng AK ở nấc bắn liên thanh, nhưng tập luyện làm sao cho mỗi lần ngoéo ngón tay là ra đúng 2 viên thôi. Theo nguyên lý sức giạt phản lực thì mỗi lần bắn nòng súng sẽ giạt lên 1 chút và viên thứ 3 sẽ bị bắn lên trời, là lãng phí đạn. Tiếc từng viên đạn nhỏ vậy đó. Đó là mồ hôi xương máu của nhân dân đóng góp mà.

Còn mấy anh Mẽo thì bắn cứ gọi là bắn là nguyên băng, súng M.16 nhấn cò cái rẹt là đi 1 băng (mà có khi chẳng trúng đích). Máy bay đội bom ở đâu là cũng chơi cả chùm...

Mấy anh lính chư hầu của Mẽo tham chiến tại VN: Đại Hàn, Tân Tây Lan,... cũng nhiễm cái tính công tử giàu sang hoang phí thế. Câu chuyện mà tôi kể dưới đây là về dàn đại bác của tụi lính Tân Tây Lan. Đây là những trận địa pháo 105mm và 155mm gồm mười mấy khẩu một cụm.

Ngoài việc bắn phá các địa điểm trong vùng giải phóng và các khu vực nghi vấn có Việt

Cộng, chúng thường canh sẵn một số tọa độ mà cho là Việt Cộng nhà ta hay qua lại, thỉnh thoảng bắn dồn dập chừng 30-45 phút không dứt, chẳng cần biết lúc ấy có người ở đó hay không? Anh em chiến sĩ quân giải phóng thường gọi đùa là “Dàn nhạc Tân Tây Lan” đang biểu diễn. Sau này chết tên gọi, bất cứ dàn pháo nào bắn kiểu đó cũng gọi là Dàn nhạc Tân Tây Lan luôn.

Hôm đó, tôi đang trên đường đi công tác, giữa đồng không mông quạnh, đang tìm phương hướng thì không biết lơ ngơ thế nào mình lại đứng ngay cái tọa độ chết mà “dàn nhạc” đã canh sẵn. Bắt đầu nghe tiếng pháo đê-pa phía xa: “kuum”, “kuum”, “kuum”... là vài giây sau nghe... “xọt”... “đòang” những tiếng nổ chát chúa cách chỗ đang đứng vài chục mét. (Kinh nghiệm chiến trường là nghe tiếng đạn bay như tiếng huýt gió thì nó bay qua đầu rồi, không sao. Hồi ở rừng ngủ võng, say sưa thế nào không biết chứ cứ nghe đạn pháo rít là lập tức mọi người lật sấp rơi xuống đất, hai tay hai chân chống xuống như tập hít đất, rồi nhào ngay xuống hầm trú ẩn, thành một phản xạ tự

nhiên trong lúc 2 mắt vẫn còn nhắm tít).

Biết là bị “lọt ổ pháo” rồi, lập tức tôi nằm sấp ngay xuống đất. Liếc xung quanh, thấy có khu đất trũng như ổ gà (sao lúc này mong có mấy cái ổ gà ổ voi thế không biết), lập tức trườn ngay đến, toàn thân ép sát xuống đất như một con thằn lằn, tránh nhô cao để hạn chế thương vong. Ngay cả cái đầu cũng phải nghiêng một bên cho nó “mỏng” bớt độ cao.

Bắt đầu là các tiếng đề-pa liên tục “kuum...kuum...kuum...” phía chân trời (nghe như *“Tiếng chày trên sóc Bom Bo”*) và tiếng rít chói tai của những trái đạn pháo như một bầy sói lao tới. Tiếng nổ chát chúa liên tiếp như xé tạc màng nhĩ, mảnh đạn văng vù vù như đàn ong đang bay gần. Liếc xung quanh thấy không chỗ nào thấp hơn nữa, tôi chỉ còn biết nằm tại chỗ mà cầu khẩn; *“Lạy Trời! Lạy Trời! trái tới đừng rớt... trúng lưng con... Lại trái nữa này... Lại trái tiếp nữa này... Đừng trái nào trúng nhé...”*

Thỉnh thoảng lại nghe một tiếng “keng”. Một mảnh đạn va vào cái xẻng buộc ngang cái

bồng đeo trên lưng. Hên là cái xẻng cao hơn cái đầu. *“Sao nó cứ bắn hoài dai như đĩa thế này. Lạy Trời cho nó... hết đạn đi cho rồi”*.

Thời gian kéo dài như một cực hình. Cuộc vui nào rồi cũng đến hồi kết thúc. Cho đến khi tiếng nổ cuối cùng chấm dứt, tôi lập tức vùng dậy cầm đầu cầm cổ chạy tốc độ ra khỏi *“tọa độ chết”*, vì chẳng biết khi nào nó hứng lên lại bắn tiếp.

Hú hồn hú vía. Không có trái nào trúng lưng.

Một điều may mắn đặc biệt là bữa đó nó không bắn pháo chụp. Pháo chụp là loại đạn pháo nổ lần hai trên không trung, tất cả miếng pháo chụp xuống đất như một cái nơm cá. Loại này dùng để sát thương lính bộ binh nằm trên mặt đất, không có hầm trú ẩn, có mà chạy dang trời. Bữa đó không có thằng pháo binh nào vô duyên nhớ ra, chứ mà nó bắn vài trái pháo chụp thì... đời tôi tiêu rồi.

Lại một lần may mắn bị Thần Chết... vồ hụt.

Bây giờ đi coi bắn pháo hoa, nghe tiếng

nổ lụp bụp lụp bụp trên trời, từng trái pháo nổ bung ra, tôi lại nhớ cái cảm giác lạnh lưng lần ấy...

Tôi đã vài lần gặp may mắn thoát chết.

Nhưng tiểu đội trưởng của tôi thì không may mắn. Anh tên Phong, người Hải Dương, vào Nam chiến đấu trước tôi 2 năm. Anh có khuôn mặt rất đàn ông, trắng trẻo, đẹp trai.

Trong 1 lần đi công tác tháng 3/1975, nhóm tôi gồm 5 người đi một hàng dọc. Tôi đi đầu (vì tôi có thể định vị hướng đi trong đêm và trí nhớ tốt), anh Phong đi kế tiếp và những người còn lại đi sau. Trăng sáng mờ mờ, chúng tôi vừa đi vừa nói chuyện khe khẽ vì chưa đến vùng nguy hiểm... Bất chợt, một tiếng carbin (loại súng cổ lỗ chỉ có lính địa phương quân của Sài Gòn sử dụng, lính chính quy không thèm xài mà thường dùng M.16) nổ "độp". Chúng tôi đã vô tình bị lọt vào ổ phục kích. Triển khai đánh trả thì tụi địch rút chạy. Quay lại thấy anh Phong bị đạn, anh thều thào "*Đau quá, chắc tao chết mất!*" Đồng đội băng bó cho anh nhưng... 10 phút sau thì anh tắt thở. Chúng tôi

chôn cất anh trên bờ kênh Nguyễn Văn Tiếp.

Một lần nữa, tôi may mắn không trúng đạn vì tôi là người đi đầu (không biết hướng nào bắn tới). Cái chết đã tránh tôi, nhưng lại ập lên đầu người đồng đội của tôi...

Một may mắn không được vui...

Gần 2 tháng sau, đất nước được hoàn toàn giải phóng.

Nhưng đó cũng không phải những người chiến sĩ cuối cùng hy sinh vì đất nước.

Năm 1978, bè lũ Pol Pot gây chiến tranh biên giới phía Nam. Năm 1979, bè lũ bành trướng bá quyền Bắc Kinh tiếp tục xua quân xâm lược biên giới phía Bắc... chúng tôi tiếp tục chiến đấu chống quân thù để bảo vệ mảnh đất thiêng liêng của Tổ quốc. Máu các chiến sĩ đổ xuống để cho đất nước hoà bình, đó là hạnh phúc là niềm vui của cả dân tộc Việt Nam.

Nhữ Đình Ngạn

CHUYỆN CỦA NHỮNG PHI CÔNG THAM GIA CHIẾN ĐẤU BẢO VỆ BIÊN GIỚI TÂY NAM

Về xã Đông Huy, huyện Đông Hưng, Thái Bình hỏi ai cũng biết Đại tá Nguyễn Văn Kháng, người phi công được phong danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân (AHLLVT) do có những thành tích xuất sắc trong cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam, làm nhiệm vụ quốc tế khi mới 30 tuổi.

Chuyện chuyển loại trong 1 tháng

Chiều Đông mưa lách nhách, chúng tôi tìm về nhà Đại tá Nguyễn Văn Kháng. Biết trước nội dung mà chúng tôi trao đổi từ cuộc điện thoại, vẫn giữ tác phong nhà binh, ông không rườm rà mà vào chuyện ngay.

Theo lời kể của ông, đầu tháng 5-1975, ông là một trong những phi công đầu tiên ở đội

hình tiếp quản sân bay Biên Hòa. *“Lúc ấy ngồn ngang lắm, máy bay nằm la liệt ngoài đường bay, xe máy, súng đạn vứt lung tung. Tàn quân vẫn còn ẩn náu trong các khu rừng xung quanh sân bay nên phi công chúng tôi đi đâu cũng kè kè khẩu AR15 để tự vệ. Trong trường hợp đánh nhau to, phi công phải chui hết vào trong hầm, để anh em vệ binh chiến đấu bảo vệ”* - Ông Khánh nhớ lại và hồi tưởng: *“Vất vả nhất là tiếp thu F-5”*.

Theo lời ông kể, sau ngày 30-4-1975, số máy bay tiêm kích phòng không F-5 do Mỹ sản xuất bỏ lại sân bay Biên Hòa lên đến trên 40 chiếc. Nhiệm vụ của trung đoàn 935 là vừa sử dụng Mig-21 làm nhiệm vụ trực ban sẵn sàng chiến đấu, vừa chuẩn bị khai thác sử dụng máy bay chiến lợi phẩm F-5. Ông Khánh được phân công vào Đại đội 2 sử dụng máy bay F-5. Được giao nhiệm vụ làm chủ máy bay F-5 trong thời gian ngắn nhất, các phi công quen với Mig đều ngỡ ngàng từ những chỉ dẫn cho đến tính năng, tác dụng, phương pháp điều khiển... *“Không 1 ai biết tiếng Anh ngoài anh Nguyễn Thành Trung, nên chúng tôi phải nhờ hết vào các giáo*

viên là nhân viên kỹ thuật chế độ cũ. Ban ngày thì các anh ấy dẫn ra tìm hiểu, làm quen máy bay. Tối thì họ tập trung dạy tiếng Anh để phi công giải phóng biết các đồng hồ trong buồng lái và bập bẹ đọc tài liệu” - Ông Kháng cười.

Không có giáo viên bay, Quân chủng phải chỉ định phi công Nguyễn Thành Trung làm “thầy dạy”. Khổ nỗi, phi công Nguyễn Thành Trung trước giờ chỉ lái máy bay F-5A chiến đấu 1 chỗ ngồi, nên phải lấy chiếc F-5B 2 chỗ ngồi chuyên huấn luyện phi công để Nguyễn Thành Trung ngồi buồng trước điều khiển, phi công Nguyễn Văn Nghĩa ngồi buồng sau quan sát xem chuyển động ra sao rồi về dạy. Ngày 27.5.1975, chuyến bay đầu tiên của “phi công giải phóng” đã thành công, mở đầu cho việc tự chuyển loại cho 36 phi công làm chủ máy bay F-5 chỉ trong vòng 1 tháng, khiến nhân viên kỹ thuật cũ kinh ngạc thốt nên “giỏi dữ vậy”.

Đến giai đoạn chuyển loại máy bay chiến đấu, phi công Nguyễn Văn Nghĩa và Nguyễn Văn Kháng ngồi trên F-5B bay cùng Mig-17 để kiểm tra, so sánh tính năng, chuyển

ứng dụng bài bay từ Mig-21 sang và học tập, rút kinh nghiệm trong đơn vị. Thời điểm đưa F-5 vào trực ban chiến đấu, đúng lúc cả đơn vị bị dịch sốt xuất huyết, chỉ còn 4 phi công làm nhiệm vụ (trong đó có ông Kháng) nên ngày nào cũng trực ngoài sân bay.

Ngày xuất kích tới 3 lần

Tháng 5-1978, PolPot sử dụng lực lượng lớn tấn công xâm lấn biên giới ta từ Hà Tiên đến Tây Ninh. Trung đoàn 935 (khi đó thuộc Sư đoàn 372) được giao nhiệm vụ tham gia chiến đấu trên các hướng, trực tiếp chi viện hỏa lực cho 4 quân đoàn (3,4,7,9). Ngày 6-5-1978, Trung đoàn 935 xuất kích 8 lần chiếc F-5E phối hợp với lực lượng của Trung đoàn 937, 917 đánh địch. Trong trận đầu này, Thượng úy Nguyễn Văn Kháng bay trong đội hình biên đội 1 cùng phi công Dương Đình Nghi. Biên đội 2 gồm 2 chiếc F-5 do các phi công Nguyễn Thanh Xuân và Hoàng Hữu Hiền điều khiển.

Nhớ lại trận đầu này, ông Kháng cho biết: *“Rất lo lắng và hồi hộp vì lần đầu tiên mang những 2 tấn bom đi ném. Cái nút ấn bom*

ngay cần lái, sơ ý chạm vào là dễ ném vào đồng đội mình. Sợ nữa là không tìm thấy mục tiêu vì đây là lần đầu tiên Không quân làm nhiệm vụ đánh bom theo lệnh gọi (trình sát mặt trận chỉ mục tiêu, mình kẻ trên bản đồ, bay tìm mục tiêu) trên địa bàn rộng lớn. Mình bay cao vậy mà vẫn thấy súng phòng không nó bắn dày đặc dưới bụng. Thả xong bom, nghe trình sát báo đã trúng mục tiêu, mới thở phào nhẹ nhõm”; ông tươi cười: “Lúc ấy có nhiệt huyết của tuổi trẻ, có ngày xuất kích đến 3 lần và buổi trưa không ăn được gì vì quá mệt mỏi”.

Ông bảo: “Từ tháng 5-1978 đến tháng 1-1979, tôi đã tham gia đánh 45 trận, cùng biên đội diệt gần 400 tên địch; phá hủy 6 xe M113, 12 súng 12,7 ly và 2 pháo 40 ly; phá hủy nặng căn cứ hậu cần ở Tây-Bắc Xvây-riêng, nhiều trận địa pháo trên cảng Công Pông Xom, diệt nhiều cụm hỏa lực địch trên đảo Cô Công tạo điều kiện cho bộ binh, hải quân ta diệt địch được thuận lợi, ít bị thương vong, làm chủ chiến trường, thu nhiều vũ khí đạn dược. Riêng tôi đã đánh chìm và làm hỏng nặng 3 tàu trên sông Công Pông Chàm; phá hủy 5 xe vận tải, 2

trận địa pháo và diệt nhiều địch”.

Trận đầu ra quân ngày 6-5-1978, ông cùng đồng đội vượt qua nhiều khu vực hỏa lực phòng không, bắn ném vào đội hình địch, bẻ gãy cuộc càn quét của chúng ở vùng Tà-Nốt Xa Mát (Tây Ninh); ngày 26-5-1978, cả sư đoàn địch ở khu vực Prây Viêng định đánh sang biên giới ta, ông đã cùng biên đội xuất kích 3 lần, dũng cảm bay thấp, chọn mục tiêu chính xác, bắn ném bom chính xác vào các mục tiêu, diệt hàng trăm tên địch, phá hủy 6 xe M113, 12 súng 12,7 ly, 2 pháo 105 ly; ngày 3-1-1979, địch rút khỏi Prây Viêng về Niếc Lương chống cự, ông cùng biên đội bay thấp, bất ngờ bắn phá trúng trận địa pháo, bãi đỗ xe của địch ở thị trấn Niếc Lương. Khi quay về thấy phà tàu địch chạy trên sông, ông đã đánh trúng 1 phà, 1 tàu.

“Gian nan nhất là mấy ngày đánh đảo Cô Công” - Đại tá Kháng kể lại: Hải quân đánh bộ chiến đấu mấy ngày liền nhưng không chiếm nổi, phải yêu cầu không quân chi viện. Từ Biên Hòa đến mục tiêu phải bay 2 tiếng đồng hồ, bắn ném xong phải bay về luôn vì sợ

hết xăng, cái mũ bay nặng như chì. Khu vực này giáp Thái Lan, thấy rõ máy bay tiêm kích Thái Lan bay dọc biên giới, chỉ cần mình sơ ý lạng sang không phận là họ nổ súng. 3 ngày đêm liên tục bắn ném các mục tiêu trên đảo Cô Công, trận cuối khi hải quân đổ bộ, cấp trên còn lệnh cho F-5 bay trên đầu đội hình tàu chiến để khích lệ tinh thần bộ đội... tuy tầm hoạt động xa, thời tiết xấu, trên đảo có nhiều trận địa phòng không, tuy nhiên, ông vẫn cùng biên đội phá hủy 3 trận địa pháo, đánh chìm 1 tàu chiến, chi viện đặc lực cho hải quân ta chiếm đảo.

Kiên định với cách mạng

Năm 1993 theo yêu cầu nhiệm vụ, ông được trên phân công biệt phái sang Hàng không dân dụng công tác và được đề nghị nhận chức Giám đốc sân bay Nội Bài, tuy nhiên, ông xin sang Trung tâm Tìm kiếm cứu nạn Hàng không. 16 năm đầu đầu với việc cứu hộ, cứu nạn - đào tạo cán bộ nhân viên hàng không, năm 2009 ông về nghỉ hưu với chức danh Phó Giám đốc Trung tâm.

Bây giờ đã gần 70 tuổi, nhưng hằng ngày ông vẫn chạy xe máy cả chục km đến với các hội viên cựu chiến binh, cây hoa cảnh... và đôn đáo với việc xây dựng kênh mương nội đồng, đường đi lại trong xóm để chuẩn bị cho thành quả nông thôn mới của xã. Ngồi nói chuyện với tôi về những ngày chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam, làm nhiệm vụ quốc tế tại Campuchia, ông chợt buồn: *“Số 2 đầu tiên của tôi là phi công Lâm Văn Chí, sinh năm 1947 ở Phước Hải, Đất Đỏ, Bà Rịa - Vũng Tàu. Hồi học bên Liên Xô (trước đây), giảng viên đã định cắt bay nhưng Chí cương quyết rằng, quê đồng chí ấy ở trong miền Nam, nhà đồng chí bị giặc giết chết hết chỉ còn 2 bố con, nên đề nghị cấp trên cho tiếp tục học bay để về chiến đấu đánh thắng quân thù để đất nước thống nhất đất nước và đi tìm mộ chí người thân”*.

Ông Kháng kể: *“Trong trận đánh vào đội hình quân PolPot xâm lược ngày 11-8-1978 ở Xa Mát (Tây Ninh), chúng tôi lao xuống cắt bom, khi vòng lên tôi gọi mãi không thấy Chí trả lời. Về đến sân bay vẫn gọi và thấy im như tờ. Mấy hôm sau, anh em bộ binh mới tìm thấy*

máy bay bị súng phòng không của địch bắn, Chí vẫn ngồi trên ghế lái. Hôm truy điệu Chí, đơn vị không cho tôi lên dự vì 2 chúng tôi đi đâu cũng có nhau”.

Chiều mùa đông Thái Bình, khói sương bảng lảng và lạnh như cắt. Cùng chúng tôi đi trên cánh đồng quê, phi công Nguyễn Văn Kháng cất tiếng gọi: “Số 2 ơi! Số 2 đâu rồi? Chí ơi Chí? Chí đâu rồi?”. Tiếng gọi lặn dài như buổi chiều hơn 40 năm trước, Tây Nam...

Mai Thanh Hải - Ngô Tiến Mạnh

RA ĐI ĐỂ TRỞ VỀ ANH DŨNG, HIÊN NGANG

1. Cuộc chiến không cân sức

Thời điểm quân bành trướng Trung Quốc tấn công, tổng lực lượng phòng thủ của Việt Nam tại các tỉnh biên giới phía Bắc chỉ có khoảng 50.000 quân. Trong khi đó, quân bành trướng Trung Quốc ước lượng có 600.000 người, gấp ta hơn 10 lần lực lượng tham chiến thực tế của Việt Nam.

***“4 giờ 17 phút ngày 17/2/1979... thành
linh hàng loạt đại bác từ phía Bắc dội tới làm
khắp biên giới bốc lửa ngùn ngụt ...***

***“4 giờ 17 phút ngày 17/2/1979, giữa lúc
nhân dân Hoàng Liên Sơn đang ngủ ngon thì
bất thành linh hàng loạt đạn đại bác từ phía
Bắc dội tới làm khắp biên giới bốc lửa ngùn***

ngọt...”, đó là một phần trong bản tin được báo Quân đội nhân dân phát đi tròn 40 năm trước. Bản tin tường thuật lại thời điểm mở màn cho cuộc chiến khốc liệt kéo dài 30 ngày.

Theo các tài liệu lịch sử, quan hệ Việt - Trung bắt đầu rạn nứt năm 1968. Đặc biệt là sau năm 1972, khi Tổng thống Mỹ Nixon tới thăm Bắc Kinh và đạt được thỏa thuận với Trung Quốc. Tháng 5/1975, Khmer Đỏ cho quân đánh chiếm các đảo Phú Quốc và Thổ Chu rồi tiến sâu vào lãnh thổ Việt Nam, tàn sát hàng nghìn dân thường. Khi Việt Nam vừa thống nhất đất nước, những người lính còn chưa kịp hưởng một ngày yên vui đã phải khoác lên vai cây súng để bảo vệ Tổ quốc.

“Tháng 5/1975, Khmer Đỏ cho quân đánh chiếm các đảo Phú quốc và Thổ Chu rồi tiến sâu vào lãnh thổ Việt Nam, tàn sát hàng ngàn dân thường.

Tháng 1/1979, quân đội Việt Nam tổng phản công trên biên giới Tây Nam, đánh sang Campuchia lật đổ chính quyền Khmer Đỏ. Trung Quốc quyết định dừng viện trợ cho Việt Nam.

Không lâu sau tuyên bố ấy, rạng sáng 17/2/1979, bọn bành trướng Trung Quốc bất ngờ đưa quân tràn qua biên giới, đồng loạt tấn công 6 tỉnh biên giới của Việt Nam từ Lai Châu đến Quảng Ninh. Lúc này, phần lớn bộ đội chủ lực của Việt Nam vẫn đang ở biên giới phía Nam, giúp nhân dân Campuchia chống lại Khmer Đỏ.

Tuy nhiên, mặc dù chênh lệch lớn về quân số nhưng bọn bành trướng Trung Quốc đã vấp phải sự kháng cự dũng cảm của quân và dân ta. Trải qua 30 ngày chiến đấu ác liệt, các lực lượng vũ trang tại chỗ và đồng bào dân tộc 6 tỉnh biên giới Việt Nam đã dựa vào thế trận chiến tranh nhân dân, lấy ít địch nhiều đánh bại *“chiến thuật biến người, thọc sâu phá hoại”* của quân Trung Quốc.

Cụ thể, tại Hoàng Liên Sơn, mờ sáng 17/2, các sư đoàn tuyến 1 của hai quân đoàn Trung Quốc ồ ạt tấn công toàn biên giới từ phía tây bắc đến đông bắc thị xã Lào Cai, bắn pháo dữ dội vào thị xã này và vùng lân cận. Quân bành trướng Trung Quốc cũng đồng thời bắc cầu qua

sông Nậm Thi, cho xe tăng và bộ binh tiến vào thị xã. Dân quân, tự vệ cùng các lực lượng vũ trang ở đây đánh trả quyết liệt. Sau 7 ngày, hai quân đoàn Trung Quốc không qua nổi trận địa đánh chặn, phục kích của quân và dân Hoàng Liên Sơn.

Trong khi đó, tại Cao Bằng, hai quân đoàn của quân bành trướng Trung Quốc tạo nên hai cánh quân lớn tiến đánh thị xã Cao Bằng. Tuy nhiên, cả hai cánh quân đều bị bộ đội địa phương và dân quân Cao Bằng đánh chặn. 3 ngày đầu, quân bành trướng Trung Quốc tại đây đã bị thiệt hại 4 tiểu đoàn, bị phá hủy hàng chục xe tăng, xe bọc thép và buộc phải đưa lực lượng dự bị vào vòng chiến....

Trên mặt trận Lạng Sơn, các cánh quân lớn của bọn bành trướng Trung Quốc chia làm nhiều mũi đánh vào khu vực thị trấn Đồng Đăng. Dù bị bất ngờ song chỉ với lực lượng dân quân địa phương, Việt Nam đã quả cảm chặn đánh. Quân và dân Lạng Sơn bám trụ trận địa, đánh trả mạnh mẽ các mũi tấn công phía trước, phía sau của địch, buộc quân xâm lược phải co về đối phó và bị đẩy lùi ở nhiều mặt

trận...

Trên các hướng Lai Châu, Hà Tuyên, Quảng Ninh, cùng một lúc quân bành trướng Trung Quốc chia các hướng đánh vào nhiều điểm. Hai sư đoàn quân bành trướng Trung Quốc tiến công theo đường 10 vào Nậm Cúm, Phong Thổ (Lai Châu) và đặng độ với lực lượng vũ trang địa phương. Qua hơn 20 ngày, quân bành trướng Trung Quốc vẫn bị chặn ở Phong Thổ. Trong khi đó, ở Hà Tuyên, một sư đoàn quân bành trướng Trung Quốc tấn công vào các đồn chốt biên phòng đã vấp phải sự kháng cự quyết liệt của công an vũ trang, dân quân, bộ đội các huyện Đồng Văn, Thanh Thủy, Mèo Vạc và đồng bào các dân tộc. Tại Quảng Ninh, quân bành trướng Trung Quốc dùng hai sư đoàn bộ binh tiến công vào Pò Hèn, Móng Cái, Cao Ba Lanh, huyện Bình Liêu. Trong hai ngày 19 và

20/2, hai trung đoàn quân bành trướng Trung Quốc đã bị đánh lui, tháo chạy sát về biên giới.

Ngày 5/3/1979, Chủ tịch nước Tôn Đức

Thắng ra lệnh tổng động viên toàn quốc. Cùng ngày hôm đó, bọn bành trướng Trung Quốc tuyên bố *“hoàn thành mục tiêu chiến tranh”* và rút quân. Các nhà quan sát lúc đó cho rằng rút lui là hành động rất khó, có thể gây cho quân bành trướng Trung Quốc nhiều tổn thất nếu bị quân tinh nhuệ Việt Nam phản công. Tuy nhiên, ngày 7/3, thể hiện thiện chí hòa bình, Việt Nam tuyên bố cho phép quân bành trướng Trung Quốc rút quân. Tuy nhiên, quân bành trướng Trung Quốc đã không rút hết quân như tuyên bố vào ngày 18/3. Vì thế, suốt gần 10 năm sau đó, biên giới phía Bắc vẫn thường xuyên xảy ra đụng độ quân sự.

Theo số liệu công bố, trong cuộc chiến này, 62.500 quân bành trướng Trung Quốc (hơn 1/10 tổng số quân được huy động) bị hạ. Hơn một nửa xe quân sự trong đó có 220 xe tăng, xe bọc thép bị bắn cháy, hơn 100 đại bác và súng cối hạng nặng bị phá hủy...

Tuy nhiên, cuộc xâm chiếm của quân bành trướng Trung Quốc cũng gây ra những tổn thất nặng nề cho Việt Nam: một số đô thị

bị hủy diệt hoàn toàn, hàng chục nghìn người thiệt mạng, trong đó có nhiều phụ nữ và trẻ nhỏ. Khoảng một nửa trong số 3,5 triệu dân các tỉnh biên giới phía Bắc bị mất nhà cửa, tài sản...

Tiến Hùng

2. Ký ức những người đi giữ biên cương

Hơn 40 năm đã trôi qua, những người lính trở về từ chiến trường biên giới phía Bắc vẫn lưu giữ vẹn nguyên ký ức những ngày tháng chiến đấu gian khổ, ác liệt và anh dũng. Với họ, đó là một trong những chặng đời rất đáng ghi nhớ để lưu lại cho thế hệ cháu con về một thời oanh liệt của *“Những người đi giữ biên cương”*

“Tiếng súng đã vang trên bầu trời biên giới”

Lời ca và bước chân đưa tiễn của hậu phương đã thôi thúc chúng tôi tiến bước và quyết tâm và quyết tâm sẵn sàng chiến đấu, hy sinh để bảo vệ biên cương.

Ở xã Tào Sơn (Anh Sơn) có 4 cựu chiến binh (gồm Lê Ngọc Tuy, Nguyễn Văn Chiến, Nguyễn Viết Bản và Nguyễn Văn Quế) từng là

lính của Sư đoàn 356 (Quân khu 2). Đây là một trong những sư đoàn tham gia bảo vệ biên giới phía Bắc, chiến đấu tại Mặt trận Vị Xuyên (Hà Giang) gần như suốt thời gian diễn ra cuộc chiến (1979 - 1989). Giờ đây, sau mấy chục năm trở về với quê hương, người tham gia công tác xã hội, người tay cày, tay cuốc nhưng tất cả đều lưu giữ những dòng ký ức thiêng liêng. Mỗi khi gặp nhau, những kỷ niệm chiến trường lại ùa về, những người lính năm xưa như được sống lại trong không khí của chiến trận với bao nỗi vui, buồn.

“Năm ấy, tôi mới nhập ngũ, vừa huấn luyện xong thì nổ ra chiến sự ở biên giới phía Bắc, đơn vị được lệnh lên đường. Có mặt trong đội hình Sư đoàn 316B (Quân khu 4, về sau đổi thành Sư đoàn 356, thuộc Quân khu 2) hành quân từ Nghệ An ra Bắc, dọc đường hát vang khúc ca “Tiếng súng đã vang trên bầu trời biên giới”. Lời ca và bước chân đưa tiễn của hậu phương đã thôi thúc chúng tôi tiến bước và quyết tâm sẵn sàng chiến đấu, hy sinh để bảo vệ biên cương” - ông Lê Ngọc Tụy nhớ lại.

Xuất phát cùng một thời điểm, 4 người con của quê hương Tào Sơn đều thuộc quân số của Sư đoàn 356, tiến thẳng lên Hà Giang chiến đấu với quân xâm lược quân bành trướng Trung Quốc. Dọc đường hành quân, chứng kiến cảnh làng xóm, nhà cửa tan hoang, cây cối ngổn ngang, núi đồi trơ trụi - hậu quả của những trận pháo kích và tập kích của kẻ thù, nổi căm thù dâng lên tột độ.

“Địch thường dùng hỏa lực và pháo kích từ bên kia biên giới vào trận địa, biến những dãy núi đá thành “Lò vôi thế kỷ”.

Ông Nguyễn Văn Chiến kể: *“Tại đây, chiến sự diễn ra vô cùng khốc liệt, địch ý thế quân số đông tràn lên đánh chiếm, quân ta kiên quyết bám giữ từng tấc đất, cả hai bên phải gánh chịu nhiều thương vong, nhiều đồng đội đã hy sinh anh dũng. Địch thường dùng hỏa lực và pháo kích từ bên kia biên giới vào trận địa, biến những dãy núi đá thành “lò vôi thế kỷ”, gây cho ta nhiều thiệt hại. Đơn vị chúng tôi vẫn bám sát trận địa, đẩy lùi từng đợt tiến công của địch, giữ vững từng tấc đất biên cương”.*

Đặc biệt, có những thời điểm giao tranh ác liệt, địch liên tục nã pháo vào trận địa, những người lính của Sư đoàn 356 phải vào hang đá canh giữ và trú ẩn, ăn uống hết sức kham khổ, ghẻ lở khắp người. Vậy nhưng, mỗi khi nhận được lệnh xuất kích, tất cả cùng xông lên chiến đấu, người trước ngã xuống, người sau vượt lên, từng bước đẩy quân thù về bên kia biên giới. *“Hồi đó, chúng tôi ý thức được phía sau mình là đồng bào, là quê hương, đất nước nên không được phép lùi, phải khẳng định quyết tâm chiến đấu, buộc kẻ thù phải nhụt chí”* - ông Nguyễn Văn Quế tâm sự. Sau 3 năm chiến đấu ở Mặt trận Vị Xuyên ác liệt, 4 người lính ở xã Tào Sơn được xuất ngũ, những đồng đội thuộc thế hệ sau tiếp tục chiến đấu trên mảnh đất này.

Người ngã xuống, người sau vượt lên, từng bước đẩy quân thù về bên kia biên giới.

Phía sau mình là đồng bào, là quê hương, đất nước nên không được phép lùi, phải khẳng định quyết tâm chiến đấu, buộc kẻ thù phải nhụt chí.

Cũng trở về từ chiến trường biên giới phía Bắc, cựu chiến binh Bùi Công Dung ở xóm 1, xã Tường Sơn (Anh Sơn) từng là lính đặc công thuộc Trung đoàn 779 (thuộc BTL Đặc công). Trung đoàn hoạt động chủ yếu ở địa bàn Quảng Ninh, nhiệm vụ trọng tâm là phối hợp chiến đấu với các đơn vị bộ binh bảo vệ vành đai Móng Cái. Là đơn vị đặc công nên ông Dung và đồng đội thường được giao nhiệm vụ trinh sát, tổ chức luồn sâu vào lòng địch, nắm rõ địa điểm đóng quân, hệ thống cầu, cống, kho tàng và tìm cách phá hủy.

Có những lần, đơn vị đã tiến sâu vào đất địch khoảng 30 km, nắm được nhiều thông tin quan trọng, tạo thuận lợi cho quá trình phòng thủ của các đơn vị trên các cao điểm gần biên giới. *“Không ít lần chúng tôi đã luồn sâu vào lòng địch để phục kích, đối mặt với quân địch có quân số đông hơn hàng chục lần. Nhờ được huấn luyện kỹ càng và tuân thủ phương án, kế hoạch tác chiến nên đã tiêu hao được lực lượng của địch, gây cho chúng hoảng loạn và buộc phải rút quân”* - ông Dung kể lại.

Cùng với nhiệm vụ chiến đấu, đơn vị của ông Bùi Công Dung còn được giao làm công tác dân vận. Bởi lẽ, cộng đồng người Mán (tên gọi khác của dân tộc Dao) ở vùng biên giới lúc ấy một số ít người dân nhẹ dạ, cả tin bị kẻ thù lôi kéo và trang bị vũ khí để chống lại bộ đội ta.

Những người lính của Trung đoàn 779 phải từng bước tiếp cận các bản làng và cùng ăn, cùng ở, cùng làm với bà con người Mán để vận động. Ban đầu, gặp rất nhiều khó khăn, nhưng rồi trước sự kiên trì, nhiệt tình và chân thành của các chiến sỹ, bà con đã không nghe theo lời xúi giục của kẻ thù. Ông Dung chia sẻ: *“Làm công tác dân vận, “3 cùng” với bà con người Mán, càng hiểu rõ hơn sự thâm độc của kẻ thù. Rất may bà con đã nghe theo lời bộ đội, nếu không cuộc chiến đấu sẽ khó khăn hơn nhiều”*.

Để lại một cánh tay ở Mặt trận Lạng Sơn, ông La Thái Bình - một cựu chiến binh người Đan Lai ở khu tái định cư bản Thạch Sơn, xã Thạch Ngàn (Con Công) luôn tự hào vì được có mặt ở một trong những nơi chiến sự nóng bỏng nhất. Là một trong những người có

mặt sớm tại chiến trường biên giới phía Bắc, ông Bình và đồng đội đã chiến đấu dũng cảm, không quản ngại hy sinh, liên tiếp chống cự và bẻ gãy những đợt phản công của quân bành trướng xâm lược đến từ bên kia biên giới

Rất nhiều đồng đội hy sinh và bị thương nhưng những người còn lại vẫn tiếp tục xông lên chiến đấu

Ông nhớ lại: “Suốt mấy tuần liền, chúng tôi chiến đấu không ngơi nghỉ, băng rừng tìm địch để đánh. Trong một lần hành quân, không may vấp phải mìn của địch, cánh tay trái bị thương nặng, tôi buộc phải chuyển về tuyến sau để phẫu thuật cắt bỏ. Lúc ấy, rất nhiều đồng đội hy sinh và bị thương nhưng những người còn lại vẫn tiếp tục xông lên chiến đấu”.

Có thể nói, thời gian đã lùi xa nhưng những kỷ niệm về những tháng năm tham gia cuộc chiến biên giới phía Bắc luôn còn vẹn nguyên trong trí ức của các cựu binh. Đặc biệt là những người lính trực tiếp cầm súng và chiến đấu đánh đuổi quân thù, bảo vệ biên cương, Tổ quốc sẽ mãi khắc ghi những giây

phút oanh liệt, hào hùng trong trang sử của dân tộc.

Công Kiên

3. Ra đi để trở về anh dũng, hiên ngang

Thực hiện nghĩa vụ thiêng liêng của Tổ quốc, họ đã lên đường chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc, bỏ lại giảng đường, bỏ lại công việc, xa gia đình, bạn bè....

Đến rồi giờ đây, nhìn lại cuộc chiến, dẫu có mất mát, dẫu có hy sinh nhưng với họ, đây vẫn là những tháng ngày đáng nhớ, những ngày họ được sống và chiến đấu hết mình vì biên cương của Tổ quốc...

Xếp bút nghiên ra chiến trường

Những ngày tháng 2 này của hơn 40 năm trước, quân bành trướng Trung Quốc ồ ạt tấn công các tỉnh biên giới phía Bắc của Việt Nam. Sau 30 ngày vấp phải sự chiến đấu anh dũng của quân và dân ta, ngày 18/3/1979, quân bành trướng Trung Quốc tuyên bố rút quân. Tuy nhiên, trong suốt 10 năm sau đó, quân bành trướng Trung Quốc đã không rút hết quân như tuyên bố. Chiến sự vẫn tiếp tục

tiếp diễn, Việt Nam vì thế buộc phải thường xuyên duy trì một lực lượng quân sự lớn dọc biên giới. Trong những năm ấy, hàng vạn thanh niên lần lượt lên đường hướng về biên cương của Tổ quốc. Trung úy Võ Văn Khôi là một trong số đó.

Trong những năm ấy, hàng vạn thanh niên lần lượt lên đường hướng về biên cương Tổ quốc

Ông Khôi nhập ngũ năm 1986, thời điểm mà chiến tranh biên giới Tây Bắc đã gần đến hồi kết. Thời kỳ đó, chàng thanh niên quê xã Nghi Trung (Nghi Lộc) vẫn đang là sinh viên của Trường Quân chính quân đoàn. Đồng đội nhập ngũ cùng với ông lúc đó là những thanh niên chỉ mới ngoài 20; người vừa tốt nghiệp cấp 3, có người thậm chí chưa biết nhiều về cuộc chiến. Họ chỉ biết *“lên đường nhận nhiệm vụ đặc biệt”*.

Sau 3 tháng huấn luyện ở Sóc Sơn, ông cùng các đồng đội được biên chế vào Trung đoàn 165 - Sư đoàn 312. Cũng theo lệnh điều động đặc biệt, thời gian các ông tăng cường sẽ được thực hiện trong 6 tháng. Sau thời gian

trên, mọi người sẽ được trở lại giảng đường, trở về với cuộc sống sinh viên đầy mơ mộng...

... giữa tháng 11 thì trời rét cắt da, cắt thịt

Vị cứu binh này kể rằng, ngày ông Khôi và các đồng đội lên Vị Xuyên - Hà Giang, đầu mùa Đông chưa đến nhưng thời tiết cũng đã bắt đầu khắc nghiệt. Thời điểm đó, nhiều cao điểm của Việt Nam đã lần lượt bị chiếm đóng trái phép. Các sư đoàn như 312, 316, 356 được lệnh giữ lại các điểm chốt, từng bước tổ chức bao vây, đánh lấn dũi và từng bước giành và giữ các vị trí cao điểm. *“Từ giữa tháng 11 thì trời rét cắt da, cắt thịt, điểm trấn giữ của tôi và đồng đội nằm ở giữa một cái hang, xung quanh toàn là đá vôi. Chỉ một cơn mưa nhỏ mùi đá vôi đã bốc lên nồng nặc”,* ông Khôi nhớ lại.

Vị xuyên cũng được ví là khu vực “Lò vôi” thế kỷ, là “cối xay thịt”

Giai đoạn 1984 - 1987, Vị Xuyên cũng được ví là khu vực *“lò vôi thế kỷ”, là “cối xay thịt”,* liên tục bị địch pháo kích vô cùng ác liệt. Lúc bấy giờ, với vai trò là Trung đội trưởng (C7, d5, E165, F312), Trung úy Võ Văn Khôi và các

đồng đội được giao nhiệm vụ trấn giữ một ngọn đồi có tên là H6. Thông thường vào buổi ngày, do địch bắn phá liên miên nên hầu hết các chiến sỹ sẽ ở lại trong hang để trấn giữ. Đêm xuống, mặc dù thỉnh thoảng vẫn có pháo từ phía bên kia bắn lại nhưng anh em lại thay nhau, vượt đồi núi để lên điểm trấn giữ tiền tiêu trên cao để nghe ngóng tình hình...

“Những chuyến đi vượt rừng ban đêm, dầu tưởng chừng như an toàn hơn nhưng lại thường xuyên tiềm ẩn mối nguy hiểm vì bị đột kích, vì khắp khu rừng đâu đâu cũng có mìn...”, vị cựu binh nhớ lại. Lần cuối cùng, trên đường đi làm nhiệm vụ về, ông gặp phải mìn, bị thương, cắt cụt mất chân phải. Lúc đó, cũng là những ngày giáp Tết và nếu theo như lệnh tăng cường chỉ một thời gian ngắn nữa, sau Tết, ông và các đồng đội sẽ được trở về Hà Nội...

Tổ quốc cần chúng tôi sẵn sàng

Khác với ông Võ Văn Khôi, ông Trịnh Hồng Thắng (nay đang sống tại đường Hà Huy Tập) lại thuộc lớp “đàn anh” - tham gia chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc vào những ngày

đầu của cuộc chiến. Thời điểm nhập ngũ, ông Thắng đã là kế toán ở cảng Bến Thủy. Bố ông, vốn là cán bộ của ngành giáo dục, khi biết ông xung phong nhập ngũ, cũng có nhiều tâm tư, băn khoăn. Nhưng rồi *“Tổ quốc cần, chúng tôi sẵn sàng”*, ông lên đường với một tâm thái nhẹ tênh, với khát vọng sớm được ra chiến trường để bảo vệ biên giới, bảo vệ biên cương của tổ quốc.

Chàng trai trẻ khi ấy lên đường khi đất nước đã hòa bình, thống nhất cũng không lường trước được sự khốc liệt của cuộc chiến. Vậy nên, những ngày đầu lên Hà Giang, đối diện với chiến thuật dùng biển lửa, biển người của đối phương... thực sự căng thẳng, khó khăn. Đó cũng là giai đoạn mà lực lượng hai bên bị thương vong nặng nề nhất, rất nhiều đồng đội của ông, có những người còn vừa ngồi ăn với nhau bên bờ suối, chỉ một trận bom đã ngã xuống...

Ở trên ấy, sương mù dày đặc, quanh năm lạnh giá

Ông cũng còn nhớ, mọi trận đánh của hai bên khi ấy đều ác liệt, giằng co nhau. Có

khi, chỉ một con cầu, mà phía bên kia là địch, bên này là mình, sự sống và cái chết chỉ cách nhau một tích tắc. Lên biên giới, các ông phải làm quen với cái rét của miền biên viễn, mà khi đó hành trang mang theo chỉ có 2 bộ quân phục và một áo trấn thủ. Ở trên ấy, sương mù dày đặc, quanh năm lạnh giá. Có thời điểm, vì phải trấn thủ trên núi quá lâu, chân tay bị tê cứng, không đi lại được.

Đến khi tỉnh dậy, một bên chân đã bị cắt cụt một nửa...

Mình được sống là may mắn rồi, đồng đội mình biết bao nhiêu người ra đi khi tuổi còn trẻ

Thời điểm ông Thắng bị thương là tham gia trận đánh ở tại cầu Cốc Lếu (bên sông Kỳ Lừa). Khi bị đạn bắn trúng, ông gần như ngất xỉu ngay tại chỗ. Đến khi tỉnh dậy, một bên chân đã bị cắt cụt một nửa, chân còn lại vết thương cũng loét vào sâu tận gót chân... Kể chuyện, người thương binh 1/4 sau hơn 40 năm vẫn không cầm được xúc động: “*Khi đó, tôi biết mình tàn phế rồi. Nhưng bản thân vẫn*

không hề nao núng, vẫn muốn được ra trận. Rồi lại nghĩ, mình được sống là may mắn rồi, đồng đội mình biết bao nhiêu người ra đi khi tuổi còn trẻ hơn”, ông Thắng nói.

Hai người lính, hai thương binh 1/4, sau chiến tranh biên giới phía Bắc đều phục viên và trở về địa phương. Cuộc chiến đi qua, để lại trên cơ thể các ông những vết thương chằng chịt, những đốm đau, khiến các anh khó có thể hòa nhập như những người bình thường. Nhưng, với bản chất của người lính Cụ Hồ, với tinh thần của những người lính quả cảm, anh dũng, họ vẫn chiến đấu, vẫn vươn lên trong cuộc sống.

Ông Khôi nói rằng, hạnh phúc lớn nhất của ông lúc này là 4 đứa con đều học giỏi, trong đó con gái đầu tốt nghiệp Đại học Ngoại thương, con gái thứ 2 học Đại học Dược và con thứ 3 đang học Kinh tế quốc dân... Còn với cựu binh Trịnh Hồng Thắng, chiến tranh đã qua nhưng nhiệm vụ, trách nhiệm của ông với đồng đội vẫn còn.

Mấy năm trở lại đây, năm nào ông cũng

cùng đồng đội cũ, lên lại Vị Xuyên, trở lại chiến trường xưa để quy tập mộ cho những liệt sỹ đã nằm xuống. Hạnh phúc của ông còn là may mắn lấy được người vợ tần tảo, có hai con ngoan đều đã tốt nghiệp đại học và có việc làm ổn định... *“Chiến tranh, đâu có thắng hay thua thì đều để lại những thương tổn. Nhưng, cuộc sống dù là ở trong hoàn cảnh nào cũng phải biết đấu tranh, biết sinh tồn... Và ông Trời luôn công bằng, chẳng lấy đi của ai tất cả”,* ông Thắng nói.

Ông Trời luôn công bằng, chẳng lấy đi của ai tất cả

Theo Mỹ Hà/Báo Nghệ An.vn

GẶP NHỮNG NGƯỜI VƯỢT TRƯỜNG SƠN NĂM XƯA

Cuối tháng 4/2021, trong chuyến công tác về các huyện Đắk Hà, Ngọc Hồi, tôi tình cờ được gặp những người từng “*xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước*” năm xưa và được nghe họ kể lại một thời hào hùng của tuổi trẻ cầm súng ra trận đánh Mỹ, giải phóng quê hương, đất nước. Thuở ấy, hòa cùng khí thế “*cả nước ra trận*”, họ đã hăng hái vượt Trường Sơn vào Nam đánh Mỹ, chỉ mong được góp phần nhỏ bé của mình mang đến thắng lợi cuối cùng để thống nhất đất nước.

Ký ức những ngày vượt Trường Sơn cứu nước

Tháng 6/1970, người thanh niên Trịnh Văn Thìn (xã Thanh Liên, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An) xung phong vào bộ đội. Sau hơn

3 tháng huấn luyện trong quân ngũ, ông cùng đồng đội vượt Trường Sơn vào Nam chi viện cho chiến trường.

Theo đường chiến lược 15, ông Thìn và đồng đội đi qua Hà Tĩnh, Quảng Bình. Thời gian này, Đoàn 559 đã “lật cánh” sang tổ chức vận chuyển ở Tây Trường Sơn. Tuyến giao liên Đông Trường Sơn vẫn chỉ là những lối mòn, luồn lách giữa đại ngàn; khi vượt núi cao chát ngất, vách đá cheo leo; khi luồn qua hang sâu, khe cạn...

Mặc dù đã được tập luyện để vượt qua khó khăn trong điều kiện dầm mưa, dãi nắng, mang nặng đường xa và chuẩn bị tinh thần hành quân vượt Trường Sơn là cực kỳ gian khổ, nhưng gian khổ mà bộ đội Trường Sơn phải trải qua còn vượt xa những gì được nghe và tưởng tượng. Những thử thách khốc liệt của những tháng ngày hành quân vượt Trường Sơn thật là khốc liệt. Ngày đi, đêm nghỉ, cơm vắt, ngủ rừng, cuối cùng ông Thìn và đồng đội trong đoàn hành quân đã đến tỉnh Quảng Trị.

Lúc bấy giờ, chiến trường Tây Nguyên bị

bao vây chia cắt. Đường Trường Sơn bị quân Mỹ - nguy. phản kích đánh ra vòng ngoài bằng các cuộc hành quân lớn nhằm cắt đứt con đường chi viện lương thực, thực phẩm, vũ khí, đạn dược từ miền Bắc vào miền Nam. Ông được biên chế vào D bộ, E9, F304 tham gia chiến dịch phản công vào Đường 9 - Nam Lào của quân ta.

Hần sâu trong ký ức của ông Thìn là lực lượng tham gia chiến dịch của quân ta ngày ấy gồm nhiều đơn vị chủ lực mạnh, có đến 5 sư đoàn bộ binh và một số đơn vị binh chủng cùng lực lượng tại chỗ của các Mặt trận B4 (Quân khu Trị - Thiên), B5 (Mặt trận Đường 9 - Bắc Quảng Trị), Đoàn 559 (Bộ đội Trường Sơn). Sau gần 50 ngày đêm chiến đấu, từ ngày 8/2/1971 đến 23/3/1971, ta đã đánh cho quân đội Mỹ - nguy. một đòn chí mạng, đập tan ý đồ cắt đứt đường Trường Sơn của quân địch, làm phá sản một bước quan trọng chiến lược “*Việt Nam hóa chiến tranh*” của Mỹ. Tròn nửa thế kỷ trôi qua, nhưng Chiến thắng Đường 9 - Nam Lào 1971 còn được ghi nhớ mãi trong lòng ông và các đồng đội đã tham gia chiến dịch này.

Câu chuyện về tinh thần yêu nước

Đến bây giờ, cựu chiến binh Sư 304 - Nguyễn Xuân Vị (xã Sa Loong, huyện Ngọc Hồi) vẫn nhớ như in con đường vượt Trường Sơn vào Nam đánh Mỹ nhiều gian khổ. Năm 1965, thất bại trong *"Chiến tranh đặc biệt"*, đế quốc Mỹ chuyển sang *"Chiến tranh cục bộ"*. Trước tiếng gọi của Tổ quốc, ông Vị cùng hàng triệu thanh niên miền Bắc lên đường vào Nam. Sau 6 tháng 15 ngày vượt Trường Sơn, ông và đồng đội đặt chân đến chiến trường Tây Nguyên (B3) - một địa bàn chiến lược vô cùng quan trọng. Tây Nguyên không chỉ là căn cứ địa, mà là bàn đạp, là nơi phát động những chiến dịch tiến công lớn của các binh đoàn chủ lực để tạo ra những đột biến có tính chất bước ngoặt cho cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Ông Nguyễn Xuân Vị kể: Trước ngày đi B, tôi được về phép 3 ngày, chỉ nói với mẹ được một câu: *"Chiến thắng con về"*. Và rồi tôi đã trở về, nhưng vẫn còn đồng đội tôi đã hy sinh máu xương để góp phần giành lấy độc lập, thống nhất đất nước cho dân tộc Việt Nam.

Đến nay, vẫn còn nhiều đồng đội tôi nằm lại ở đại ngàn Tây Nguyên mà chưa tìm được.

“Có lẽ còn duyên nợ với Tây Nguyên, sau khi về phục viên năm 1976, từ vùng ngập của lòng hồ thủy điện Sông Đà, tôi lại chuyển vào xây dựng quê hương mới tại thôn Hào Lý, xã Sa Loong, huyện Ngọc Hồi đến hôm nay. Hiện tôi làm Chi hội trưởng CCB thôn Hào Lý” - ông Vị bộc bạch với chúng tôi trong tâm trạng bồi hồi xúc động.

Cùng chung dòng hồi tưởng về những ngày tháng vượt Trường Sơn vào Nam chiến đấu, ông Đinh Công Tạng cho biết, sau 3 tháng huấn luyện tại Lạc Thủy - Hòa Bình, năm 1968 ông được lệnh vào Nam. Đơn vị của ông là Công trường 5, F27. Hai tháng sau, đơn vị của ông đặt chân đến Khe Sanh, Quảng Trị - chiến trường ác liệt nhất thời bấy giờ. Bởi, trong bản đồ quân sự của Mỹ, Khe Sanh chiếm một vị trí đặc biệt quan trọng, từ đây có thể uy hiếp đường Hồ Chí Minh và bảo vệ Vùng I chiến thuật, nên chúng ra sức đánh phá nhằm cắt đứt đường Hồ Chí Minh. Những năm tháng

chiến đấu ở Trường Sơn đã trở thành năm tháng không bao giờ quên trong cuộc đời của ông Đinh Công Tằng và hàng triệu thanh niên Việt Nam không quản hy sinh thân mình để giữ con đường Trường Sơn - con đường ra trận - luôn thông suốt, góp phần vào công cuộc kháng chiến chống Mỹ, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Ông Đinh Công Tằng tâm sự với chúng tôi rằng, trong những giờ phút chiến đấu ác liệt nhất, ranh giới giữa cái chết và sự sống dường như chỉ còn trong gang tấc. Có những đồng đội mới vài giây phút trước còn nằm bên nhau mà chỉ trong tích tắc đồng hồ đã vĩnh viễn ra đi. Sự bình yên ngày hôm nay đã được đánh đổi bằng máu và nước mắt của thế hệ cha anh đi trước.

Sau chiến tranh, trở về với đời thường, các chiến sĩ vượt Trường Sơn năm xưa vẫn giữ vững bản chất của người chiến sĩ cách mạng trung với Đảng, hiếu với dân, chăm lo xây dựng cuộc sống, gia đình và xã hội, đoàn kết thương yêu giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống. Các cựu chiến binh tiếp tục truyền cho nhau nghị lực để

vượt khó vươn lên làm giàu trên quê hương mới, đóng góp vào công cuộc xây dựng, phát triển đất nước.

Theo Dương Lê/Báo Kontum

MỤC LỤC

- Lời giới thiệu	5
- Chiến trường vẫy gọi	9
- Thày Hiệu trưởng ra chiến trường	21
- Con gái bộ trưởng xung phong ...	27
- Nhớ mãi chiến trường K	43
- Quân đoàn 4 – Quả đấm thép trên ...	51
- Hồi ức của người lính qua 3 cuộc chiến ...	129
- Hồi ức mùa xuân ra trận của người lính ...	135
- Tiêu diệt hàng ổ cuối cùng của địch...	141
- Những kỷ niệm trong đời quân ngũ	151
- Anh hùng Lê Mạnh Hùng ...	161
- Hồi ức của vị Tướng ...	167
- Tuổi xuân để lại chiến trường	177
- Lòng kiêu hãnh của người lính	183
- Kỷ niệm chiến trường	191
- Chuyện của những phi công ...	213
- Ra đi để trở về anh dũng hiên ngang	223
- Gặp những người lính vượt Trường Sơn ...	245

NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ

Địa chỉ: Số 9, Ngõ 26, Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

VPGD: Số 347, Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (024)66860751 - : (024)66860752

Chiến trường vẫy gọi

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc: BÙI THỊ HƯƠNG

Chịu trách nhiệm nội dung

LÊ QUANG KHÔI

Biên tập

Vũ Thị Thu Ngân

Bìa: Nguyễn Cường

Trình bày: Quốc Đại

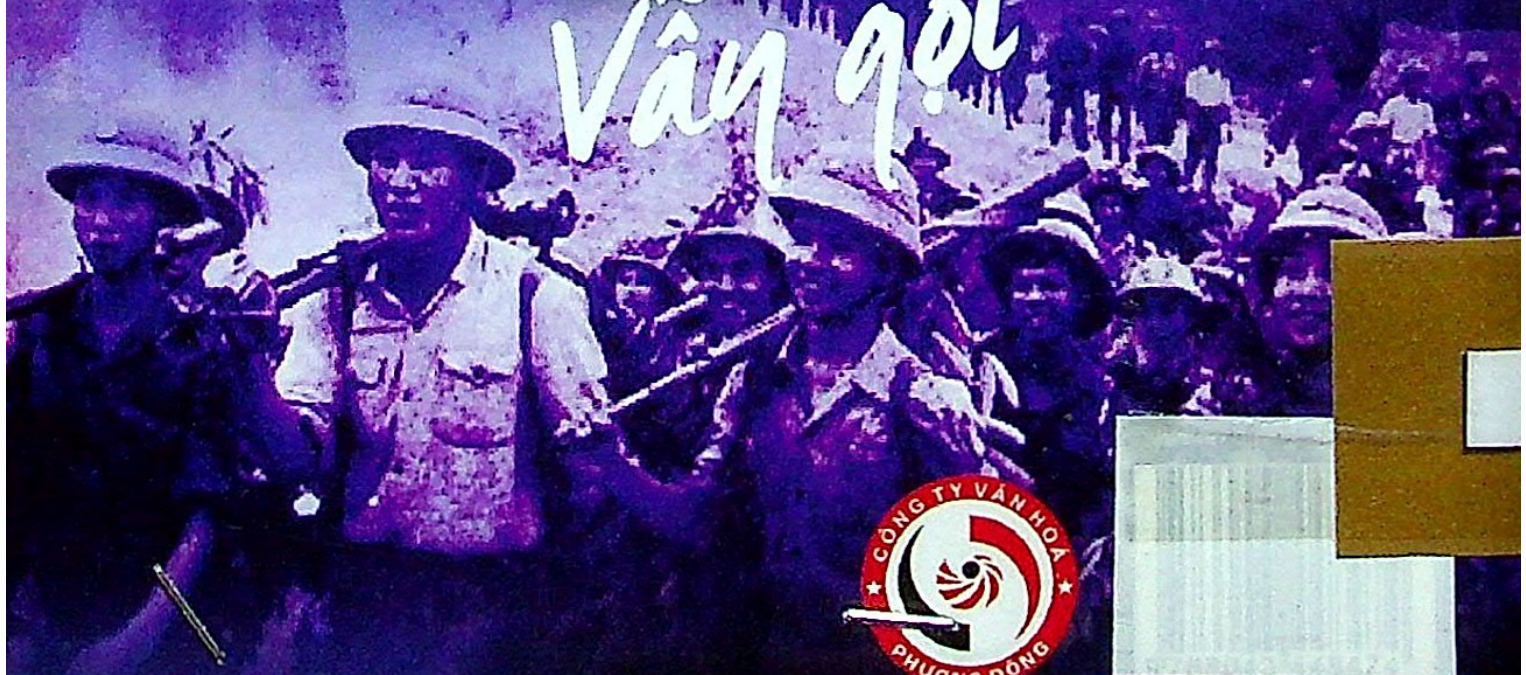
Sửa bản in: Bon Bi

In 800 cuốn. Khổ 13 x 19. Tại Công ty TNHH in Thanh Bình. Địa chỉ: Số 432, Đường K2, Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội. Số XNĐKXB: 28-2022/CXBIPH/22-02/DT. Số: 277/QĐXB-NXBĐT ngày 14/2/2022. In xong và nộp lưu chiểu Quý I năm 2022. Mã số tiêu chuẩn quốc tế (ISBN): 978-604-344-847-4



0000555535

CHIẾN TRƯỜNG Vẫy gọi



Giá: 70.000đ